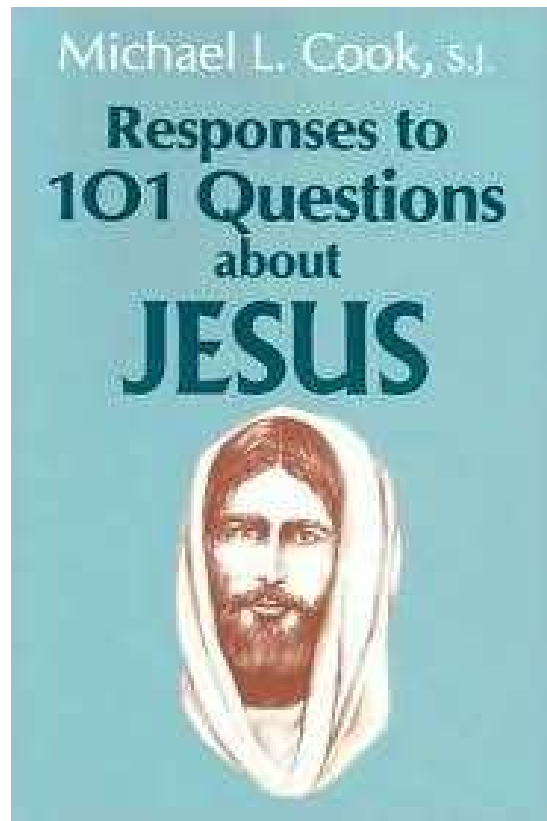


# MỘT TRĂM LẼ MỘT CÂU HỎI VỀ CHÚA GIÊSU

*Michael L. Cook, Dòng Tên*



**Nhà Xuất Bản Paulist Press, New York, 1993**

**Vũ Văn An**  
**Chuyển Ngữ**

## Dẫn nhập

“Còn có nhiều điều khác Chúa Giêsu đã làm. Nếu viết lại từng điều một, thì tôi thiết nghĩ: cả thế giới cũng không đủ chỗ chứa các sách viết ra” (Ga 21:24). Người ta có thể nói thêm, cả những sách về các sách từng viết ra về lời nói và việc làm, sự chết và sự phục sinh, tóm lại trọn bộ mầu nhiệm kỳ diệu mà chúng ta vốn đơn giản gọi là “Chúa Giêsu”. Như thế, tại sao lại còn một cuốn sách nữa về Người? Với tôi, câu trả lời vừa có tính cách bản thân vừa có tính cách nghề nghiệp, mặc dù tôi không và không thể tách biệt hai điều này. Tôi vào Dòng Tên năm 1953 ở cỡ tuổi non trẻ mười bảy, rất ít ý thức được con người mà tôi sắp sửa gặp gỡ. Tôi bị lôi cuốn vào Dòng Tên nhờ những người tôi được biết lúc học tại Trường Chuẩn Bị tại Seattle, nhưng, cũng như với nhiều học sinh trung học hồi ấy, với tôi, Thiên Chúa đúng hơn chỉ là một quan tòa nghiêm khắc, sẵn sàng thưởng thưởng khi chúng tôi tốt và trừng phạt khi chúng tôi xấu. Chúa Giêsu thực sự chỉ là một tên khác của Thiên Chúa. Nhưng điều đó thay đổi khi lần đầu tiên tôi gặp được Chúa Giêsu như một người bạn ấm áp, nhân bản và bản thân trong khi tham dự trọn vẹn ba mươi ngày Linh Thao của Thánh Inhã. Tôi gặp được một người yêu thương tôi, một người yêu thương tôi trọn vẹn vì tôi và không hề đặt bất cứ điều kiện gì cho tình yêu thương của Người, nhưng là một người có tình yêu thương có tính biến đổi và giải thoát mạnh mẽ. Tôi tin không có điều gì có tính sinh tử và chủ chốt đối với cuộc sống tâm linh lành mạnh cho bằng trải nghiệm được yêu thương vì chính mình và khả năng tương ứng để điều đó xảy ra, chấp nhận tính đáng yêu của chính mình như một hồng ân nhưng không. Đó là hồng ân của Chúa Giêsu dành cho tôi.

Nhưng tình yêu như thế đòi một đáp trả bao gồm việc nhận trách nhiệm suốt cả đời mình. Dĩ nhiên, việc này diễn ra ở nhiều bình diện. Với tôi, vai trò trung tâm và có tính quyết định vốn là vai trò của thần học gia chuyên nghiệp. Từ trải nghiệm Linh thao đầu tiên hết sức tươi mát và vẫn còn mầu nhiệm, tôi biết rằng tôi muốn biết Chúa Giêsu một cách thân mật hơn, yêu thương Người tha thiết hơn, và theo chân Người trung thành hơn. Ngay lúc đó, tôi đã biết rằng một nẻo đường hướng tới việc nên trọn lời cầu nguyện này là học Kitô học nghĩa là học về việc Chúa Giêsu là ai và qua các thế kỷ, chúng ta đã nói gì về Người. Tôi rất may mắn đã có thể làm thế trong suốt gần 40 năm ở trong Dòng Tên.

Thành thử, câu trả lời thứ nhất là tôi viết cuốn sách này cho riêng tôi theo nghĩa nó là biểu thức nói lên tình yêu và lòng biết ơn đối với một người vốn yêu thương tôi từ trước đến nay. Thế nhưng, như chúng ta vốn biết, tình yêu của Chúa Kitô luôn thúc đẩy ta đi ra ngoài, đi vào tình yêu người khác nhất là “những người bé nhỏ” (Mc 10:14): trẻ em, góa phụ, khách lạ, người nghèo và người bị áp bức, và tất cả những ai tìm kiếm Thiên Chúa bằng đức công chính, lòng khiêm nhường, và sự dịu dàng (Mc 6:8). Do đó, cuốn sách này được viết cho những ai – sinh viên, bằng hữu và gia đình, đồng nghiệp, khán giả đủ cỡ đủ hình dáng – không những đã lắng nghe tôi mà còn đáp ứng một cách làm phong phú và thâm hậu hành trình mà tôi đã đảm nhận như người đồng hành của Chúa Giêsu. Tất cả chúng ta đều là “*compañeros en Christo*” (Đồng chí của Chúa Kitô) như Thánh Inhã đã ghi. Phần lớn những gì tôi đã viết trước đây đều có tính bác học dành cho giới học thuật, đồng nghiệp của tôi. Nhưng phần lớn những điều tôi trải nghiệm ở các lớp học, phòng thuyết trình và khung cảnh giáo xứ có tính mục vụ và bản thân hơn. Từ lâu tôi vốn xác tín rằng các nhà thần học, muốn hữu hiệu, phải can dự vào một loại công việc mục vụ nào đó ngõ hầu công trình chuyên nghiệp, học thuật của họ phản ánh các thực tại của những người bị bắt công chà đạp. Tôi đã tìm cách can dự trong nhiều năm và tôi hy vọng rằng cuốn sách này phản ánh các câu hỏi chân thật của những người như thế.

Cuốn này là một phần của một loạt sách liên tục bắt đầu với cuốn *Responses to 101 Questions on the Bible* của Raymond E. Brown. Nó được viết trong tinh thần của cuốn sách đó như là “cuốn sách dân dã, không chủ yếu là sách bác học”. Tôi đã cố gắng phát biểu các câu hỏi như đã nhớ được từ các sinh viên, các cử tọa,

và bằng hữu. Các câu trả lời phát xuất từ cách hiểu và cách tiếp cận của riêng tôi. Có hai điều cần được lưu ý. Hiên nhiên, nguồn chính của chúng tôi đối với bất cứ điều gì chúng tôi nói về Chúa Giêsu là Kinh Thánh. Do đó, cuốn sách này có nhiều câu hỏi về Kinh Thánh mà Brown đã bàn tới một cách sâu sắc và đáng ca ngợi. Ngoài ra, không tránh được việc có những gổ đầu lên nhau với những câu hỏi Brown đã bàn tới. Tôi đã tìm cách phát biểu và trả lời chúng theo cách của tôi, nhưng nhiều câu hỏi y như nhau hoặc tương tự. Điều nữa, dù không quên vai trò thần học gia của tôi, xu hướng của tôi vẫn có tính KinhThánh mạnh mẽ và các câu trả lời của tôi phản ảnh điều ấy.

Điều thứ hai cần lưu ý là tôi tiếp cận với nhiệm vụ này bằng một số giả định bác học nào đó, những giả định nên nhắc đến ngay từ lúc đầu. Có hai hình ảnh về Chúa Giêsu, đôi khi dường như kính chống nhau. Một có tính truyền thống hơn, hình ảnh kia có tính hiện đại hơn. Mỗi hình ảnh tìm cách trả lời ba câu hỏi quan trọng nhất về Chúa Giêsu: Người là gì, Người dạy gì, và Người hy vọng đạt được gì? Hình ảnh truyền thống, một hình ảnh khá nổi bật trong ý thức phần lớn Kitô hữu, nhấn mạnh tới ‘khoảnh khắc’ nhập thể. Chúa Giêsu là Ngôi lời vĩnh cửu của Thiên Chúa, Đấng đã xuống làm nhục thể, chết vì tội lỗi chúng ta, và lên trời trở lại với vinh quang đời đời với Chúa Cha. Hình ảnh này chủ yếu dẫn khởi từ Tin Mừng Gioan. “Thiên Chúa yêu thể gian đến nỗi đã ban Con Một, để ai tin vào Con của Người thì khỏi phải chết, nhưng được sống muôn đời” (Ga 3:16). Điều Chúa Giêsu mạc khải hay giảng dạy là căn tính của Người trong tương quan đời đời với Chúa Cha, và điều Người hy vọng đạt được là sự sống đời đời cho tất cả những ai tin Người. Người là “đường” chỉ cho chúng ta Chúa Cha và nhờ thể giúp chúng ta sống trong cùng mối tương quan đời đời của Chúa Cha và Chúa Con. Các kinh tin kính và các công đồng sau này của Giáo Hội, vốn chịu ảnh hưởng của Tin Mừng Gioan, cũng nhấn mạnh tới thiên tính của Chúa Giêsu đến nỗi nhân tính của Người dường như bị tan hòa vào đó. Các giáo phụ và công đồng chính thống luôn luôn nhấn mạnh tới nhân tính trọn vẹn trong nguyên tắc. Các ngài chủ trương rằng nếu Chúa Giêsu không mang trọn nhân tính, thì chúng ta không được cứu rỗi. Nhưng các ngài thường tỏ ra ít quan tâm tới kinh nghiệm chân thực, sống động của con người Giêsu thành Nadarét. Trong quan tâm muốn duy trì và bảo vệ thiên tính của Chúa Giêsu, các ngài đã nêu lên nhiều câu hỏi nghiêm túc về việc các ngài phải coi trọng ra sao các biểu hiện cụ thể của nhân tính Người.

Hình ảnh hiện đại, mặt khác, là kết quả của các phát triển liên tục trong khoa phê bình KinhThánh, nhất là phê bình lịch sử, trong gần hai thế kỷ qua. Một trong các kết quả chính là việc thừa nhận đặc tính hết sức khác biệt của Tin Mừng Gioan so với các Tin Mừng nhất lãm, nghĩa là Máccô, Mátthiêu và Luca. Thí dụ, nếu người ta hỏi một câu hỏi về Chúa Giêsu trong đời sống và thừa tác vụ lịch sử của Người – Người giảng dạy những gì, Người hy vọng đạt được những gì, Người biết gì về tương lai hay nghĩ gì về bản thân Người – thì các Tin Mừng nhất lãm cho ta tiếp cận với Chúa Giêsu đó tốt hơn Tin Mừng Gioan, hay truyền thống theo sau đó. Điều này tương ứng với quan tâm sâu sắc ngày nay vào con người nhân bản, lịch sử xuất phát từ Nadarét, người giống chúng ta mọi sự ngoại trừ tội lỗi (Dt 4:15). Nhiều người ngày nay muốn một Chúa Giêsu từng bước đi với chúng ta trên đường, biết và hiểu vì Người đã hoàn toàn bước vào những tầng sâu thẳm nhất của nhân sinh – nỗi vui nỗi buồn, hy vọng sợ hãi, đấu tranh, thử thách, và cảm dỗ cũng như các cố gắng can đảm, các chiến thắng, các hân hoan thiêng liêng vốn đánh dấu mỗi người chúng ta như những con người nhân bản. Hình ảnh này không bác bỏ hình ảnh truyền thống nhưng có điều chỉnh nó. Chúa Giêsu không phải là một vị Thiên Chúa chỉ dường như là con người. Đúng hơn, Người là cách làm người của Thiên Chúa, “bộ mặt nhân bản của Thiên Chúa”, Đấng trở nên “vâng lời cho đến chết, và chết trên thập giá” (Pl 2:8). Vâng lời là chuyện của ý chí nhân bản, của cuộc đấu tranh nhân bản để trung thành trước đau khổ trần áp. Hình ảnh hiện đại không bác bỏ thiên tính của Chúa Giêsu nhưng một cách hết sức nghiêm chỉnh nó theo nẻo đường mà Người phải theo để bước vào vinh quang của Chúa Cha.

Một chiều kích khác của phương thức hiện đại cần được nhấn mạnh là các trước tác Tân Ước như chúng ta

có hiện nay, là sản phẩm cuối cùng của một diễn trình giải thích và phát triển lịch sử lâu dài. Các câu chuyện về Chúa Giêsu thoát đầu được truyền bằng miệng, rồi mới được viết xuống và được duyệt lại trong một thời kỳ lâu dài. Các kinh tin kính và công đồng cũng là một phần của cùng một diễn trình. Ngày nay, Chúa Giêsu đến với chúng ta sau khi được sàng lọc qua một diễn trình đa dạng và phức tạp của điều ta gọi là truyền thống Kitô giáo. Chúng ta không thể coi điều chúng ta nói về Người trong đức tin giống hệt như sự kiện lịch sử. Truyền thống về Người chứa phần lớn lịch sử nhưng nó cũng khẳng định nhiều điều, thí dụ như thiên tính, vượt quá các giới hạn của phương pháp lịch sử như khoa này được hiểu ngày nay. Năm 1964, Ủy ban Giáo Hoàng về Kinh Thánh và Công đồng Vatican II năm 1965 đã khẳng định với giới học giả hiện thời về Kinh Thánh rằng ít nhất có ba giai đoạn trong truyền thống Tin Mừng về Chúa Giêsu. Trước nhất, có giai đoạn Chúa Giêsu người Galilê sinh ra khoảng năm 6-4 TCN và chết khoảng năm 30 CN. Điều chúng ta có thể nói về đời sống nhân bản, lịch sử của Người tùy thuộc vào tính giá trị của các phương pháp tái dựng lịch sử của chúng ta, giống như giai đoạn sau. Do đó, giai đoạn kế tiếp là giai đoạn rao giảng truyền khẩu bởi các Kitô hữu sớm nhất từ khoảng năm 30 tới năm 70 CN. Điều này xảy ra khi các Kitô hữu ra khỏi đời sống làng mạc thôn dã, nông dân hơn của Chúa Giêsu, mà ngôn ngữ chính là tiếng Aram, để chuyển sang đời sống thành thị của những người Do Thái và Dân Ngoại nói tiếng Hy Lạp. Mặc dù giai đoạn này có tính truyền khẩu, Thánh Phaolô đã bắt đầu viết các thư của ngài vào khoảng năm 51 CN, và các bình diện viết Tin Mừng sớm hơn và nguyên sơ hơn có lẽ đã bắt đầu vào cùng thời kỳ này hay sớm hơn. Cuối cùng là giai đoạn thứ ba, giai đoạn thực sự viết các bản cuối cùng của các Tin Mừng qui điển như ta có hiện nay. Việc này bắt đầu với Thánh Máccô vào khoảng lúc Đền Thờ bị phá hủy năm 70 CN và lên tới cao điểm là bản sau cùng của Tin Mừng Gioan vào khoảng năm 90-100 CN. Rõ ràng, các tác giả Tin Mừng trong các bản sau cùng của họ đã sáp nhập nhiều yếu tố từ các giai đoạn trước của truyền thống. "... lựa chọn một vài điều từ nhiều điều đã được truyền lại hoặc bằng miệng hoặc bằng chữ viết, giản lược một số thành một tổng hợp, giải thích... một số điều theo hoàn cảnh của giáo hội họ, và duy trì các hình thức công bố nhưng luôn một cách chúng thuật lại cho chúng ta sự thật trung thực về Chúa Giêsu..." (Vatican II, *Dei Verbum* số 19). "Sự thật trung thực về Chúa Giêsu" bao gồm lịch sử nhưng vươn xa hơn thế nhiều. Các tác giả Kinh thánh là những nhà thần học giải thích truyền thống về Chúa Giêsu dưới góc độ hoàn cảnh hiện thời của họ ngõ hầu công bố ý nghĩa của Người một cách hữu hiệu hơn cả trong các cộng đồng của họ lẫn trong những xứ truyền giáo. Chúng ta phải làm cùng một điều nếu Chúa Giêsu tiếp tục sống động, tích cực và hiện diện giữa chúng ta. Với tôi, chúng ta truyền lại không phải những chữ đã chết trong quá khứ mà là Thần trí sống động.

Kitô học, một chuyên khoa của tôi, chỉ là một cố gắng liên tục giữ cho mình trung thành với các truyền thống quá khứ về Chúa Giêsu chính bằng cách công bố Người như mới trong hoàn cảnh đương thời. Mục đích là tiếp tục kể câu chuyện của Chúa Giêsu, một câu chuyện không bao giờ kết thúc. Chúng ta phải liên tục suy niệm và giải thích câu chuyện của Người để nó biến đổi chúng ta và giải thoát chúng ta, để câu chuyện của Người trở thành câu chuyện của chúng ta, khi chúng ta theo chân Người làm môn đệ. Khi cố gắng trung thực với toàn bộ truyền thống từ thời Chúa Giêsu cho tới ngày nay, cách tiếp cận Kitô học của tôi bao gồm bốn chiều kích khác biệt nhưng bất khả tách phân và bất khả miễn chước: Chúa Giêsu lịch sử, sự chết của Người trên thập giá, sự phục sinh, và nhập thể. Ngày nay có một số người bác bỏ nhập thể, coi nó như không có liên quan, không cần thiết cho đức tin Kitô giáo. Theo quan điểm của tôi, nó có tính yếu tính hơn cả mọi khẳng định đức tin Kitô giáo vì nó có tính căn để hơn cả. Nhập thể khẳng định việc Thiên Chúa đích thân can dự vào lịch sử con người và trải nghiệm nhân bản của chúng ta. Không điều gì làm chính cốt lõi nhân tính chúng ta xúc động sâu xa hơn. Thiên Chúa đã trở thành một người trong chúng ta. Thiên Chúa cảm nghiệm từ bên trong điều chúng ta cảm nghiệm, đau khổ điều chúng ta đau khổ, mãi trung thành nơi chúng ta cần trung thành. Có điều gì có thể căn để hơn điều đó không? Nhưng dưới góc độ các cách tiếp cận đương thời, việc khẳng định nhập thể chỉ có thể khả hữu khi chấp nhận toàn bộ trải nghiệm của Chúa Giêsu: đời sống và thừa tác vụ nhân bản và lịch sử của Người, "biến cố" trung tâm và quyết định

là sự chết và sự phục sinh của Người, và đời sống và thừa tác vụ liên tục của Giáo Hội, bắt đầu với các Thánh Phêrô, Phaolô và Gioan và tiếp diễn tới Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II và xa hơn nữa. Tôi có thể đồng ý với các nhà thần học và các học giả Kinh Thánh ngày nay khi họ muốn “tái bối cảnh hóa” truyền thống Gioan-giáo phụ-công đồng (hình ảnh truyền thống) bên trong quan điểm lịch sử và lũy tiến hay phát triển về Chúa Giêsu (hình ảnh hiện đại). Khẳng định rằng Chúa Giêsu là chính việc nhập thể của Thiên Chúa chỉ không thể khả hữu nếu không có sự phân tích phê phán của diễn trình giải thích đem chúng ta tới một khẳng định như vậy. Khẳng định của Công đồng Canxêdoan (451) rằng Chúa Giêsu là con người trọn vẹn và là Thiên Chúa trọn vẹn trong sự hợp nhất của một ngôi vị không diễn ra trong chân không. Các công đồng cũng là sản phẩm sau cùng của một diễn trình giải thích lịch sử lâu dài. Cuốn sách này sẽ cố gắng trả lời một số câu hỏi phát xuất từ nhu cầu liên tục phải giải thích và hiểu truyền thống của chúng ta.

Cuối cùng, liên quan tới các câu hỏi người ta nêu ra, một câu hỏi bề ngoài xem ra đơn giản và thẳng thừng, nhưng có thể nêu lên nhiều vấn đề phức tạp. Một câu hỏi như thế được người ta hay nêu lên là: Chúa Giêsu có biết Người là Thiên Chúa không? Với câu hỏi này hay bất cứ câu hỏi nào, điều quan trọng là lưu ý loại câu hỏi nào đã được nêu lên. Nó có phải là câu hỏi lịch sử về điều Chúa Giêsu thực sự đã nói và làm trong đời Người lúc còn ở thế gian không? Hay nó là một câu hỏi tâm lý về tình trạng tâm trí bên trong của Người? nghĩa là điều Người suy nghĩ về hay có ý làm, hay các động lực nằm bên dưới các hành động của Người? Hay nó là câu hỏi thần học về những cách khác nhau người ta đã dùng để hiểu và giải thích mối tương quan của Người với Thiên Chúa trong các thế kỷ qua? Những cách giải thích này rất có thể tìm thấy trong Kinh Thánh hay trong các kinh tin kính và tín lý của Giáo Hội hay trong các công trình của các nhà thần học và học giả Kinh Thánh từ trước cho tới tận ngày nay. Hay nó là câu hỏi bản thân về việc tất cả những điều này thích hợp ra sao đối với đời sống thiêng liêng của người ta, hay nó là câu hỏi Giáo Hội về các xu hướng và thực hành trong Giáo Hội, hay nó là câu hỏi xã hội về các vấn đề chúng ta đang đối phó trong thế giới ngày nay. Tất cả các câu hỏi này đều tốt và có giá trị, nhưng loại câu trả lời đưa ra tùy thuộc loại câu hỏi đang nêu ra và nguồn tài liệu có sẵn cho một câu trả lời thỏa đáng.

Tất cả các câu hỏi trên đều được bàn tới trong các trang kế tiếp, nhưng dàn ý của cuốn sách này được xây dựng quanh việc phân biệt giữa các câu hỏi lịch sử và thần học. Sau một số câu hỏi khởi đầu về các nguồn gốc và việc giải thích chúng, chúng ta sẽ xem xét các câu hỏi chỉ có các câu trả lời lịch sử (đời sống và thừa tác vụ của Chúa Giêsu). Sau đó, chúng ta sẽ hỏi các câu hỏi ra khỏi các quan tâm lịch sử để bước vào các quan tâm thần học, cả giải thích của Giáo Hội sơ khai về Chúa Giêsu đặt cơ sở trên thập giá và phục sinh lẫn giải thích tiếp diễn của Giáo Hội về sau về Chúa Giêsu dưới hình thức các kinh tin kính và công đồng (các tín lý). Cuối cùng, chúng ta sẽ xét xem các câu hỏi quanh ý nghĩa của Chúa Giêsu đối với ngày nay.

Khi đặt các câu hỏi trực tiếp với Chúa Giêsu hay đặt câu hỏi về Người, chúng ta nên giữ cho hiện diện trong trí khôn ta và sống động trong trái tim ta câu hỏi trung tâm và nền tảng nhất, câu hỏi mà chính Người hỏi chúng ta như các môn đệ của Người: “Nhưng các con nói Thầy là ai?” (Mc 8:29).

## **I. Các nguồn và việc giải thích chúng**

**Câu hỏi 1:** *Nếu các Tin Mừng là lời giải thích và chính chúng đã được giải thích qua nhiều thế kỷ, thì làm thế nào chúng ta biết mình đang tiếp xúc với Chúa Giêsu “thật”?*

Cùng câu hỏi trên có thể hỏi về bất cứ mối tương quan nhân bản nào. Khi chúng ta gặp một người khác, lập tức chúng ta bước vào một diễn trình giải thích. Thoạt đầu, chúng ta tìm một số dữ kiện căn bản, như tên, hậu cảnh, các mối quan tâm v.v... Nhưng đồng thời chúng ta lựa lọc và đánh giá cả các dữ kiện lẫn con



người đang thông đạt chúng cho ta. Không có một diễn trình như thế, chúng ta không thể bước vào bất cứ mối tương quan bản vị nào. Tuy nhiên, nếu chúng ta muốn tiến đến chỗ biết con người “thật” của họ, thì có một điểm trong mối tương quan khi chúng ta buộc phải di chuyển quá bên kia thông tri “sự kiện” và phó mình cho người khác trong một hành vi tự vượt quá mình (self-transcendence). Điều này có thể gọi là hành vi đức tin theo nghĩa căn bản và nền tảng nhất của chữ này, nghĩa là, tín thác.

Điều đúng với mọi tương quan nhân bản thì cũng đúng với mối tương quan của chúng ta với Thiên Chúa, với sự dè dặt này là sáng kiến làm cho sự tín thác ấy hay đức tin ấy khả hữu về phần chúng ta phát xuất từ Thiên Chúa (và do đó chúng ta gọi đức tin là một trải nghiệm ân sủng). Tuy nhiên, chính lời mời gọi của Thiên Chúa kêu gọi sự đáp trả nhân bản của chúng ta. Khi chúng ta đáp trả, bất kể trong mối tương quan với những hữu thể nhân bản hay với Thiên Chúa, diễn trình giải thích phải tiếp diễn, nếu không, chúng ta sẽ không bao giờ thâm hậu và phát triển được mối tương quan. Tất một lời, mối tương quan đệ nhất đẳng của chúng ta với Thiên Chúa mà chúng ta biết ở trong Chúa Giêsu là mối tương quan của đức tin. Đó chính là Chúa Giêsu “thật”. Thế nhưng, giống như với bất cứ mối tương quan nào, trải nghiệm đức tin này cũng làm xuất hiện rất nhiều loại câu hỏi khác nhau mặc tình để người ta hỏi, như các câu hỏi có tính lịch sử, tâm lý, thần học, bản vị, v.v... (xem *Dẫn nhập*). Không những đây là những câu hỏi tốt và có giá trị, chúng còn cần thiết nữa nếu chúng ta muốn lớn lên và chín mùi trong đức tin của chúng ta.



**Câu hỏi 2:** *Nhưng tại sao Thiên Chúa không làm nó dễ dàng hơn, thí dụ, tại sao Chúa Giêsu không viết Kinh Thánh thay vì các môn đệ Người?*

Câu hỏi này cần được trả lời ở hai bình diện, bình diện đầu tiên liên quan tới bản chất của Kitô giáo và bình diện thứ hai liên quan tới bản chất Kinh Thánh. Không như Hồi giáo, Kitô giáo không phải là tôn giáo của “sách”. Nó là một tôn giáo xoay quanh các mối tương quan bản thân. Người ta chỉ cần đọc Tin Mừng Gioan là thấy điều đó. Điều quan trọng về Tin Mừng Gioan là nó không ngừng nhắc đến mối tương quan bản thân của Chúa Giêsu với Chúa Cha (như ở câu 1:18 nơi Chúa Giêsu được mô tả gọi hình như luôn hiện hữu trong lòng Chúa Cha) và Người mời gọi chúng ta bước vào cùng mối tương quan này qua quyền năng Chúa Thánh Thần (như ở câu 13:23, nơi môn đệ Người yêu dấu được mô tả gọi hình là tựa đầu vào lòng Chúa Giêsu). Bất kể mọi điều trong Tin Mừng Gioan có là sự kiện lịch sử hay không, chắc chắn nó nắm bắt được yếu tính của Kitô giáo: qua đức tin, chúng ta vướng vào mối tương quan bản thân với Thiên Chúa Ba Ngôi, một mối tương quan có nhiều hệ quả đời đời. Vị Thiên Chúa này sống động, tích cực, và hiện diện trong trái tim chúng ta và tại tâm điểm của mọi mối tương quan nhân bản. Đây chính là Thiên Chúa chúng ta cử hành trong con người của Chúa Giêsu.

Sách thánh, như Tin Mừng Gioan chẳng hạn, là các chứng từ bằng chữ viết hay chứng tá cho mối tương quan năng động này. Mọi sách thánh làm chứng cho một điều gì trước đó và có tính nền tảng, tức cho “Thiên Chúa của người sống” (Mc 12:27), Đấng liên tục làm chúng ta trỗi dậy bước vào sự sống mới trong

các trải nghiệm cộng đoàn của ca ngợi và tôn thờ, lắng nghe và công bố, bẻ bánh và chia sẻ, cho ăn và cho mặc. Kinh Thánh được viết ra từ chính các trải nghiệm như thế, và nó trở thành hữu hiệu trong đời sống chúng ta khi chúng ta được linh hứng ra đi và làm như thế. Do đó, Thiên Chúa không thể làm nó ra dễ dàng hơn. Thiên Chúa mặc khải trong Chúa Giêsu mời gọi chúng ta bước vào sự sống nhưng chúng ta phải đáp trả bằng đức tin và nhận trách nhiệm qua việc biến đường của Chúa Giêsu thành đường của chính chúng ta.

**Câu hỏi 3:** *Được, nhưng, Chúa Giêsu có nói và làm tất cả những điều các tác giả Tân Ước cho rằng Người đã nói và làm không? Và, nếu không, thì tại sao họ lại đặt lời vào miệng Người hay tạo ra các câu chuyện về những việc làm vĩ đại của Người?*

Câu hỏi này đem chúng ta trở lại với vấn đề Chúa Giêsu “thật”. Điều hữu ích là phân biệt ba ý nghĩa có thể có của hạn từ đó. Đầu tiên, có Chúa Giêsu, Đấng thực sự đã nói và đã làm những điều cụ thể vào những dịp cụ thể. Chúng ta gần như không tiếp cận chỉ được với Chúa Giêsu này vì Người không hề viết điều gì cả và các Tin Mừng không phải là những cuốn tiểu sử theo nghĩa hiện đại là thu thập và ghi lại các tiết mục cụ thể của thông tin.

Thứ hai, có một Chúa Giêsu “lịch sử”, nghĩa là Chúa Giêsu có thể được tái dựng qua các phương pháp phê phán của nền bác học lịch sử. Việc chúng ta tiếp cận Chúa Giêsu này có giới hạn nhưng quan trọng. Nhờ phân tích có phê phán, chúng ta biết một số cách Người hành động và nói năng đặc biệt, như việc Người công bố Nước Thiên Chúa bằng dụ ngôn và việc Người cử hành sự hiện diện của Nước Thiên Chúa bằng cách ăn uống với người thu thuế và kẻ có tội. Sự tái dựng như thế hết sức tùy thuộc việc in trí nhớ của các cộng đồng Kitô giáo tiên khởi. Giống như với các nhân vật vĩ đại của lịch sử, như Socrates hay Lincoln hoặc Kennedy, trí nhớ này đặt căn bản trên thực tại lịch sử nhưng có tính lọc lựa khá cao và có xu hướng tập chú vào “những khoảnh khắc đáng nhớ” do đó loại bỏ các chi tiết chuyên biệt, cụ thể hoặc vì quên hoặc xem ra không quan trọng như thời gian hay nơi chốn chính xác của một biến cố đặc thù. Phần lớn các tư liệu của các Tin Mừng chắc chắn tùy thuộc vào loại trí nhớ lọc lựa này – cộng đồng tụ tập để thờ phượng nhắc lại các khoảnh khắc đáng nhớ, tác động của Người, sự sắc sảo trong lời lẽ của Người và sức mạnh áp đảo của việc Người làm – nhắc lại nhưng cũng thêm thắt và khai triển như các người kể chuyện khéo thường làm để nhấn mạnh sự thật sâu xa hơn vẫn có ở nơi Người.

Sau cùng, có Chúa Giêsu của Kinh Thánh: Đáng được công bố và giải thích qua các trích dẫn từ Cựu Ước, qua suy tư thần học về ý nghĩa của Người, và trên hết, qua cảm nghiệm liên tục sự hiện diện trong quyền năng Chúa Thánh Thần. Điều sau cùng quan trọng nhất để hiểu điều các tác giả Tân Ước làm. Đã có các tiên tri được Thần Trí Thiên Chúa trong Cựu Ước linh hứng dám nói: “Chúa đã nói như vậy...” thế nào, thì cũng có các tiên tri trong các cộng đồng Kitô giáo tiên khởi dám đứng lên giữa cộng đoàn và công bố lời lẽ của Chúa Giêsu phục sinh. Linh hứng trước nhất liên hệ với một cộng đồng tụ tập trong quyền năng Chúa Thánh Thần. Bản văn viết tùy thuộc vào và phản ảnh cảm nghiệm thiêng nói sống động của Chúa Giêsu phục sinh có tính nền tảng hơn này.

**Câu hỏi 4:** *Nhưng tại sao tôi nên tin một điều gì đó chân thật nếu nó không thực sự xảy ra?*

Câu hỏi của bạn nêu ra điều đối với phần lớn người hiện đại là trở ngại lớn nhất để hiểu sách thánh. Phần lớn chúng ta, con cái của phong trào ánh sáng, một phong trào khởi đầu trong thế kỷ mười tám như một phong trào để giải phóng lý trí con người khỏi tua vôi của lối suy nghĩ giáo điều, chỉ biết chấp nhận những câu như “nếu nó không xảy ra, nó không có thật”. Nỗ lực thực nghiệm, việc đòi phải có “bằng chứng” khoa học hay lịch sử như thử nghiệm quỳ [litmus-test] của thực tại, là một phần của trí thức và óc thông minh chúng ta đến nỗi ít khi chúng ta ý thức được. Thế nhưng, những điều “có thật nhất” trong đời thường là những điều chưa bao giờ xảy ra hay tùy thuộc xác minh thực nghiệm. Khi bạn đọc một cuốn tiểu thuyết, nó có thật cho dù không có điều gì trong cuốn tiểu thuyết từng xảy ra như diễn tả. Nó có thật vì nó đụng tới các bình diện biểu tượng sâu xa nhất của cảm nghiệm nhân bản; nó có thật vì nó soi sáng trí khôn và xúc

động lòng ta, vì nó rung rinh với những gì sâu xa nhất và tốt đẹp nhất trong ta và kêu gọi một đáp trả thường quá sâu xa đến không thể nào diễn tả thỏa đáng được.

Đó là loại tác động mà Chúa Giêsu đã tạo ra nơi những người cùng thời với Người và nơi các thế hệ kế tiếp cho tới tận ngày nay. Thí dụ, điều chân thật về việc Chúa Giêsu làm yên sóng bão (Mc 4:35-41) và đi trên nước (Mc 6: 54-52) không hẳn là sự kiện thực nghiệm kỳ lạ của việc Người hành động ngược với các định luật tự nhiên nhưng sự kiện quan trọng hơn là Chúa Giêsu, cả lúc đó lẫn lúc này, kêu gọi chúng ta tin tưởng ngay giữa sóng gió cuộc đời và đem bình an vào tâm hồn chúng ta. Điều ấy vẫn mãi chân thật bất kể Chúa Giêsu có bao giờ đi trên nước hay không. Như thế, khi đọc sách thánh, ta phải học cách suy nghĩ một cách biểu tượng, chứ không nên luôn luôn chỉ bận tâm tới các sự kiện. Chân lý quan trọng đến không thể bị giản lược vào thứ tâm trí chỉ biết nghĩ chiều tự.

**Câu hỏi 5:** *Nếu các Tin Mừng chủ yếu là các tài liệu đức tin nhằm thông truyền các sự thật có tính biểu tượng, tại sao chúng ta còn cần Chúa Giêsu lịch sử? Há chúng ta không thể chỉ ở lại với Mátthêu, Máccô, Luca và Gioan hay sao?*

Quả thực chúng ta có thể và nên ở lại với bốn Tin Mừng. Chúng vẫn còn là nguồn đệ nhất đẳng cho những gì chúng ta nói hay nghĩ về Chúa Giêsu. Người ta có thể dành cả đời để khai thác sự phong phú của bất cứ cuốn nào trong số này. Nhưng câu hỏi của bạn đụng tới một vấn đề làm bối rối nhiều người ngày nay: liệu Chúa Giêsu có liên quan gì hay có tầm quan trọng nào đối với đức tin Kitô giáo.

Vấn đề này thực sự có hai mặt. Trước hết, là mặt phương pháp. Vì các hạn chế của phương pháp lịch sử như được hiểu ngày nay, ta có thể biết được bất cứ điều gì về Chúa Giêsu lịch sử hay không? Ở đây, không đi vào chi tiết về các cuộc tranh luận về phương pháp, tôi chỉ đề nghị với bạn rằng chúng ta có đủ thông tin lịch sử khá thỏa đáng về Chúa Giêsu như về bất cứ nhân vật lịch sử nào thời xa xưa.

Mặt thứ hai của vấn đề nêu lên câu hỏi về sự cần thiết. Nhận thức về Chúa Giêsu lịch sử có cần thiết cho đức tin Kitô giáo không? Câu trả lời có thể thay đổi tùy thuộc việc nó tương ứng với bình diện bác học hay bình diện bình dân. Trên bình diện bình dân, người ta có thể sống một đời sống Kitô hữu phong phú và thiêng liêng sâu xa với loại hình ảnh đức tin truyền thống về Chúa Giêsu như đã phác tả trong phần Dẫn Nhập. Nhưng nếu người ta bắt đầu hỏi loại câu hỏi lịch sử về các nguồn và các giải thích mà chúng ta mưu cầu ở đây, thì không tránh khỏi việc người ta phải được dẫn vào các quan điểm và cách tiếp cận của nền bác học hiện đại.

Theo quan điểm của tôi, nhận thức về Chúa Giêsu lịch sử hành động một cách phụ thuộc nhưng không thể thiếu trong tương quan với nhận thức chúng ta có về Chúa Giêsu trong đức tin. Nó phụ thuộc vì mối tương quan đệ nhất đẳng của ta với Chúa Giêsu là mối tương quan đức tin. Đức tin này được thông truyền cho ta qua các cộng đồng như các cộng đồng đã được diễn tả trong Mátthêu, Máccô, Luca và Gioan cũng như các cộng đồng Kitô giáo của hai thiên niên kỷ vừa qua. Đó là đức tin đã đích thân chiếm hữu bởi mỗi người chúng ta trong bối cảnh cảm nghiệm bản thân và cộng đoàn của chúng ta. Nhận thức về Chúa Giêsu lịch sử là điều không thể thiếu vì lý do đơn giản là: đức tin Kitô giáo luôn luôn đặt cơ sở vào tính đặc thù lịch sử của con người Giêsu thành Nadarét. Điều chúng ta biết về Người về phương diện lịch sử giúp chúng ta thực hiện hình ảnh đức tin của chúng ta cụ thể hơn về Người. Hình ảnh của chúng ta về Chúa Giêsu sẽ ra sao nếu chúng ta chỉ có các thư của Thánh Phaolô chứ không có bốn Tin Mừng? Nhưng, có lẽ còn quan trọng hơn, nhận thức lịch sử hành động một cách tiêu cực để giới hạn hay kiểm soát điều chúng ta có thể nói về Người. Nguy hiểm của các giải thích tiếp theo luôn luôn là tái tạo Chúa Giêsu theo hình ảnh của riêng mình, thí dụ, như chúa tể đế quốc, nhà cách mạng phe tả, nhà tư tưởng tự do cấp tiến v.v... Câu trả lời duy nhất và kiểm soát các hình ảnh như thế là nại đến điều chúng ta biết về Người về phương diện lịch sử.

**Câu hỏi 6:** *Há các học giả đã không biến Chúa Giêsu thành bất khả tiếp cận đó sao? Làm thế nào một*



*người bình thường tiến đến chỗ biết và hiểu mọi khai triển mới nhất trong khoa phê bình Kinh Thánh?*

Chúng ta không bao giờ nên quên rằng đức tin của chúng ta là đức tin cộng đoàn. Không bao giờ được coi đức tin Kitô giáo như bao gồm một nhóm các cá nhân cô lập thực hiện các việc riêng của họ. Mỗi người chúng ta là thành viên của một cộng đồng tin. Mỗi người chúng ta được nuôi dưỡng bởi cộng đồng để lớn lên trong đức tin và mỗi người chúng ta được mong đợi đóng góp đức tin và tài năng của riêng mình vào việc lớn lên và phát triển liên tục của cộng đồng. Thánh Phaolô gọi cộng đồng Kitô giáo là một cơ thể có nhiều chi thể, tất cả đều quan trọng đối với phúc lợi của toàn thể. “Mắt không có thể bảo tay : ‘Tao không cần đến mày’; đầu cũng không thể bảo hai chân : ‘Tao không cần chúng mày’”(ICr 12:21; hãy xem cả chương 12 cũng như Rm 12:3-8). Trọn vẹn điểm của “các cộng đồng căn bản Kitô giáo” ở Châu Mỹ Latinh (và nay đã lan truyền khắp thế giới) là giúp cho mọi người trong cộng đồng tìm được tiếng nói của riêng mình, nghĩa là, diễn đạt kinh nghiệm đức tin riêng của mình trong tương tác cụ thể giữa thực tại đương thời và việc đọc sách thánh. Sẽ là một thảm kịch nếu người ta để việc đọc sách thánh cho một mình các học giả.

Thế nhưng các học giả cũng là thành viên của cộng đồng và có những đóng góp phải làm. Tranh chấp chỉ xảy ra nếu các học giả tự đặt mình đối nghịch với cộng đồng. Ngay lúc ấy, chúng ta vẫn có thể học hỏi được nhiều từ những tiếng nói phê phán, nhất là về sự trung thực của chính chúng ta trong việc tìm kiếm sự thật. Trong bất cứ biến cố nào, chúng ta cũng không nên chờ các khai triển mới nhất trong việc tìm tòi bác học trước khi tiếp nhận chứng tá của Giáo Hội trong các sách thánh và tìm mình trong chúng. Mặt khác, khi chúng ta đọc, nhất quyết các câu hỏi sẽ xuất hiện. Các học giả có thể giúp chúng ta rất nhiều trong nhiệm vụ liên tục của chúng ta phải giải thích và quả thực họ rất cần thiết cho việc cộng đồng tự hiểu về chính mình. Giống vị hoạn quan Êtiôpia, chúng ta không luôn luôn hiểu điều chúng ta đang đọc và cần một ai đó để giải thích (Cv 8:26-39).

**Câu 7:** *Tại sao ngày nay có nhiều quan điểm khác nhau đến thế về Chúa Giêsu?*

Câu hỏi này đụng tới vấn đề tính đa nguyên. Chúng ta hiện sống trong một nền văn hóa ý thức sâu xa các quan điểm và cách tiếp cận khác nhau, các dị biệt về sắc tộc, văn hóa, truyền thống, lịch sử, ngôn ngữ, tôn giáo v.v... Càng ngày chúng ta càng sống trong một nền văn hóa cũng ý thức một cách nhạy cảm rằng các dị biệt này đều tốt và hợp pháp. Hình ảnh “nồi nấu chảy” đang được thay thế bằng cầu vồng nhiều màu. Xu hướng của nền văn hóa đương thịnh thiên về tính độc dạng đang bị thách thức. Luôn nên có sự căng thẳng lành mạnh giữa tính hợp nhất và tính đa nguyên, trong Giáo Hội cũng như ngoài xã hội. Sự cực đoan của độc dạng dẫn tới chủ nghĩa toàn trị; sự cực đoan của phân rẽ và chia rẽ dẫn tới chủ nghĩa cuồng tín. Cả hai đều bắt nguồn từ ý muốn thống trị và nỗi sợ sự thật sẽ giải phóng chúng ta (Ga 8:32).

Dù chúng ta có thể ý thức sắc nét hơn về thực tại và sự chính đáng của tính đa nguyên hiện nay, ta cũng nên thừa nhận rằng tính đa nguyên chính đáng vẫn hiện diện xưa nay trong Giáo Hội. Thí dụ, ngược với các cố gắng của quá khứ nhằm “hòa hợp” bốn sách Tin Mừng thành một “tiểu sử” của Chúa Giêsu, mà thực ra sẽ tạo ra một Tin Mừng thứ năm không hề tương ứng với bất cứ Tin Mừng nguyên thủy nào, hiện nay, chúng ta thừa nhận rõ ràng hơn rằng các Tin Mừng Máccô, Mátthêu, Luca và Gioan đem đến cho chúng ta một hình ảnh đặc biệt về Chúa Giêsu phát sinh từ cảm nghiệm đức tin của từng cộng đồng liên hệ. Và quả thực, nên như thế vì màu nhiệm Chúa Giêsu không thể bị giản lược vào hay gói gọn trong bất cứ một cảm nghiệm đức tin duy nhất nào, bất kể có tính cộng đoàn hay cá nhân. Màu nhiệm con người của Người luôn vượt quá các cố gắng của ta, ngay cả các cố gắng Kinh Thánh hay tín điều, nhằm diễn tả Người bằng ngôn ngữ nhân bản. Như thế, chúng ta có thể trông đợi các khác biệt chứ không phải các mâu thuẫn. Bốn Tin Mừng đem đến cho chúng ta những tầm nhìn khác nhau về Chúa Giêsu, nhưng chúng không mâu thuẫn nhau. Như viên kim cương đặt trước ánh sáng, Chúa Giêsu phản ánh và mạc khải vinh quang Thiên Chúa nhiều cách và là những cách khác nhau.



**Câu 8:** *Tại sao Chúa Giêsu được mô tả trong rất nhiều bức tranh và bức tượng như một người da trắng với mái tóc nâu và đôi mắt xanh nước biển khi Người thực sự là người Do Thái?*

Có hai chiều kích của Chúa Giêsu mà chúng ta không bao giờ nên quên. Trước nhất, trên bình diện lịch sử, Người là người Do Thái Palestine thế kỷ thứ nhất. Tính Do Thái của Người cực kỳ quan trọng đối với đức tin Kitô giáo. Chúa Giêsu là người của dân và thời Người. Người nối kết chúng ta với truyền thống phong phú và kỳ diệu bắt đầu với đức tin của cha chung chúng ta là Ápraham. Thành kiến chống Do Thái, và những cuộc tàn sát người Do Thái, từng quá thường xuyên xảy ra một cách bi thảm trong lịch sử Kitô giáo, là chông Chúa Giêsu. Nếu chúng ta tin Chúa Giêsu, chúng ta chấp nhận di sản làm người Do Thái như là di sản của chúng ta, và chúng ta tôn kính di sản này như diễn tả ý Thiên Chúa cho chúng ta.

Thế nhưng, thứ hai, Chúa Giêsu người của thời Người cũng là người của mọi thời. Trên bình diện thần học, Người đã trở thành Áđam thứ hai (*1Cr 15:20-22, 45-49; Rm 5:14tt*), hữu thể nhân bản mới, hiện thân và ôm lấy toàn thể nhân loại. Điều này có nghĩa Người không những là người da trắng với mái tóc nâu và đôi mắt màu xanh nước biển (như thường được diễn tả trong nghệ thuật Tây phương) nhưng, trong tư cách sống lại, Người cũng là người Hy Lạp cũng như người Do Thái, người tự do cũng như người nô lệ, đàn ông cũng như đàn bà (*Gl 3:28*). Người là người Phi châu, Á châu, Latinh cũng như Á châu và Bắc Mỹ. Người là “Chúa Kitô người Apache” cũng như “Chúa Kitô vũ trụ”. Như Thi sĩ Gerard Manley Hopkins đã viết:

*“...Chúa Kitô chơi ở nhiều nơi,  
Một cách đáng yêu trong chân tay, và một cách đáng yêu trong đôi mắt không phải của Người,  
Cho Chúa Cha qua các nét của các khuôn mặt con người”*

**Câu hỏi 9:** *Tại sao cần lâu như thế mới tiến tới chỗ nghiên cứu và đánh giá cao nhân tính của Chúa Giêsu?*

Đúng là hình ảnh truyền thống về Chúa Giêsu có xu hướng nhấn mạnh nhiều hơn tới thiên tính của Người. Vì chúng ta tin Người là Thiên Chúa, nên nhân tính của Người luôn là một điều có vấn đề. Ngay trong cộng đồng đã cho ta Tin Mừng Gioan, với việc nhấn mạnh nhiều tới mối tương quan đời đời của Chúa Giêsu với Chúa Cha, chúng ta đã thấy vấn đề này xuất hiện rồi. Tác giả của thư Gioan thứ nhất đã phải nhấn mạnh rằng “Chúa Giêsu Kitô là Đấng đã đến và trở nên người phàm” (4:2). Thư này lên án những ai không chấp nhận nhân tính bằng xương thịt và máu huyết của Chúa Giêsu. Các giáo phụ và cộng đồng tiên khởi, chịu ảnh hưởng nặng nề của Tin Mừng Gioan, đã vật lộn khá nhiều với cùng vấn đề này. Các ngài nhấn mạnh rằng Chúa Giêsu trọn vẹn là con người nhân bản vì Người không thể cứu rỗi chúng ta nếu Người không mang lấy trọn bản tính con người, nghĩa là thân xác và linh hồn con người. Vấn đề duy nhất với điều này là nhân tính của Người quá thường xuyên xem ra chỉ là “nguyên lý hiện hữu” trừu tượng sở dĩ cần được khẳng định vì ơn cứu rỗi của chúng ta mà thôi. Còn hữu thể nhân bản sống động, sôi động, bằng xương bằng thịt với máu huyết giống như chúng ta trong mọi sự (*Dt 4:15*) thì không phải là tập chú trong quan tâm thần học của các ngài.

Điều được gọi là “việc tìm kiếm Chúa Giêsu lịch sử” (bắt đầu khoảng năm 1778 và tiếp tục cho đến nay) đem lại cho chúng ta là một Chúa Giêsu với bộ mặt nhân bản nhiều hơn. Với việc phát triển ý thức lịch sử hiện đại của chúng ta, chúng ta trở nên nhạy cảm hơn đối với tầm quan trọng trung tâm của khía cạnh lịch sử và nhân bản trong đời sống Chúa Giêsu cũng như trong chính đời sống chúng ta. Chúng ta bị lôi cuốn nhiều hơn vào một ai đó vật lộn, lớn lên, và học hỏi như chúng ta; vào một ai đó cảm nhận như chúng ta cảm nhận, đau điều chúng ta đau; vào một ai đó tự thâm tâm biết các niềm vui và hy vọng, sầu buồn và xao xuyến của thân phận làm người chung, nhất là những người nghèo hay khổ sở cách nào đó (xem lời mở đầu của *Hiến chế Mục vụ về Giáo Hội trong Thời Hiện đại* của Vatican II). Ngược với thời trước đây, ngày nay, chúng ta nhân mạnh nhiều hơn tới nhân tính hơn là thiên tính của Người. Một tầm nhìn cân bằng sẽ luôn khẳng định với Công đồng Canxêdoan sự trọn vẹn của cả nhân tính lẫn thiên tính.

**Câu hỏi 10:** *Chúng ta có biết nhiều về Chúa Giêsu hơn Người biết chính Người không?*

Theo một nghĩa nào đó, câu trả lời cho câu hỏi này phải là cả có lẫn không. Có nhiều điều chúng ta không biết về Chúa Giêsu. Chúng ta không biết Người trông ra sao, bản thân Người thích và không thích những gì, đời sống Người phát triển ra sao trong thứ tự thời gian của các biến cố hay việc lớn lên về tâm lý. Có nhiều nét đặc thù lịch sử như thế chúng ta rất muốn được biết, nhưng chúng mất hút trong màn sương mù thời gian. Thế nhưng, mặt khác, chúng ta biết nhiều về Người hơn là có lẽ Người biết về chính Người vì các giới hạn của đời sống nhân bản, lịch sử. Vì chúng ta nhìn Người từ ánh sáng mạc khải của phục sinh và các giải thích đã khai triển của cộng đồng đức tin dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, cả trong Kinh Thánh lẫn trong các tín điều. Kinh Tin Kính Nixêa mà chúng ta đọc mỗi Chúa nhật ở nhà thờ là biểu thức của một đức tin trưởng thành có điểm lợi của điều tôi xin gọi là “trộn” cảm nghiệm về Chúa Giêsu nghĩa là đời sống nhân bản và thần linh của Người, cái chết của Người trên thập giá, sự phục sinh của Người, và việc suy gẫm của Giáo Hội về và chiêm hữu thâm hậu hóa mầu nhiệm Chúa Giêsu. Thế nhưng, giống sách thánh, Kinh Tin kính Nixêa là biểu thức có giới hạn bằng ngôn ngữ con người một mầu nhiệm vốn vượt quá các khả năng của chúng ta. Thành thử, dù chúng ta có thể nói có, chúng ta biết về Chúa Giêsu nhiều hơn chính Người biết Người, chúng ta có thể xoay ngược câu hỏi và thưa rằng như Chúa phục sinh, Chúa Giêsu, trong vòng tay đời đời của Chúa Cha, biết về chính Người cũng như về chúng ta nhiều hơn chúng ta có thể tưởng nghĩ.

## **II. Đời sống Chúa Giêsu:**

### **A. Sinh ra, thơ ấu, tuổi trẻ em và niên thiếu**

**Câu hỏi 11:** *Các câu truyện về việc tượng thai và sinh hạ Chúa Giêsu có thật không?*

Người ta buộc phải trả lời một cách không hàm hồ là có. Chúng chân thật bao lâu chúng là biểu thức đức tin hợp lý của các cộng đồng được nhắc đến trong hai chương đầu của các Tin Mừng Luca và Mátthêu. Chúng chân thật như hai khẳng định chân lý tôn giáo độc lập và quả thực rất khác nhau về Chúa Giêsu: rằng Người là (1) Con Thiên Chúa được tượng thai bởi quyền năng Chúa Thánh Thần trong lòng Trinh nữ Maria, và (2) Con Đavít qua cha Người là Giuse, vốn là hậu duệ của nhà và gia đình Đavít. Ý nghĩa đệ nhất đẳng của các trình thuật tuổi thơ là thông truyền cùng một chân lý tôn giáo vốn đã được Thánh Phaolô phát biểu trước đó. Ngài cũng đã trích dẫn chân lý này từ một trong các kinh tin kính trước đó nữa: “... Đó là Tin Mừng về Con của Người là Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta. Xét như một người phạm, Chúa Giêsu Kitô xuất thân từ dòng dõi vua Đavít. Nhưng xét như Đấng đã từ cõi chết sống lại nhờ Thánh Thần, Người đã được đặt làm Con Thiên Chúa với tất cả quyền năng” (Rm 1:3-4). Các câu truyện về việc tượng thai và hạ sinh Chúa Giêsu, trong toàn bộ Tân Ước, vốn chỉ thấy nơi Mátthêu và Luca, chủ yếu nhằm chuyển tải các xác tín đức tin căn bản của các cộng đồng Kitô giáo tiên khởi dưới ánh sáng phục sinh. Cho nên, chúng phải được hiểu cùng với toàn bộ sách thánh như chủ yếu có tính tôn giáo trong bản chất.

Nhưng câu hỏi của bạn dường như muốn hỏi về sự thật lịch sử hay sự kiện. Đọc cẩn thận cả hai trình thuật trong chính chúng và trong tương quan với nhau cho thấy: chúng không thể hoàn toàn có tính lịch sử và chủ yếu chúng liên quan tới sự thật tôn giáo. Tuy nhiên, ít nhất một cách tối thiểu, chúng ta có thể nói những điều sau đây có tính lịch sử: Chúa Giêsu sinh ra tại Bêlem miền Giuđê (nhưng có thể ở Nadarét) về cuối thời cai trị của Hêrốt Đại vương (vào khoảng năm 6-4 TCN). Cha của Người là Giuse và tên mẹ Người là Maria. Người được gọi là Giêsu và luôn được biết đến như xuất thân từ Nadarét miền Galilê. Những yếu tố này được xác nhận bởi các bản văn bên ngoài các trình thuật tuổi thơ và nói chung được chấp nhận như có tính cái nhiên về phương diện lịch sử.



**Câu hỏi 12:** *Nhưng về sự kiện Chúa Giêsu được một trinh nữ sinh ra thì sao? Há nó không có tính lịch sử hay sao?*

Cả Mt 1:18-25 lẫn Lc 1:26-38 đều khẳng định một cách không hàm hồ rằng Chúa Giêsu đã được tượng thai bởi một trinh nữ tên Maria, dù Luca kém rõ ràng hơn Mátthêu. Trình thuật Luca không nhất thiết loại bỏ sự can thiệp của một người cha phạm nhân; nó chỉ bỏ qua điều này. Điểm quan trọng là nhờ quyền năng của Thần Khí Thiên Chúa “con trẻ sắp sinh sẽ thánh thiện; Người sẽ được gọi là Con Thiên Chúa” (Lc 1:35). Mặt khác, Mátthêu rõ ràng loại bỏ người cha phạm nhân. Đức Maria được mô tả như một bà mẹ chưa cưới, người mà Thánh Giuse tính bác bỏ vì mang thai. Chỉ có sự mạc khải của Thiên Chúa, tức là “Con trẻ được tượng thai trong bà là do Chúa Thánh Thần” (Mt 1:20) mới ngăn cản ngài làm thế. Trình thuật của Luca dễ hiểu tìm được song hành của nó trong các trình thuật về các nhân vật khác của Cựu Ước mà sự tượng thai được coi là lạ lùng, như Samuen (*Kinh Ngợi khen* [Magnificat] của Đức Maria phần lớn dựa vào lời cầu nguyện của Khana, mẹ Samuen, trong *1Sm 2:1-10*). Như thế, tại sao Mátthêu lại muốn nhấn mạnh tới điểm này đến thế? Một giải thích khả hữu là Mátthêu muốn tranh luận chống lại các thù nghịch Do Thái đối với Kitô giáo. Ở cuối Tin Mừng Mátthêu, có một cuộc bút chiến rõ ràng chống lại những người cho rằng các môn đệ đã lấy trộm xác Chúa Giêsu khỏi ngôi mộ (Mt 27:62-66; 28:11-15). một cuộc bút chiến khác chống lại những người nghi vấn nguồn gốc của Chúa Giêsu cũng rất có thể đã hiện diện ở đầu Tin Mừng. Liệu có lời tố giác con hoang rõ ràng hay không, lời tố cáo sớm sủa này nơi những người Do thái chống đối không có gì rõ ràng trong Tân Ước cả; nó chỉ rõ ràng vào khoảng năm 150 CN. Dù sao, quan tâm của Mátthêu ở chương một có hai phương diện: quả quyết Chúa Giêsu là Con Đavít qua Thánh Giuse khi kể lại gia phả từ Ápraham qua Đavít tới Thánh Giuse (các câu 1-17) và Người là Đấng Mêxia, Đấng Cứu Rỗi, Đấng Emmanuen (Ngài không dùng danh hiệu Con Thiên Chúa ở chỗ này) qua hành vi sáng tạo của Chúa Thánh Thần (các câu 18-25). Đây là chân lý thần học hay tôn giáo của cả hai trình thuật.

Còn về vấn đề lịch sử, ở đây, chúng ta gặp các giới hạn của phương pháp lịch sử. Lịch sử không thể quả quyết hay phủ nhận sự kiện tượng thai đồng trinh Chúa Giêsu. Chân lý của điều này phát xuất từ một chiều kích khác, tức chiều kích mạc khải. Xin lưu ý điều này: bên trong chính các câu truyện, khả thể của một nhận thức như thế tùy thuộc mạc khải. Trong trình thuật Mátthêu, một thiên thần của Chúa hiện ra với Thánh Giuse trong một giấc mơ; trong trình thuật Luca, thiên thần Gabrien hiện ra với Đức Maria. Điều



này, một lần nữa, cho thấy: các quan tâm của cả hai tác giả đều có tính tôn giáo và thần học, không phải lịch sử.

**Câu hỏi 13:** *Như vậy, Đức Maria và Thánh Giuse có biết Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa không khi Người sinh ra?*

Có lẽ không, nhưng chúng ta biết. Điều tôi muốn nói khi viết như vậy, một lần nữa, là: các trình thuật tuổi thơ của Mátthêu và Luca, nói đúng ra, không phải là các trình thuật lịch sử, dù chúng có thể chứa đựng một số ký ức lịch sử như đã nói trước đây. Bất kể nhiều lý thuyết và giả thuyết từng được khai triển trong các thế kỷ qua, sự kiện đơn giản vẫn là: chúng ta không biết Mátthêu và Luca đã có được những nguồn nào để các ngài sử dụng. Chúng ta quả biết chắc rằng hai trình thuật tuổi thơ là những trình thuật rất khác nhau, nhưng cả hai đều nặng các quan tâm tôn giáo và thần học. Chúng ta cũng biết rằng chúng nhất trí với nhau ở điểm chủ yếu nhất của đức tin Kitô giáo, tức việc Chúa Giêsu, như Con Thiên Chúa, đã được tượng thai bởi Chúa Thánh Thần và sinh hạ bởi Trinh Nữ Maria. Điều này vẫn đúng cho đến muôn đời bất kể cảm nghiệm bản thân của Đức Maria và Thánh Giuse có ra sao. Nói rằng Đức Maria và Thánh Giuse có lẽ không biết còn chúng ta biết rằng Người là Con Thiên Chúa ở lúc Người sinh ra có nghĩa là chúng ta nhìn cuộc đời của Chúa Giêsu từ viễn ảnh ơn phúc của đức tin chúng ta vào sự phục sinh. Có thể nói, chúng ta nhìn được toàn bộ câu truyện.

Có phải điều này có nghĩa là chúng ta nên bác bỏ các trình thuật tuổi thơ “chỉ như là các mẩu truyện” hay không?” Dĩ nhiên không. Một phản ứng như thế biểu lộ thái độ của một tâm trí muốn đánh đồng sự kiện lịch sử với chân lý. Người ta đã sống chân lý diệu kỳ trong các trình thuật tuổi thơ của Mátthêu và Luca hàng thế kỷ nay, như chúng ta làm hàng năm vào lễ Giáng sinh. Chúng chân thật vì chúng đụng tới điều sâu sắc nhất trong cõi lòng ta và đem lại cho ta sự sống và niềm hy vọng mới. Thậm chí chúng còn thật hơn vì chúng công bố bằng những hình ảnh cụ thể và gây xúc động Chúa Giêsu thành Nadarét thực sự đã là và hiện là ai giữa chính trung tâm hữu thể Người.

**Câu 14:** *Còn về sự kiện nói rằng Chúa Giêsu đã hiện hữu trước thời gian thì sao? Làm thế nào Người vừa vĩnh cửu vừa vẫn được sinh ra?*

Câu hỏi của bạn khiến chúng ta trở về nguồn gốc của Chúa Giêsu như đã được Tin Mừng Gioan trình bày. Điều đáng lưu ý một lần nữa là ngoài Mátthêu và Luca, phần còn lại của Tân Ước (gồm cả Thánh Phaolô với nền Kitô học cao siêu của ngài) cho thấy không biết hay ít nhất không quan tâm tới các trình thuật về việc tượng thai và sinh hạ của Chúa Giêsu. Điều này rõ rệt nhất nơi Gioan, người đã hết sức nhấn mạnh tới nguồn gốc thần thiêng của Người. Việc trực tiếp nhắc tới việc sinh hạ của Chúa Giêsu chỉ duy nhất xảy ra tại phiên xử của Philatô “Tôi đã sinh ra và đã đến thế gian nhằm mục đích này : làm chứng cho sự thật” (Ga 18:37). Nó rất có thể được ngụ ý trong phần tranh cãi hết sức hung dữ khi các địch thủ của Chúa Giêsu nói: “chúng tôi không phải con hoang”, nhưng quan tâm của Thánh Gioan là vượt qua các bận tâm như thế về nguồn gốc trần gian của Chúa Giêsu, vì thực sự Người đến từ Thiên Chúa. Do đó, Người nói về Người trong cùng phần này: “Trước khi Ápraham hiện hữu, ta vẫn hiện hữu rồi” (8:58). Tin Mừng Gioan quan tâm tới mối liên hệ đời đời của Chúa Giêsu với Chúa Cha, chứ không phải nguồn gốc trần gian cả lúc sinh lẫn lúc chịu phép rửa của Người. Điều đáng lưu ý là Gioan không có cả trình thuật về phép rửa, nhưng ngài có lời tuyên xưng của Gioan Tẩy giả, được nhắc lại hai lần: “Đây là Đấng mà tôi đã nói: ‘Người đến sau tôi, nhưng trỗi hơn tôi, vì có trước tôi’” (1:15.30). Chúa Giêsu hiện hữu trước Gioan Tẩy giả, trước Ápraham, đúng hơn trước việc sáng tạo ra thế giới trong tư cách Ngôi Lời vốn là Thiên Chúa (1:1-5). Mặc dù Gioan cũng đã khẳng định rằng “Ngôi Lời đã trở thành xác thịt và ở giữa chúng ta” (1:14), ngài vẫn không nói kết khẳng định này với bất cứ trình thuật nào về việc Người được tượng thai và sinh hạ.

Như thế, liên quan tới chúng ta sách thánh, có ít nhất bốn truyền thống khác biệt về nguồn gốc của Chúa Giêsu như Con Thiên Chúa: (1) thiết lập và công bố lúc phục sinh (Rm 1:4); (2) lúc chịu phép rửa (Mc 1:10-



11); (3) lúc Người được tượng thai và sinh hạ (Mt 1:20; Lc 1:35); (4) trước sáng thế (Ga 1:1-5; 17:5). Với sự đơn giản không tô vẽ, các truyền thống này được đề đứng cạnh nhau mà không có bất cứ cố gắng nào giải quyết hay hoà hợp các căng thẳng giữa chúng với nhau. Việc này để lại cho các thế hệ tiếp theo. Chính chúng ta phải tìm cách đem lại với nhau lời tựa của Gioan và các trình thuật tuổi thơ của Mátthêu và Luca.

**Câu hỏi 15:** *Theo nguyên tắc giải thích liên tục của cha, thì tất cả đều tốt thôi, phải không? Nhưng con luôn thắc mắc điều đó có nghĩa gì khi Kinh Tin Kính dạy rằng Chúa Giêsu “được sinh ra chứ không phải được tạo thành”.*

Nhận xét của bạn đúng mục tiêu. Tôi đã muốn nói rõ ràng điều sách thánh nói để trả lời cho câu hỏi trước, nhưng điều chắc chắn đúng là Giáo Hội tiếp tục giải thích mâu nhiệm, ngay sau thời kỳ sách thánh. Thực thể, bảy công đồng đầu tiên từ năm 325 tới năm 787 tất cả đều được triệu tập chủ yếu để giải quyết các vấn đề xoay quanh ý nghĩa của Chúa Giêsu.

Công đồng thứ nhất tại Nixêa năm 325 liên quan tới lời giảng dạy của một linh mục bình dân và nổi tiếng xuất thân từ Alexandria tên là Ariô. Ảnh hưởng của ông rất mạnh mẽ và tiếp tục cả đến ngày nay, ở một mức độ nào đó. Theo cái hiểu bình thường của nền triết lý Hy Lạp vào lúc đó, Ariô chủ trương rằng nếu ai đó sinh ra và trở thành xác thịt, thì người đó là một tạo vật. Nói rằng “Ngôi Lời trở thành xác thịt” là nói rằng Con Thiên Chúa là một tạo vật, mặc dù là tạo vật đầu tiên và đệ nhất đẳng trong kế hoạch của Thiên Chúa. Công đồng lấy lời tuyên xưng đức tin vào Chúa Cha – Chúa Con – Chúa Thánh Thần lúc rửa tội ngày xưa và lồng vào bốn tuyên bố về Chúa Con minh nhiên nhắm vào Ariô. Công đồng khẳng định rằng: “Chúa Giêsu Kitô duy nhất, Con Thiên Chúa” là (1) “sinh bởi Chúa Cha... nghĩa là từ hữu thể của Chúa Cha”: chống lại bất cứ ý niệm nào cho rằng Người được sinh ra từ Chúa Cha như một tạo vật trong thời gian; (2) “Thiên Chúa thật bởi Thiên Chúa thật”: chống lại bất cứ ý niệm nào cho rằng Người là một Thiên Chúa kém hơn hay thấp hơn, nghĩa là thần linh nhưng không thực sự và trọn vẹn là Thiên Chúa; (3) “được sinh ra, chứ không được tạo thành”: chống cái hiểu thông thường cho rằng hai điều hoàn toàn chỉ là một, đến nỗi được sinh ra cũng là được tạo thành; (4) “đồng bản thể [*homoousion*] với Chúa Cha”: hạn từ nổi tiếng *homoousion* đã được sử dụng, cũng như sự phân biệt giữa “được sinh ra” và “được tạo thành” trên đây, ngược với cái hiểu thông thường về từ ngữ này. Nó được coi là hữu ích để duy trì thiên tính trọn vẹn của Chúa Giêsu. Bằng tất cả bốn tuyên bố này chống lại Ariô, công đồng đã khẳng định rằng Chúa Giêsu thực sự được Chúa Cha sinh ra nhưng bên trong năng động tính đời đời của chính hữu thể Thiên Chúa.

Nên lưu ý rằng trong chính tuyên bố có tính tín điều trên, các giáo phụ không cố gắng giải thích việc làm thế nào Chúa Giêsu được Chúa Cha sinh ra từ thuở đời đời mà vẫn lại sinh ra trong thời gian. Tín điều chỉ đơn giản tiếp tục tuyên bố các khẳng định của Kinh Thánh về việc Người trở thành con người, chịu đau khổ, sống lại, và lên trời “vì những con người chúng ta và vì ơn cứu rỗi của chúng ta”. Vấn đề “làm thế nào” đã tiếp tục vận hành các trí khôn thần học từ đó cho đến tận nay. Một vấn nạn do tuyên bố tín điều này tạo ra là việc phân tách biểu kiến, dù có lẽ không cố ý, giữa mối tương quan đời đời của Chúa Giêsu với Chúa Cha và việc Người xuất hiện trong thời gian.

Cuối cùng, nên nhắc đến việc Kinh Tin Kính chúng ta đọc mỗi Chúa Nhật, dù thường được gọi là Kinh Tin Kính Nixêa, thực sự là một Kinh Tin Kính khác và dài hơn vốn được soạn thảo tại Công đồng thứ hai họp tại Constantinôp năm 381. Nó nhắc lại cùng những khẳng định căn bản chống lại Ariô như Công đồng Nixêa, nhưng quan tâm chính của nó là khẳng định thiên tính trọn vẹn của Chúa Thánh Thần chống lại những người bác bỏ điều đó. Như thế, với Constantinôp I, chúng ta có định tín chính thức về bản tính ba ngôi của Thiên Chúa, một định tín đặt căn bản trên thực hành liên tục phép rửa nhân danh Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần (Mt 28:19).



**Câu hỏi 16:** *Trở lại thời thơ ấu và trẻ em của Chúa Giêsu, ai đặt tên cho Chúa Giêsu? “Giêsu” nghĩa là gì và do đâu có tên “Giêsu Kitô”?*

Theo Mt 1:25, Thánh Giuse đặt tên cho Chúa Giêsu theo chỉ thị của thiên thần (1:21). Theo Lc 1:31, thiên thần Gabriel nói với Đức Maria: “Bà sẽ đặt tên cho em là Giêsu”. Sau này, lúc cắt bì, Luca chỉ nói: “Em được gọi là Giêsu, tên được thiên thần cung cấp trước khi em được tượng thai trong dạ mẹ” (2:21). Như thế, theo cả Mátthêu lẫn Luca, Thiên Chúa qua mặc khải thiên thần đã đặt tên cho Chúa Giêsu. Dù sao, Giêsu là tên khá thông thường vào thời ấy. Nó phát xuất từ tiếng Do Thái *Joshua* [*Yehošua*’, sau này viết tắt là *Yešua*’ và *Yešū*]. Có lẽ thoạt đầu nó có nghĩa “Giavê giúp đỡ” nhưng sau đó được giải thích trong cách dùng bình dân là “Giavê cứu độ”. Do đó, thiên thần nói với Thánh Guse: “...ông phải đặt tên cho em là Giêsu, vì em sẽ cứu dân em khỏi tội lỗi của họ” (Mt 1:21).

Về phương diện lịch sử, Chúa Giêsu được biết đến như là *Yešū bar Yosef*, *Giêsu con trai Giuse*. Về phương diện thần học, Người được biết đến như “Đấng Kitô” vốn phát xuất từ chữ Hylạp *ho christos*, nghĩa là “Đấng được xức dầu” và được dịch sang tiếng Do Thái là *ha mašiah* hay *messiah* (mêxia). Nguyên thủy, Kitô là một trong nhiều danh hiệu được Giáo Hội tiên khởi dành cho Chúa Giêsu dưới ánh sáng phục sinh. Dần dần, khi các danh hiệu khác trở nên thịnh hành và khi Giáo Hội di chuyển ra ngoài Palestine nơi danh hiệu được dễ dàng hiểu rõ hơn bên trong môi trường Do Thái của nó và tràn vào khung cảnh văn hóa và ngôn ngữ La Hy rộng lớn hơn, “Kitô” có xu hướng ngày càng được sử dụng nhiều hơn như một phần của tên riêng của Chúa Giêsu. Nhưng, chúng ta nên nhớ luôn luôn rằng sinh thời của Người, tên riêng của Người là *Yešū bar Yosef*.

**Câu 17.** *Chúa Giêsu có anh chị em không?*

*Mácô* 6:3 (so với *Mt* 13:55-56) nói; “Ông ta không phải là bác thợ, con bà Maria, và anh em của các ông Giacôbê, Giôxét, Giuđa và Simôn sao? Chị em của ông không phải là bà con lối xóm với chúng ta sao?”. Cũng có chỗ đã nhắc tới việc mẹ và anh chị em Người tới tìm Người (*Mc* 3:31-35). Gioan cho thấy mẹ và anh em Người đôi khi đồng hành với Người trong thừa tác vụ của Người (*Ga* 2:12; 7:3.5). Các anh em Người dường như khá nổi bật trong Giáo Hội tiên khởi (*Cv* 1:14; *ICr* 9:5), nhất là Giacôbê vốn là nhà lãnh đạo của cộng đồng tiên khởi Giêrusalem (*Gl* 1:19; *Cv* 15:13-21). Điều đặc biệt có ý nghĩa là Thánh Phaolô nhắc đến Giacôbê như em của Chúa Giêsu. Đây là một người ngài đích thân quen biết. Liệu ngài có kể riêng người này ra với chi tiết này nếu ngài có bất cứ lý do gì để nghĩ khác không? Như thế, một ý nghĩa khả hữu của các bản văn Kinh Thánh là Chúa Giêsu quả có anh chị em. Chính Chúa Giêsu được gọi là “con trai đầu lòng” (*Lc* 2:23) nhưng điều này không nhất thiết ngụ ý có các anh chị em.

Các giải thích câu Kinh Thánh sau này, nhất là trong thế kỷ thứ tư, đã đi tìm các lối giải thích thay thế. Một giải thích chủ trương rằng anh em của Chúa Giêsu là anh em kế (một ý nghĩa khả hữu của chữ Hylạp *adelphos*: xin xem *Mc* 6:17) do cuộc hôn nhân trước của Thánh Giuse. Vấn nạn duy nhất với lối giải thích

này là không có bằng chứng nào về cuộc hôn nhân trước. Một lối giải thích hợp lý hơn là anh chị em của Chúa Giêsu thực sự là anh chị em họ. Thánh Giêrônimô cổ vũ lối giải thích này dựa trên chữ Do Thái chỉ anh (*‘āh*) cũng chỉ anh họ hay bất cứ liên hệ họ hàng nào (thí dụ *St* 14:16; 29:15; *Lv* 10:14). Những bản văn này được dịch sang ấn bản Cựu Ước tiếng Hylạp (Bản Bảy Mươi) như *adelphos* (=anh) dù tiếng Hylạp có chữ khác biệt để chỉ anh em họ *anepsios* như ở *Cl* 4:10. Có thể quan niệm rằng Thánh Phaolô, vốn xuất thân từ một hậu cảnh Do Thái mạnh mẽ, có thể tự phát dùng chữ *adelphos* để chỉ Giacôbê theo nghĩa anh em họ hay có liên hệ họ hàng gần.

Trên cơ sở thuần túy Kinh Thánh, các lập luận từ việc sử dụng ngôn ngữ mà thôi sẽ nhìn nhận một trong các lối giải thích trên đây. Các Tin Mừng quan tâm tới việc duy trì việc tượng thai đồng trinh Chúa Giêsu (xem câu hỏi 12). Sau thời Kinh Thánh, và nhất là trong thế kỷ thứ tư với việc phong trào đơn tu lý tưởng hóa bậc sống đồng trinh, Đức Maria, đáng luôn được tôn kính cả trong lòng đạo bình dân lẫn chính thức, vì lý do đức đồng trinh mãi mãi của ngài, đã trở thành biểu tượng trung tâm và tối cao hay khuôn mẫu của bậc sống này. Không có điều nào trong sách thánh bác bỏ khả thể trọn đời đồng trinh của Đức Mẹ, và thật khó tưởng tượng một lòng sùng kính như thế có thể phát sinh nếu người ta nghĩ một cách phổ biến rằng Chúa Giêsu có anh chị em theo nghĩa chúng ta thường hiểu các từ ngữ này.

**Câu hỏi 18:** *Tại sao Đức Maria lại quan trọng như thế? Đôi khi ngài được dành nhiều chú ý hơn cả Chúa Giêsu.*

Đức Maria là biểu tượng mạnh mẽ của điều sâu xa nhất và tốt đẹp nhất trong đức tin Kitô giáo. Người ta thường nói: “đó chỉ là một biểu tượng, đâu có thật”. Các biểu tượng là có thật, có thật hơn hết của các trải nghiệm nhân bản vì chúng ta sẽ không hề là con người nếu không có các biểu tượng. Các biểu tượng đích thực có sức mạnh vì chúng gọi lên các bình diện sâu xa nhất của trải nghiệm và ý thức nhân bản, không những về phương diện cá nhân mà còn về phương diện tập thể, không những bây giờ mà xuyên suốt lịch sử nhân loại. Nói rằng Chúa Giêsu và Đức Maria là các biểu tượng mạnh mẽ là khẳng định tầm quan trọng trung tâm và có tính quyết định của các ngài đối với toàn thể nhân loại.

C.G. Jung, nhà tâm lý học vĩ đại của vô thức tập thể, nghĩ rằng tín lý tượng thai vô nhiễm nguyên tội (được định tín năm 1854) có tầm quan trọng có tính quyết định vì, trên bình diện tâm lý học, nó định vị tính nữ giới bên trong tính thần linh. Lẽ dĩ nhiên, trong quá khứ, người Thệ Phản thường tố cáo người Công Giáo biến Đức Maria thành một nữ thần, và điều này có khi diễn ra trong trí tưởng tượng bình dân. Nhưng chúng ta có thể tìm được thỏa thuận chung trong Tân Ước. Ở đó, tầm quan trọng của Đức Maria luôn luôn nằm trong mối liên hệ với Chúa Giêsu và, dĩ nhiên, điều này chủ yếu dựa trên sự kiện ngài là mẹ của Người. Gần đây, có nhiều cố gắng thử tái khám phá Đức Maria Nadarét “lịch sử”, và một số hình ảnh mạnh mẽ đã xuất hiện mà nếu không thường bị quên lãng: bà mẹ không cheo cưới (*Mt* 1:18-19); người phụ nữ tị nạn với con thơ (*Mt* 2:13-15); góa phụ; mẹ một người vô tội bị bách hại và bị quyền lực đế quốc sát hại, v.v... Giống Chúa Giêsu, các hình ảnh này nổi bật trong kinh nghiệm người nghèo và người bị bách hại. Trên hết, ngài được coi như người phụ nữ của đức tin sẵn lòng bước theo con mình tới tận thập giá.



Nhưng đối với Luca và Gioan, hai tác giả biểu lộ quan tâm lớn nhất đối với Đức Maria, tầm quan trọng biểu

tượng của ngài chủ yếu là hiện thân của dân tộc Israel của ngài. Trong trình thuật tuổi thơ của Luca, các loan báo song hành về Gioan Tẩy giả và Chúa Giêsu lên cao điểm trong hành trình thăm Elisabét của Đức Maria: Kinh “Ngợi khen” là một bài ca giải phóng cho “Israel đầy tớ của Thiên Chúa”. Các việc sinh hạ song hành cũng lên cao điểm trong một cuộc hành trình khác, lần này tới đền thờ lúc Chúa Giêsu mười hai tuổi. Hình ảnh Đức Maria hằng ghi nhớ những lời ấy, và suy đi nghĩ lại trong lòng khi các mục đồng tới thăm (2:19) được nhắc lại ở cuối cảnh trong đền thờ (2:51). Với Luca, việc Thiên Chúa hoàn tất các lời hứa của Người với Israel, vốn là thể tài chính của trình thuật tuổi thơ, được thể hiện nơi Đức Maria. Ngài là người rõ ràng hiện thân cho các niềm hy vọng và giấc mơ của dân tộc ngài. Ngài không những chỉ là mẹ Chúa Giêsu; qua Người, ngài còn là mẹ của dân tộc Israel của ngài. Đối với tôi, xem ra một hình ảnh tương tự cũng đã hiện diện trong Tin Mừng Gioan. Tại tiệc cưới Cana (2:1-11), ở đầu Tin Mừng, Đức Maria dự ứng trước các niềm hy vọng của toàn thể Israel rằng “giờ” của Chúa Giêsu sẽ đến (rượu nho là biểu tượng của những ơn phúc cứu rỗi hằng mong chờ). Khi cuối cùng giờ đã đến, vào cuối Tin Mừng, Chúa Giêsu trên thập giá (19:25-27) phó thác mẹ Người (Israel) cho “môn đệ Người yêu mến” (biểu tượng của Giáo Hội như Israel mới). Thế là nay, Israel tìm được mái ấm chân thật của mình.

Đức Maria là biểu tượng của Israel thế nào, thì với chúng ta, ngài cũng trở thành biểu tượng của Giáo Hội như vậy. Nơi ngài, chúng ta thấy nên trọn các niềm hy vọng và giấc mơ của chúng ta, từ việc ngài được tượng thai vô nhiễm nguyên tội tới việc ngài được triệu về trời. Chúng ta nên luôn có lòng sùng kính sâu xa đối với ngài nhưng để cử hành trọn vẹn hơn ý nghĩa trung tâm và có tính quyết định của con ngài, như chính ngài vốn cử hành.

**Câu hỏi 19:** *Cha nhắc đến việc Đức Maria là một góa phụ. Điều gì đã xảy tới với Thánh Giuse?*

Trong trình thuật tuổi thơ của Mátthêu, Thánh Giuse là nhân vật chính tiếp nhận các mạc khải, nhưng trong Luca, Đức Maria là nhân vật chính, còn Thánh Giuse là nhân vật ngoài lề nhiều hơn. Các khác biệt này phản ánh các quan tâm thần học: dòng dõi Chúa Giêsu từ Thánh Giuse trong Mátthêu, việc hiện thân cho Israel của Đức Maria trong Luca. Trong Mátthêu, lần cuối cùng chúng ta nghe nói về Thánh Giuse “đến ở tại một thành kia gọi là Nadarét” (2:23), rõ ràng lần đầu tiên theo Tin Mừng này, khi Chúa Giêsu còn nhỏ tuổi. Trong Luca, ngài và Đức Maria đi tìm Chúa Giêsu ở đền thờ Giêrusalem khi Chúa Giêsu mười hai tuổi. Chúa Giêsu trở về Nadarét với cha mẹ Người và “vâng lời các ngài” (2:51). Vì mẹ và anh chị em Chúa Giêsu được nhắc đến trong thừa tác vụ công khai nhưng Thánh Giuse thì không thấy được nhắc đến, nên chúng ta chỉ có thể phỏng đoán là Thánh Giuse đã qua đời giữa khoảng Chúa Giêsu 12 tuổi và 30 tuổi. Do đó, Đức Maria trở thành góa phụ. Lòng đạo bình dân luôn có lòng tôn sùng lớn lao đối với Thánh Giuse, và quả thực nên như thế. Nhưng quả chúng ta không biết gì thêm về ngài ngoài điều Kinh Thánh để lại cho ta.

**Câu hỏi 20:** *Mátthêu và Luca xem ra không nói với chúng ta nhiều về thời trẻ em và thiếu niên của Chúa Giêsu. Có các trình thuật chính xác nào về phương diện lịch sử nói về giai đoạn đó trong đời Người không?*

Không. Các trình thuật đáng tin duy nhất là các trình thuật trong các Tin Mừng quy điển được viết vào khoảng năm 70 và 100 CN. Thời hậu Kinh Thánh, xuất hiện một số trước tác Kitô giáo, một số gọi là “tin mừng” nhưng không được nhận vào Tân Ước. Người Công Giáo gọi chúng là “*apocrypha*” (*ngụy thư*) trong khi người Thệ Phản gọi là “*pseudepigraphy*” (*mạo đề thư*). Chúng bị coi như “trước tác giả” theo nghĩa chúng không được chấp nhận như các biểu thức đúng đắn hay chính xác của đức tin Kitô giáo. Mặt khác, chúng chứa phần lớn các tư liệu gây ảnh hưởng lớn trên lòng đạo Kitô hữu. Thí dụ, Tin Mừng Giacôbê (*Protoevangelium Jacobi*), được viết vào thế kỷ thứ hai, từng là một “tin mừng” gây ảnh hưởng nhất vì chứa các trình thuật kỳ lạ về Thánh Gioakim và Thánh Anna, cha mẹ Đức Maria, song song với câu chuyện Đức Maria sinh ra và kết hôn với Thánh Giuse v.v... Dù có nhiều điều thích thú, nhưng những trước tác này cũng cho thấy mỗi nguy hiểm thả lỏng óc tưởng tượng kỳ cục vì thiếu nguồn tài liệu và còn có mỗi nguy hiểm nữa là đầu óc bình dân lẫn lộn chúng với các trình thuật khác hẳn của Mátthêu và Luca.



Một trước tác khác rất có ảnh hưởng từ thể kỷ thứ hai là Tin Mừng Tuổi Thơ của Tôma, một trước tác nhằm trám khoảng trống giữa tuổi 12 và tuổi 30 của Chúa Giêsu. Tính bình dân của nó xem ra rất gây ngạc nhiên cho chúng ta vì Chúa Giêsu được mô tả như một nhãi ranh khó chịu, khó tính, muốn giết muốn chữa lành tùy tiện. Nó có giá trị là cho chúng ta biết không nên tưởng tượng tuổi trẻ của Chúa Giêsu. Những năm đầu trong đời của Chúa Giêsu trôi qua một cách giấu ẩn trong tình liên đới thầm lặng của một người vui lòng bước đi với dân tộc mình suốt trong 30 năm trước khi lên tiếng công khai. Các vấn đề lịch sử chính đáng về những năm này chỉ có thể kéo chú ý của chúng ta tới những lời và việc làm công khai của Người, và nhận thức nói chung của chúng ta về thời và nền văn hóa trong đó Người sống.

**Câu hỏi 21:** *Khi nào Chúa Giêsu biết Người là Con Thiên Chúa? Lúc còn bé thơ hay một đứa trẻ hay một thiếu niên hoặc muộn hơn?*

Câu hỏi này tương tự như câu hỏi về việc Đức Maria và Thánh Giuse biết Người, nhưng dĩ nhiên có tính trung tâm hơn đối với đức tin của chúng ta vì nó đụng tới cách chúng ta nhìn cuộc sống phạm nhân của Người. Raymond E. Brown đề cập đến vấn đề này rất hay: “Các Tin Mừng được viết ra để nói với chúng ta điều chúng ta nên biết về Chúa Giêsu, chứ không phải về điều Người biết về mình.” Dưới ánh sáng đức tin vào phục sinh, chúng ta biết rằng Người là Con Thiên Chúa không phải chỉ ở lúc Người được tượng thai mà từ thuở đời đời trong lòng Chúa Cha (Ga 1:18). Tuy nhiên, khi chúng ta hỏi những câu hỏi như thế về nhận thức về mình của Chúa Giêsu, chúng ta nên hiểu rõ rằng chúng ta hỏi về nhận thức nhân bản của Người, chứ không phải nhận thức thần linh của Người. Dĩ nhiên, mẫu nhiệm là làm thế nào Chúa Giêsu là nhân bản trọn vẹn mà không bị áp đảo bởi thiên tính của Người.



Nếu chúng ta hỏi một câu hỏi lịch sử về việc phát triển tâm lý của Chúa Giêsu, chúng ta không đi vào được điều thực sự diễn ra trong tâm trí Người. Bất cứ là điều gì, Người xem ra không thông truyền nó trong những năm sống tại Nadarét. Theo Máccô, chính gia đình Người cũng cố gắng hạn chế Người vì họ sợ Người mất trí (3:21). Bạn hữu và láng giềng của Người ở Nadarét bác bỏ Người trên cơ sở họ biết Người quá nhiều: “Bởi đâu ông ta được như thế?...Ông ta không phải là bác thợ, con bà Maria sao...?”. Nếu chúng ta khẳng định, như Thư gửi tín hữu Do Thái từng làm, rằng Chúa Giêsu giống chúng ta trong mọi sự, bị thử thách và cám dỗ như chúng ta (4:15), thì chúng ta nên nói rằng Người lớn lên như một đứa trẻ bình thường, trở nên mạnh mẽ và gia tăng khôn ngoan và năm tháng và được lòng cả Thiên Chúa lẫn người phàm (Lc 2:40.52).

Mặt khác, câu hỏi thường được đặt ra theo nghĩa thần học. Nếu Người là Thiên Chúa, thì, trong nhận thức nhân bản của Người, Người hẳn phải có thị kiến vinh phúc và được thông ban nhận thức thần linh cũng như nhận thức thông thường, nhân bản trải nghiệm. Đây là quan điểm của Thánh Tôma Aquinô và là quan điểm trội vượt cho tới thời gần đây. Theo quan điểm của tôi, cách tiếp cận như thế không cần thiết và quả thực có hại vì trên thực tế, nó lấy mất của Chúa Giêsu nhân tính trọn vẹn của Người như một người bước đi với dân tộc Người, cảm nghiệm điều họ cảm nghiệm, đau khổ điều họ đau khổ, biết từ bên trong, có thể nói như thế,



các khả thể nhưng cả các giới hạn của hữu thể nhân bản. Bất cứ chúng ta nói điều gì về thiên tính của Chúa Giê-su, nó nên khẳng định chứ không bác bỏ trọn bộ cảm nghiệm nhân bản của Người như người bạn đồng hành phải đương đầu với thực tại sự chết y như chúng ta.

**Câu hỏi 22:** *Liệu chúng ta có thể nói rằng Chúa Giê-su là một lãnh tụ trong tuổi trẻ của Người cũng như sau này trong tuổi trưởng thành không?*

Chắc chắn chúng ta có thể tưởng tượng rằng các phẩm tính Người biểu lộ trong thừa tác vụ công khai của Người đã hiện diện và phát triển trong thời gian sống ở Nadarét. Từ tất cả những gì chúng ta biết, những năm tháng đó khá thâm lặng và không có biến cố gì đáng kể, thế nhưng, bất kể việc người dân Nadarét xem ra bác bỏ Người, điều rõ ràng là một số người trong gia đình và bạn hữu Người có theo chân Người, như “em” Giacôbê của Người chẳng hạn. Một số người theo Người từ các thôn làng khác cũng có thể đã biết Người trước đó. Chắc chắn, quyền năng Người có chủ yếu phát sinh từ việc Người được xức dầu bằng Thần Khí lúc chịu phép rửa. Thế nhưng, quyền năng ấy tự phát biểu qua nhân cách nhân bản của Người, một nhân cách, căn cứ vào trình thuật Tin Mừng, chúng ta có thể mô tả bằng những lời lẽ sau đây.

Người là một người Do Thái trung thành về tôn giáo nhưng đủ tự do để biết rằng lề luật là để phục vụ sự triển nở của con người. Người là người rất tuân giữ chi tiết và lưu tâm một cách đầy thông cảm các nhược điểm và nghịch lý của đời sống con người. Người đầy cảm thương, vươn tay ra để ôm lấy những kẻ bị loại trừ: người bệnh và bị quỷ ám, người bị khinh miệt và đẩy qua bên lề, người nghèo và bị tước đoạt, phụ nữ, trẻ em, ngoại kiều. Người yêu mến thiên nhiên và Thiên Chúa, Đấng đã tạo dựng huệ đồng và chim trời. Người cương quyết chứ không do dự gọi sự vật như nó đúng là, nhất là khi đụng tới sự giả hình. Người biết phải ăn mừng ra sao và thích một bữa ăn ngon với bạn bè. Người cũng biết cách tự kỷ luật mình và chuẩn bị cho các thử thách sắp tới. Người biết phải cầu nguyện ra sao và từng được tường trình là đã dành suốt nhiều đêm một mình với Thiên Chúa. Trong tất cả những điều này, Người chắc chắn biết mỉm cười ra sao. Đây có phải là tài lãnh đạo? Đúng như thế, nếu nhà lãnh đạo là người gây cảm hứng nơi nhiều người khác, trao cho họ chính tinh thần của mình theo nghĩa đen, để họ có sức lên đường và sống được lên sức bởi cùng một tinh thần.

**Câu hỏi 23:** *Chúng ta có biết bất cứ điều gì về nền giáo dục của Chúa Giê-su không? Người đã nhận được thứ giáo dục nào? Ngoài ra, Người biết bao nhiêu ngôn ngữ?*

Về tiếng nói, có lẽ Chúa Giê-su biết tiếng Aram, Do Thái, La Tinh và Hy Lạp, vì tất cả ngôn ngữ này đều được sử dụng ở Palestine thế kỷ thứ nhất. Không đi vào các lập luận chi tiết, xem ra ngôn ngữ thông thường, hàng ngày của Người là tiếng Aram rất giống với tiếng Do Thái và đã thay thế nó làm ngôn ngữ chính thức cho dân Do Thái sinh sống ở Palestine. Có lẽ, Người biết một ít chữ Hy Lạp do tham dự các buổi lễ ở hội đường và nghe các sách thánh. Tiếng Hy Lạp vốn là ngôn ngữ chung của giao thương và thương mại, nên có lẽ Người biết rõ đủ để giao thiệp. Tiếng La Tinh thì không hẳn là ngôn ngữ của những giới Người giao tiếp.

Về giáo dục, câu hỏi thường là thế này: Người có biết đọc và viết không? Vì Người là thầy dạy bằng lời nói, các bản văn Tân Ước biểu lộ rất ít quan tâm và thực sự không có bằng chứng rõ ràng nào là Người biết. Bản văn xem ra hiển nhiên hơn cả là Luca 4:16-21 trong đó, Chúa Giê-su về Nadarét và đọc bản văn Isaia, nhưng bản văn này quá thiên về các quan tâm thần học của Luca đến nỗi khó mà biết nó có tính lịch sử hay không. Tuy nhiên, theo những gì chúng ta biết về thừa tác vụ sau này của Người, nhất là khả năng của Người đi vào các cuộc tranh luận về lề luật với các luật sĩ được huấn luyện, điều rõ ràng là Người rất biết sách thánh. Một dấu chỉ mạnh mẽ là câu hỏi của địch thủ Người: “Ông này không học hành gì, mà sao lại thông thạo chữ nghĩa [nghĩa đen: biết chữ] thế!” (Ga 7:15). Hai điều rõ ràng: Chúa Giê-su không được huấn luyện chính thức như các luật sĩ được huấn luyện về lề luật nhưng Người rất thông thạo sách thánh. Người học ở đâu? Có lẽ Người tới hội đường để được giảng dạy sơ đẳng cho tới tuổi mười hai và có lẽ Người nhận được nhiều dạy dỗ chính thức hơn từ cha mẹ và người thân. Tuy nhiên, việc học hành chính của Người là trong nghề

thủ công của cha Người, tức nghề thợ mộc.

**Câu hỏi 24:** *Chúa Giêsu có thực sự là một thợ mộc không? Điều này có nghĩa Người thuộc giai cấp thấp và thực sự nghèo không?*

Trong *Máccô*, Chúa Giêsu được trực tiếp nhắc đến như “một thợ mộc” mặc dù Máttêu viết “con bác thợ mộc” (13:55) còn Luca chỉ nói là “con ông Giuse” (4:22) trong các đoạn song hành. *Máccô* 6:3 là đoạn văn duy nhất trong toàn bộ Tân Ước gọi Người là thợ mộc. Trong tiếng Hy Lạp, nói chung, chữ này (*tektōn*) chỉ người làm đồ gỗ hay vật liệu cứng khác và do đó ngụ ý nhiều nghĩa khác nhau khác với chữ “thợ mộc”. Mặc dù, điều lạ là Chúa Giêsu không bao giờ dùng hình ảnh của nghề Người trong giáo huấn công khai, nhưng xem ra không có bất cứ lý do tốt nào để bác bỏ tường thuật của *Máccô* như là ký ức lịch sử. Nếu Thánh Giuse đã là thợ mộc, thì lẽ đương nhiên là Chúa Giêsu theo nghề của cha, một thực hành thông thường và có lẽ chắc chắn trong nền văn hóa đó.

Là một thợ mộc, không có nghĩa là Người nghèo theo nghĩa rớt mùng toi, giống như những người làm mướn từng ngày. Người cũng không giàu có gì. Người có thể chỉ là một thành phần chăm chỉ làm việc của một nền văn hóa nông thôn thôn dã. Nền văn hóa này được thiết lập gồm các nông dân từ các làng thôn vốn hiện hữu, do vũ lực hay do nhu cầu, trong một loại mối tương quan lệ thuộc các trung tâm thành thị do giới ưu tú quý tộc [giai cấp quý tộc đền thờ và giai cấp quý tộc đế quốc La Mã] cai trị. Sự giàu có hay nghèo nàn tương đối của thôn làng tùy thuộc khá nhiều nhân tố khác nhau mà dân nông thôn biết rất rõ: thời tiết, giá cả, thuế má, chính trị, v.v...Chúa Giêsu với các kỹ năng chuyên môn và phần nào kỹ thuật có lẽ thấy vận may của Người thăng trầm với vận may của thôn làng.

Ngoài ra, các Tin Mừng mô tả Chúa Giêsu như du hành quanh các thị trấn và làng thôn Galilê và Giuđêa. Ngoại trừ Giêrusalem, các trung tâm thành thị và đô thị lớn hơn với ảnh hưởng La Hy đã không được nhắc đến, như các thành phố chịu ảnh hưởng văn hóa Hy Lạp ở Galilê Tiberias và Sepphoris chẳng hạn (thành phố sau cùng vừa kể mới được Herốt Antipát tái thiết và chỉ cách Nadarét một giờ đi bộ). Như thế, ta có thể tưởng tượng Chúa Giêsu, trong những năm đầu tuổi trưởng thành của Người, như một người nông dân, một người làm việc vất vả và, xét vì bản chất việc làm của Người, đúng hơn một thanh niên vạm vỡ kiếm miếng bánh ăn hàng ngày bằng mồ hôi trán của mình và biết rõ các thành công nhỏ bé và các trở ngại thảm bại vốn đánh dấu cuộc sống ấy.



**Câu hỏi 25:** *Có bao giờ Chúa Giêsu nói đến thèm muốn tình dục trong chính đời sống của Người không? Người có giống mọi thiếu niên vốn phải đương đầu với bức bách thông thường này không?*

Căn cứ vào việc bận tâm thường xuyên căng thẳng và chắc chắn lan tỏa cùng khắp về tình dục trong xã hội ta, việc Chúa Giêsu ít khi nói tới chủ đề này trong các ghi chép chúng ta hiện có quả là điều gây ngạc nhiên. Người quan tâm tới phẩm chất trong các mối liên hệ nhân bản nhiều hơn các hành vi tình dục đúng nghĩa.

Bản văn trực tiếp nhất trong nhận định của Người về điều răn thứ sáu, như trình bày của *Mátthêu* là trong Bài giảng trên Núi: “Anh em đã nghe Luật dạy rằng : Chớ ngoại tình. Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết: ai nhìn người phụ nữ mà thèm muốn, thì trong lòng đã ngoại tình với người ấy rồi” (*Mt 5:27-28*). Câu nói này, cộng với việc ngăn cấm ly dị tiếp sau đó (các câu 31-32) nói tới thái độ nam giới đối với phụ nữ hơn là các hành vi tình dục cá thể. Câu nói về ly dị liên quan tới thực hành của xã hội có tính cách áp chế đối với phụ nữ. Câu nói về ngoại tình liên quan đến cách đàn ông từng được xã hội hóa để nhìn người đàn bà chỉ như đối tượng cho các thèm muốn tình dục mà thôi. Chúa Giêsu vốn có lòng tôn trọng sâu xa và rất nhạy cảm đối với phụ nữ. Ở nơi công cộng, Người không làm ngơ họ và sẵn sàng bắt chuyện với họ. Người coi họ như phản chiếu chính sự hiện diện và sinh hoạt của Thiên Chúa. Người mời gọi họ theo chân Người như các môn đệ. Người đụng đến họ và chữa lành họ và bệnh vực họ chống lại các thành kiến nam giới của xã hội nặng tình thân tổ phụ. Tóm lại, Người có thái độ và mối tương quan rất lành mạnh với phụ nữ.

Về câu hỏi thứ hai, Người có cười, mơ ước, thèm muốn không? Dĩ nhiên! Là một thiếu niên và thanh niên, Chúa Giêsu là một người bình thường cần học cách để tích nhập bức bách và thèm muốn tình dục vào nhân cách trưởng thành và cân bằng. Nói khác đi là ngụ ý rằng tình dục là bản thủ và phần nào tội lỗi. Nhưng trong việc sáng tạo của Thiên Chúa, việc dị biệt hóa thành nam và nữ và việc kết hợp của họ trong một thân xác vốn là biểu thức tốt đẹp của óc sáng tạo của Thiên Chúa (xem *St 2:18-24; 1:26-31*; được Chúa Giêsu đem lại với nhau trong *Mc 10:6-8 = Mt 19:4-6*).

**Câu hỏi 26:** *Tại sao Chúa Giêsu không cưới vợ? Người có bác bỏ phần chính yếu và quan trọng này của đời người hay không?*

Có một số người chủ trương rằng Chúa Giêsu thực sự có cưới vợ. Tuy nhiên, vì tuyệt đối không có bằng chứng nào hỗ trợ, nên lập luận hẳn phải là lập luận từ sự im lặng, nghĩa là, vì không có bằng chứng ngược lại, thì người ta đương nhiên giả thuyết rằng một thiếu niên Do Thái đến tuổi mười tám chắc chắn sẽ đính hôn hay kết hôn. Nếu Chúa Giêsu có một nền dưỡng dục Do Thái bình thường trong mọi khía cạnh khác, tại sao lại không trong trường hợp này? Chắc chắn, bất cứ lập luận nào chống việc Người có vợ và có con chỉ có thể dựa vào ý niệm cho rằng hôn nhân phần nào là bậc sống kém hơn hay thấp hơn hay tình dục phần nào là tội lỗi. Xét vì Người sống ở Nadarét tới tận năm ba mươi tuổi, người ta chắc chắn nghĩ rằng Người có thể đã kết hôn.

Tuy nhiên, nếu đúng như thế, thì họ hẳn phải mong chờ việc nhắc đến vợ và con cái Người cùng với mẹ, anh chị em Người, cũng như nhiều phụ nữ khác, trong thừa tác vụ công khai của Người chứ. Đàng này, không hề có việc nhắc đến nào. Ngoài ra, mặc dầu bất thường, người ta không phải không nghe nói tới việc một người đàn ông sống cuộc sống đơn thân, độc thân vào thời ấy. Người ta chỉ cần nghĩ tới phong trào giáo phái được biết dưới tên “Essenes”, nghĩ tới tiên tri Giêrêmia (*Grm 16:1-4*), tới Gioan Tẩy Giả và Thánh Phaolô (*ICr 7:1-7; 9:5*). Xét vì hai nhân tố này, điều xem ra cái nhiên hơn cả là Chúa Giêsu, vì bất cứ lý do gì, đã chọn tự ý sống độc thân. Người chắc chắn không bác bỏ hay hạ giá hôn nhân. Chúng ta chỉ phỏng đoán về các lý do của Người từ những gì chúng ta biết về thừa tác vụ công khai của Người. Hai điều nổi bật: Người thách thức cơ cấu tổ phụ đương thịnh của xã hội Người (và do đó có lẽ chọn không tham gia đặc ân và quyền lực của “quy luật người cha” trên gia đình Người) và Người đề xuất một gia đình mới của những người thực hành thánh ý Thiên Chúa (*Mc 3:31-35*). Như thế, xem ra Người tự làm mình thành hoạn quan vì nước trời (*Mt 19:12*).

## **B. Thừa tác vụ công khai: Lời nói, việc làm, số phận**

**Câu hỏi 27:** *Có phải cha hàm ý rằng Chúa Giêsu từ bỏ gia đình Người? Người có nhấn mạnh điều đó với các Tông đồ khi họ theo Người sau này hay không?*

Nếu Chúa Giêsu sống tại Nadarét cho tới năm ba mươi tuổi, thì khó có thể nói Người bỏ ai, và chắc chắn

không phải mẹ Người và anh chị em Người. Và các tông đồ cũng như các anh em Người sau khi Người chết cũng không nghĩ rằng cách nào đó họ phải sống cuộc sống độc thân xa lánh vợ và gia đình họ. Thánh Phaolô nhắc đến việc này như sau: “Há chúng ta không có quyền được đồng hành bởi một người vợ có lòng tin, như các tông đồ và anh em của Chúa và Cephas hay sao?” (1Cr 9:5).

Nhưng, trong các Tin Mừng, Chúa Giêsu được trình bày như một người đang thi hành sứ mệnh với mọi sức mạnh phi thường của Người tập chú vào một điều duy nhất cần thiết: việc ngự đến của nước Thiên Chúa. Xem ra Người có chiến lược hai gọng kìm. Người kêu gọi một số người (gồm cả nhóm mười hai như biểu tượng của Israel đổi mới), theo Người, bỏ mọi sự để đi đó đây khắp các thị trấn và làng mạc, rao giảng nước trời và chữa lành người bệnh và bị quỷ ám. Nhưng không phải ai ai cũng được kêu gọi làm môn đệ theo nghĩa này. Phần lớn những người nghe Người hoặc được chữa lành không theo Người trên con đường như người mù Bartimêô (Mc 10:52). Quả thế, người muốn làm như thế được nói cho biết: “Anh cứ về nhà với thân nhân, và thuật lại cho họ biết mọi điều Chúa đã làm cho anh, và Người đã thương anh như thế nào” (Mc 5:19). Cho dù mỗi trình thuật cá thể có tính lịch sử bao nhiêu đi nữa, điều xem ra rõ ràng là Chúa Giêsu có các môn đệ theo Người trên đường và những môn đệ khác tiếp tục ở nhà và tiếp đón Người khi Người đi qua, như Mácta và Maria (Lc 10:38-42). Điều này có thể được phản ánh trong chỉ thị truyền giáo: “Bất cứ ở đâu, khi anh em đã vào nhà nào, thì cứ ở lại đó cho đến lúc ra đi” (Mc 6:10). Dù sao, bất luận trên đường hay ở nhà, điều duy nhất là tuyệt đối cần thiết cho đời người: “Trước hết hãy tìm kiếm Nước Thiên Chúa và đức công chính của Người, còn tất cả những thứ kia, Người sẽ thêm cho”.



**Câu hỏi 28:** *Tại sao việc sống độc thân lại quan trọng như thế? Có phải việc Giáo Hội nhấn mạnh đến bậc sống độc thân của các linh mục phát xuất từ Chúa Giêsu không?*

Bản văn duy nhất về việc sống độc thân trực tiếp gán cho Chúa Giêsu là bản văn nói về những người tự làm mình thành hoạn quan vì nước trời, chỉ tìm thấy trong *Mátthêu* 19:12. Nếu điều này phát xuất từ Chúa Giêsu lịch sử, nó có thể tượng trưng cho việc bênh vực cách nào đó cho lối sống của Người. Nếu không, cả Người lẫn các đối thủ của Người không tỏ ra mấy quan tâm về vấn đề này. Điểm quan trọng trong bản văn là: độc thân là điều ban cho và được chấp nhận tự do: “Không phải ai cũng hiểu được câu nói ấy, nhưng chỉ những ai được Thiên Chúa cho hiểu mới hiểu (câu 11). Để nhấn mạnh điểm này, câu này được nói trước câu nói tới hoạn quan và rồi được nhắc lại ở cuối: “Ai hiểu được thì hiểu” (câu 12d). Tương tự như thế, Thánh Phaolô nói với người Côrintô trong lời khuyên của ngài về tính chính đáng và sự cần thiết của hôn nhân: “Tôi ước muốn mọi người đều như tôi [sống độc thân]; nhưng mỗi người được Thiên Chúa ban cho đặc sủng riêng, kẻ thế này, người thế khác” (1Cr 7:7). Thánh Phaolô thích mọi người ở lại bậc sống của mình, vì “Vì bộ mặt thế gian này đang biến đi” (1Cr 7:31b) nghĩa là ngày chung cuộc sắp sửa tới.

Như thế, với cả Chúa Giêsu lẫn thánh Phaolô, vấn đề độc thân phải có liên hệ với việc ngự đến của vương quốc trong bối cảnh chuyên biệt của thừa tác vụ liên hệ của các ngài. Cả hai vị đều không nghĩ tới việc phát triển ra chức linh mục như ta có hiện nay. Việc khai triển này phần lớn chịu ảnh hưởng bởi sự kiện ngày



chung cuộc không xảy ra và Giáo Hội phải đương đầu với việc khai triển và tinh chỉnh các cơ cấu của mình. Một khi Giáo Hội thoát ra ngoài cuộc bách hại nặng nề của thế kỷ thứ hai và thứ ba để trở thành tôn giáo chính thức của đế quốc vào năm 381, phong trào đơn tu với việc tương ứng lý tưởng hóa đức đồng trinh thay thế phúc tử đạo như hình thức làm chứng ưu tuyển nghĩa là làm một Kitô giáo tận hiến. Trong thiên niên kỷ thứ nhất, có cả các linh mục độc thân (thường là đan sĩ và tu sĩ) lẫn linh mục và giám mục có gia đình. Các Giáo Hội Chính Thống ngày nay vẫn còn cả hai. Độc thân bắt buộc cho mọi linh mục trong Giáo Hội Rôma tây phương được thiết lập vững vàng vào thế kỷ mười hai. Nhưng dù được cột chặt vào chức linh mục, Giáo Hội vẫn luôn nhấn mạnh rằng độc thân phải được tự do ban cho và tự do chấp nhận. Đối với các linh mục ngày nay, ơn linh hứng và động cơ của họ phải giống hệt như của Chúa Giêsu và Thánh Phaolô: tận hiến cho thừa tác vụ mà Chúa đã trao cho mỗi người.

**Câu hỏi 29:** *Nhưng há Chúa Giêsu không phải là một linh mục hay ít nhất một giáo sĩ Do Thái [rabbi] hay sao? Xem ra cha muốn ngụ ý rằng chức linh mục chỉ có mãi sau này?*

Quả tình, cả chức linh mục như Giáo Hội Công Giáo biết nó lẫn hàng giáo sĩ có cơ cấu như các người Do Thái Giáo chính thống biết nó mãi sau thời Chúa Giêsu mới được khai triển. Cả hai đều được khai triển vì nhiều hoàn cảnh và nhu cầu lịch sử đã thay đổi. Với cả hai, khoảnh khắc quan yếu là việc phá hủy đền thờ Giêrusalem năm 70 CN. Với người Do Thái, người mang truyền thống đã trở thành các *rabbis* (nổi nghiệp những luật sĩ và biệt phái giải thích lề luật vào thời Chúa Giêsu). Với các Kitô hữu, các giám mục trở thành người mang truyền thống trong tư cách nổi nghiệp các tông đồ và tiên tri giải thích Tin Mừng sau cái chết và sự phục sinh của Chúa Giêsu.

Còn với Chúa Giêsu, chỉ có một bản văn duy nhất trong toàn bộ Tân Ước khai triển ý niệm về chức linh mục của Người, đó là thư gửi tín hữu Do Thái. Chúa Giêsu là linh mục đời đời theo phẩm trật Menkixêđec (nghĩa là có nguồn gốc không ai biết và mâu nhiệm, nhưng đời đời: *Dt* 7:1-3), Đấng đã băng qua cung thánh một lần cho tất cả bằng cái chết và được tôn vinh bên tay hữu Thiên Chúa và kết thúc chức linh mục lêvi của Cựu Ước (4:14-7:28). Thực vậy, Chúa Giêsu đã hiến dâng một hy lễ dứt khoát vốn kết liễu nhu cầu cần các hy lễ khác và do đó cung hiến một chức linh mục liên tục (8:1-10:39). “Người đã vào cung thánh không phải với máu các con dê, con bò, nhưng với chính máu của mình, Người vào chỉ một lần thôi, và đã lãnh được ơn cứu chuộc vĩnh viễn cho chúng ta” (9:12; xem 9:25-26; 10:11-14). Như thế, Chúa Kitô vừa là linh mục vừa là lễ vật hy sinh đã kết liễu nhu cầu cần các lễ vật khác. Chức linh mục Kitô giáo phải luôn tự hiểu mình như hiện thân có tính bí tích của chính chức linh mục của Chúa Kitô, chứ không phải như một chức linh mục mới hay khác hay thậm chí liên tục. Chúa Kitô là thầy cả thượng phẩm duy nhất và độc nhất do cái chết và sự phục sinh của Người.

Trong thừa tác vụ lịch sử của Người, Chúa Giêsu không hề được gọi là linh mục theo bất cứ ý nghĩa nào nghĩa là Người không thuộc đoàn tu tế lêvi của thời đó. Người cũng không thể được gọi là một giáo sĩ [rabbi] theo nghĩa kỹ thuật sau này chỉ người có học về lề luật. Tuy nhiên, Người được gọi là “thầy” (rabbi) theo nghĩa chung chung chỉ người nói những lời khôn ngoan. Người đơn giản chỉ là một giáo dân Do thái giáo và quả thực xuất thân từ một thôn làng tối tăm và lạc hậu tên là Nadarét. Nhưng trong tư cách này, Người là một đe dọa kinh khủng đối với những người có nhiệm vụ bảo vệ quyền lực thẩm quyền thánh thiêng, nhất là các linh mục và giai cấp quý tộc đền thờ. Thực thể, các thầy cả thượng phẩm, các luật sĩ, và trưởng thượng từng hỏi Người: “Ông làm những việc này bằng thẩm quyền nào?” (*Mt* 11:28).

**Câu hỏi 30:** *Tại sao các lãnh tụ Do Thái lại hỏi câu hỏi trên nếu thẩm quyền của Chúa Giêsu phát xuất từ Thiên Chúa?*

Một lần nữa, dưới ánh sáng phục sinh, chúng ta biết rằng Chúa Giêsu nhận được “mọi thẩm quyền trên trời và dưới đất” (*Mt* 28:18) nhưng điều này không hiển nhiên như thế trong thời thừa tác vụ công khai của Người. Quả thực, câu hỏi lớn giữa Chúa Giêsu và các đối thủ của Người là liệu Người có nói đúng về Thiên



Chúa, Đấng Thiên Chúa đầy yêu thương, bao gồm mọi người và hay tha thứ được Người công bố hay không. Họ tố cáo Người phạm thượng (Mc 2:6-7) và xua đuổi ma quỷ bằng quyền lực của ma quỷ (Mc 3:22). Sau cùng khi được hỏi về thẩm quyền của Người, Người trả lời bằng một câu hỏi về phép rửa của Gioan, nó phát xuất từ trời hay bắt nguồn từ người phạm (Mc 11:27-33). Điểm quan trọng là câu hỏi về thẩm quyền của Chúa Giêsu có liên hệ tới phép rửa của Gioan. Đó chính là chỗ *Mácô* bắt đầu câu truyện của ngài về Chúa Giêsu.

Trong một cách song hành với các trình thuật tuổi thơ của *Mátthêu* và *Luca*, *Mácô* có ý định chuyển tải xác tín tôn giáo và thần học của đức tin Kitô giáo cho rằng nguồn gốc của Chúa Giêsu là phát xuất từ Chúa Thánh Thần. Cảnh này bao gồm mạc khải từ trời rằng Người là Con yêu dấu của Thiên Chúa. Do đó, ngay từ đầu, chúng ta đã có một bức chân dung sống động của đức tin Kitô giáo bao gồm Cha, Con, và Thánh Thần. Thế nhưng, nằm dưới đó, chắc chắn là sự kiện lịch sử này: thừa tác vụ của Chúa Giêsu là một thừa tác vụ tràn đầy Chúa Thánh Thần, một thừa tác vụ khởi đầu với phép rửa của Gioan. Quyền năng chữa bệnh và thẩm quyền giáo huấn của Người được gán cho sự hiện diện và việc xức dầu của Chúa Thánh Thần. Thí dụ, khi bị thách thức về nguồn gốc của quyền năng chữa bệnh của Người, Người trả lời: “Còn nếu tôi dựa vào Thần Khí của Thiên Chúa mà trừ quỷ, thì quả là triều đại Thiên Chúa đã đến giữa các ông” (Mt 12:28; Lc 11:20 viết “ngón tay” thay vì “Thần khí” nhưng nó cũng chuyển tải cùng một ý niệm về quyền năng và thẩm quyền của Thiên Chúa). Tới mức độ các địch thủ của Người không biện phân được sự hiện diện và quyền năng của Chúa Thánh Thần trong thừa tác vụ của Người ở đây và vào lúc này, nhưng đúng hơn đã nói chống lại Chúa Thánh Thần, họ đã phạm tội không thể tha thứ được vì đã để lỡ khoảnh khắc chủ yếu và có tính quyết định khi nước trời xuất hiện (Mc 3:28-30; so sánh với Mt 12:32 = Lc 12:10). *Luca* cho hay Chúa Giêsu khai mạc thừa tác vụ của Người tại Nadarét bằng việc đọc *Isaia* 61:1-2: “Thần Khí Chúa ngự trên tôi, vì Chúa đã xức dầu tấn phong tôi, để tôi loan báo Tin Mừng cho kẻ nghèo hèn...” (Lc 4:18; so sánh với Mt 11:2-6). Dù bản văn có lẽ không có tính lịch sử, nhưng nó quả nắm được việc nhắc lại thừa tác vụ thuyết giảng, giảng dạy, và chữa bệnh của Chúa Giêsu như việc làm của một người được xức dầu bởi quyền năng Chúa Thánh Thần, một Thánh Thần Người nhận lãnh nhờ phép rửa của Gioan.

**Câu hỏi 31:** *Nếu Chúa Giêsu là Con không tội lỗi của Thiên Chúa từ lúc được tượng thai, tại sao Người cần tới phép rửa?*

Câu hỏi bạn hỏi từng là câu hỏi vào thời *Mátthêu*, *Luca*, và *Gioan* được viết ra và có lẽ còn sớm hơn nữa. Điều chắc chắn là lời trình bày đơn giản và thẳng thắn lúc Chúa Giêsu chịu phép rửa là một thực tại lịch sử. “Hỏi ấy, Chúa Giêsu từ Nadarét miền Galilê đến, và được ông Gioan làm phép rửa dưới sông Giođan” (Mc 1:9). Như đã ghi nhận trong câu hỏi trước, *Mácô* giải thích sự kiện đơn giản ấy như một mạc khải thần linh bao gồm việc Thánh Thần ngự xuống và tiếng nói từ trời (Chúa Cha) khẳng định rằng Chúa Giêsu là “Con yêu dấu của Ta”. Đối với các Kitô hữu tiên khởi, điều nhắc họ nhớ đến phép rửa của chính họ “nhân danh Cha, và Con, và Thánh Thần” (Mt 28:19) và do đó đến việc được đồng nhất hoàn toàn với Chúa Giêsu.



So sánh việc bàn đến sự kiện Chúa Giêsu chịu phép rửa trong Mátthêu, Luca và Gioan quả có tính giáo huấn. Một so sánh như thế một lần nữa minh họa cho thấy một biến cố lịch sử như việc Chúa Giêsu chịu phép rửa đã được tiếp nhận và tái giải thích theo các quan tâm thần học và tôn giáo đang phát triển của các cộng đồng Kitô giáo tiên khởi. Xin tóm tắt như sau: với Mátthêu (3:13-17), phép rửa này chỉ được tiến hành sau khi Chúa Giêsu đã khắc phục sự phản đối của Gioan bằng cách nói: “chúng ta nên làm như vậy để giữ trọn đức công chính”. Điều này rất thích hợp với một trong các chủ đề chính của Mátthêu: Chúa Giêsu không những công bố mà còn hiện thân ý Thiên Chúa trong trọn đời sống Người. Như thế, câu trả lời của Mátthêu cho câu hỏi của bạn là Chúa Giêsu, Đấng rõ ràng là Con không tội lỗi của Thiên Chúa từ lúc được tượng thai, đã tự ý chấp nhận phép rửa giống y hệt việc Người chấp nhận cái chết trên thập tự (so sánh với 26:42). Với Luca, vấn đề phức tạp hơn vì Gioan Tẩy Giả thuộc thời kỳ Israel như được trình bày trong các trình thuật tuổi thơ. Như thế, ngài lưu ý rằng Hêrốt nhốt giam Gioan (3:19-20) trước khi ngài thuật lại sự kiện Chúa Giêsu chịu phép rửa (các câu 21-22). Luca không giải thích chính phép rửa này. Ngài chỉ nhắc đến nó một cách gián tiếp để tập chú vào cảnh mạc khải. Tuy nhiên, việc bàn đến của ngài phản ánh hai quan tâm thần học chính: (1) Chúa Giêsu trong tư cách một Thiên Chúa được xức dầu với Chúa Thánh Thần và quyền năng (Cv 10:38; Lc 4:16-21); (2) lịch sử cứu rỗi như đã được dị biệt hóa thành ba thời kỳ: thời kỳ Israel (Lc 1:5-3:20), thời kỳ Chúa Giêsu (Lc 3:21- 24:53) và thời kỳ Giáo Hội (Công vụ). Với Gioan, như đã nhắc trên đây (xem Câu hỏi 14), cả việc tượng thai lẫn phép rửa đã được thay thế bằng việc hiểu Chúa Giêsu như Ngôi Lời trong tương quan đời đời với Chúa Cha. Gioan Tẩy giả chỉ có thể là chứng tá cho tính siêu việt của Chúa Giêsu. Như thế, Gioan không có trình thuật nào về phép rửa của Chúa Giêsu.

Phân tích trên đây đem lại độ đáng tin lịch sử cho sự kiện đơn giản này là Chúa Giêsu chịu phép rửa ở đầu thừa tác vụ công khai của Người. Xét như thế, ngài không cần giải thích thêm. Có lẽ Chúa Giêsu theo Gioan một thời gian trước khi Người khởi sự sứ mệnh riêng của Người. Thậm chí, Người còn có thể thực hành phép rửa nữa (Ga 3:22; so với 4:1-2). Dù sao, phép rửa chính Chúa Giêsu lãnh nhận chắc chắn là khoảnh khắc Người lãnh nhận sứ mệnh riêng của Người từ Chúa Cha trong quyền năng Chúa Thánh Thần (xem câu hỏi 30).

**Câu hỏi 32:** *Sứ mệnh đó là sứ mệnh gì? Chúa Cha kỳ vọng gì nơi Chúa Giêsu?*

Đây là một câu hỏi tốt, và không dễ trả lời. Nếu ta chỉ có một Tin Mừng Gioan, ta dám nghĩ rằng Người đến để công bố về chính Người và mối tương quan của Người với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần. Theo nghĩa này, Tin Mừng Gioan đại diện cho quan điểm nặng thần học của Giáo Hội tiên khởi. Các Tin Mừng nhất lãm cho ta một quan điểm khác: Người đến không phải để công bố về chính Người nhưng để nên trọn “thời

gian” và việc gần đến của Nước Thiên Chúa (Mc 1:15; Mt 4:17; Lc 4:21). Người đến trong cung cách một tiên tri công bố “tin mừng” cho dân bằng cách kêu gọi họ đương đầu với cuộc khủng hoảng áp bức và nhục nhã hiện tại. Họ sẽ làm điều này bằng cách tưởng nhớ và tìm lại những điều sâu sắc nhất và tốt đẹp nhất trong quá khứ của họ. Người được sai tới dân tộc Israel của Người để cung ứng cho họ sự tự do đích thực của những người con trai con gái của Thiên Chúa, kêu gọi họ bước vào ơn gọi đích thực của họ làm ánh sáng cho Dân Ngoại. Bằng cách tưởng nhớ ý định đích thực “từ nguyên thủy” của Thiên Chúa, dân phải đáp trả bằng việc thay đổi căn rễ cả trí lẫn tâm (ăn năn), một điều sẽ đề chân lý của Thiên Chúa sống trong họ lúc này và ở đây (đức tin) và do đó mở lòng cho khả thể một tương lai đích thực. Tương lai này sẽ được tạo dựng bởi sáng kiến của Thiên Chúa song song với đáp trả của con người.

Chúa Giêsu công bố việc tới gần của nước Thiên Chúa bằng cả lời nói lẫn việc làm, nhưng việc nước này thực sự đến còn tùy ở việc đáp trả của con người. Không nên hiểu việc đáp trả này theo lối suy nghĩ phương tây của chúng vốn hết sức có tính duy cá nhân cao độ. Đây là ơn gọi cộng đoàn và như thế bao hàm việc biến đổi các cơ cấu xã hội. Thí dụ, khi Chúa Giêsu nói: “Phúc cho ai nghèo khó, vì nước Thiên Chúa là của họ” (Lc 6:20; so với Mt 5:3), Người không có ý nói: nghèo là điều tốt. Người cũng không nói rằng người nghèo phần nào có nhân đức hơn người giàu có. Người đủ biết rằng có những người tốt và những người xấu nơi người giàu cũng như nơi người nghèo, nghĩa là, trong số những người túng nghèo và không có các nhu cầu vật chất căn bản để có thể sống một cuộc sống nhân bản tươm tất. Sự thay đổi này không thể diễn ra nếu các cơ cấu chuyên áp bức và cầm tù người ta không thay đổi. Nước trời được coi là tới khi tù nhân được phóng thích, người mù trông thấy, và người bị áp bức được giải thoát (Lc 4:18).

**Câu hỏi 33:** *Cha có thể cho chúng con biết nhiều hơn về việc Chúa Giêsu hiểu như thế nào về “nước Thiên Chúa”? Há đây không phải là một ý niệm lỗi thời đối với những người sống trong các xã hội dân chủ hay sao?*

Dưới ách áp bức, các niềm hy vọng và khát vọng chung của người dân thời Chúa Giêsu ít nhất gồm những điều sau đây: (1) Chỉ có Thiên Chúa mới là vua cai trị Israel, chứ không phải Xêda; (2) Thiên Chúa muốn giải phóng dân Người khỏi sự áp chế (như được cử hành mỗi dịp Vượt qua để tưởng nhớ cuộc xuất hành); (3) Thiên Chúa sẽ đem đến việc đó qua một biến cố tương lai trong lịch sử. Điều này được phát biểu qua các hình ảnh như “Ngày của Chúa” và “Thiên Chúa là Vua”. Chúa Giêsu chọn một hình ảnh ít thịnh hành hơn nhưng cũng gọi hình trong kiểu nói “nước Thiên Chúa”. Nó là một biểu tượng gọi lên những chờ mong mạnh mẽ.

Nhưng Chúa Giêsu cho nó một ý nghĩa riêng. Khi được người biệt phái hỏi lúc nào nước Thiên Chúa đến, Người trả lời: “Triều Đại Thiên Chúa không đến như một điều có thể quan sát được. Và người ta sẽ không nói: ‘Ồ đây này!’ hay ‘Ồ kia kia!’, vì này Triều Đại Thiên Chúa đang ở giữa các ông” (Lc 17:20-21). Ở đây, xem ra Người bác bỏ hai hình thức mong chờ khá phổ thông. Một, từ giai cấp luật sĩ có học thức nhiều hơn, chờ mong một loại can thiệp của Thiên Chúa nhằm phá hủy thế giới xấu xa hiện nay và tạo nên một thế giới hoàn toàn mới. Đây là hình thức cực đoan có tính khả huyền, có lẽ chung hơn đối với thời nay hơn thời Chúa Giêsu, một hình thức trông đợi một “dấu chỉ” ở trên trời hay trong các bản văn thánh nhằm tiên đoán chính xác khi nào, ở đâu, và cách nào việc tận cùng sẽ diễn ra. Bất chấp khá nhiều giáo phái khả huyền ngày nay luôn cố gắng làm điều này, Chúa Giêsu không bao giờ tiên đoán tương lai cách này. “Còn về ngày hay giờ đó thì không ai biết được, ngay cả các thiên sứ trên trời hay người Con cũng không, chỉ có Cha biết mà thôi” (Mc 13:32). Chờ mong khác phát xuất từ bình diện bình dân hơn và trông chờ một anh hùng dũng sĩ từ nhà Đavít, sẽ lật đổ các kẻ thù của Israel và thiết lập Israel thành vương quốc của Thiên Chúa trên mặt đất. Dưới hình thức cực đoan của nó, niềm hy vọng duy quốc gia này khuyến khích nổi loạn vì lòng hận thù kẻ thù và dùng bạo lực lật đổ chúng và tiêu diệt chúng. Chúa Giêsu rõ ràng bác bỏ phương thế bạo động đó để đem nước trời đến, thí dụ khi Người nói “đừng chống cự người ác” (Mt 5:39) và “hãy yêu kẻ thù và cầu nguyện cho những kẻ ngược đãi anh em” (Mt 5:44).

Hai hình thức mong chờ phổ thông này mong đợi một thứ can thiệp thần linh từ bên ngoài để giải quyết cuộc khủng hoảng hiện tại. Mặt khác, Chúa Giêsu hướng sự chú ý bên trong thế giới này tới các thực tại ở đây và lúc này của đời sống con người. Thực vậy, Người nói: đừng ngoảnh mặt khỏi đời sống nhân bản nhưng phải nhìn vào chúng cách sâu xa hơn trong các mối tương quan xã hội, văn hóa, chính trị, kinh tế, và tôn giáo vốn hàm chứa trong đó. Ở đây, các ông sẽ khám phá ra Thiên Chúa của Israel sống động, tích cực, hiện diện. Biểu tượng nước Thiên Chúa không ám chỉ thời gian và không gian hay một người nào mà là chính chúng ta. Đứng hơn nó ám chỉ Thiên Chúa, Đấng chúng ta tìm kiếm giữa cuộc sống nhân bản. Điều đó, đối với tôi, xem ra rất “dân chủ”, nghĩa là lấy người dân làm trung tâm.

**Câu hỏi 34:** *Nếu Chúa Giêsu nhìn Thiên Chúa như trung tâm đời sống con người, há Người không coi đó là chính Người hay sao?*

Tôi hậu, đúng như thế; một cách trung gian, thì không. Điều này có nghĩa Thiên Chúa được mặc khải nơi Chúa Giêsu cuối cùng bao gồm Chúa Giêsu. Đức tin Ba Ngôi đầy đủ chỉ khả hữu dưới ánh sáng mặc khải cuối cùng và dứt khoát ban cho trong biến cố phục sinh, nhưng mặc khải này được trung gian đối với chúng ta qua cuộc sống nhân bản của Chúa Giêsu Nadarét. Cuộc sống nhân bản của Chúa Giêsu có thể được coi như một cuộc sống được lên sức mạnh bởi Chúa Thánh Thần và hoàn toàn tập chú vào Chúa Cha, Đấng Người gọi là Abba (Bố). Như thế, mặc khải cuối cùng của Chúa Cha, Chúa Con, và Chúa Thánh Thần bắt nguồn và dựa vào cơ sở cuộc sống và kinh nghiệm nhân bản của Chúa Giêsu. Đây là chiều kích sâu xa hơn của mọi điều Người nói và làm.

Thế nhưng, Chúa Giêsu không đến chỉ để thông truyền tin tức, bắt luận về tín lý hay luân lý. Người không nói với ta phải tin gì hay phải làm gì, nghĩa là, Người không ban cho chúng ta một mớ tín lý phải tin hay các luật lệ luân lý phải tuân theo. Giống như mọi thiên tài tôn giáo vĩ đại, đứng hơn Người ban cho chúng ta một lối sống chỉ có thể hiểu được qua việc tham gia nghĩa là kinh nghiệm bản thân bước theo đường của Người. Đó là lý do tại sao các Giáo Huấn của Người bằng dụ ngôn lại quan trọng đến thế. Người thông truyền bằng nhiều cách điều Người muốn nói về Nước Thiên Chúa, qua châm ngôn và lời lẽ khôn ngoan, qua việc chữa lành và những bữa ăn chia sẻ, nhưng có lẽ cách Người ưa thích nhất là kể chuyện, những câu chuyện không cho phép người ta chần chừ, giống như các trẻ em ở ngoài chợ không chịu tham gia trọn vẹn vào trò chơi nhưng rồi lại phàn nàn khi sự việc không nên trò trống gì (Mt 11:16-17).

**Câu hỏi 35:** *Cha có thể nói thêm ít điều về dụ ngôn được không? Há cách giảng dạy này không gây mơ hồ cho người ta hay sao?*

Các dụ ngôn không nhằm gây mơ hồ cho người ta nhưng chúng nhằm làm người ta lúng túng, nghĩa là khiến ta suy nghĩ và suy gẫm về thế giới tiện lợi và có trật tự mà chúng ta nghĩ chúng ta biết. Phản ứng bình thường đối với dụ ngôn là: tôi nghĩ tôi biết điều bạn muốn nói qua nó, nhưng tôi biết tôi không thích nó. Các dụ ngôn là các câu chuyện đòi có sự tham gia. Chúng không những chỉ thông tri cho chúng ta biết một số khía cạnh của nước trời hay minh họa cho ta những ý tưởng chúng ta đã có về Thiên Chúa và nền luân lý của con người. Các dụ ngôn là thực tại nước trời. Chúa Giêsu nói về kinh nghiệm sống bình thường, hàng ngày của những người đồng thời với Người: người đàn bà làm bánh, người gieo hạt gieo hạt, người lữ khách bị bọn cướp bao vây, đứa con trai thứ bỏ đi tới các vùng đất lạ, người lao công cần việc làm...Ấy thế nhưng, các câu chuyện được cường điệu, việc quen thuộc thành không quen thuộc, việc bình thường thành phi thường. Đây là thực tại của nước trời cho những ai có mắt để nhìn có tai để nghe (Mc 4:9, 23). Nước Thiên Chúa chính xác đang ở đó, giữa đời sống con người (Lc 17:21), chứ không ở một thế giới nào khác làm chúng ta ra xa lạ với kinh nghiệm sống cụ thể ở đây và lúc này.

Xin minh họa: dụ ngôn ta quen gọi là “đứa con hoang đàng” (Lc 15:11-32) có thể hợp lý sử dụng như một phúng dụ trong đó, chìa khóa nằm ở bên ngoài dụ ngôn. Thành thử, việc giải thích dụ ngôn cách chính xác tùy thuộc việc chúng ta đã biết người cha là Thiên Chúa, đứa con trai thứ là Israel biết ăn năn, và người con



trường là Israel không ăn năn. Luca có ý định về nó như vậy với chủ đề của ngài về niềm vui trên thiên đàng vì một người ăn năn (Lc 15:1-2.7.10.17-19.32). Luca huấn luyện để chúng ta đọc dụ ngôn cách này và đúng như thế, vì viễn ảnh của ngài là viễn ảnh của đức tin Kitô giáo vào Chúa Phục sinh. Trọng điểm là đây là một cách đọc trong các hoàn cảnh lịch sử đã thay đổi của Giáo Hội sơ khai, chúng ta vẫn đặt câu hỏi điều này có nghĩa chi với Chúa Giêsu trong hoàn cảnh lịch sử của Người.

Đối với tôi, dường như nếu chúng ta đọc câu truyện bằng cách coi nó như một câu truyện nói về các giới hạn và khả thể của tác phong con người, thì một cách đơn giản nó là câu truyện về việc các người cha đối xử với các con trai ra sao và các con trai cư xử với các người cha ra sao, cũng như anh em cư xử ra sao với nhau. Như thế, nó là câu truyện về những con người thật với những vấn đề có thật. Tôi nghĩ Chúa Giêsu muốn nói rằng nếu chúng ta muốn vào nước Thiên Chúa, thì chúng ta phải bước sâu hơn vào các mối tương quan nền tảng nhất trong các mối tương quan nhân bản, tức mối tương quan cha-con. Chúng ta phải hàn gắn những gì cần hàn gắn và phát biểu loại tình yêu vô điều kiện và có tính biến đổi mà người cha này tỏ cho hai đứa con trai của ông. Nếu chúng ta có thể nhìn và nghe khả thể này cho chính mình, thì chúng ta sẽ khám phá ra Thiên Chúa của Chúa Giêsu sống động, tích cực, hiện diện ở chính tâm điểm các mối tương quan này. Trong giáo huấn dụ ngôn của Người, Chúa Giêsu tìm kiếm sự biến đổi của các mối tương quan nhân bản trên mọi bình diện của xã hội.



At Gethsemane by Harold Copping

**Câu hỏi 36:** *Hà Chúa Giêsu đã không nói trực tiếp về Thiên Chúa hay sao? Danh hiệu Abba có nghĩa gì đối với Người?*

Chúa Giêsu mời gọi người ta khám phá để thấy Thiên Chúa của Israel sống động, tích cực, hiện diện giữa cuộc hiện sinh của con người. Nhưng điều chắc chắn là Đáng cần được khám phá tận tâm điểm sâu xa nhất của cuộc sống ta là Thiên Chúa được Người gọi là *Abba*. *Abba* là chữ Do Thái hay Aram chỉ được dùng một lần trong các Tin Mừng khi Chúa Giêsu cầu nguyện trong Vườn Diệtsimani: “*Áp-ba, Cha ơi, Cha làm được mọi sự, xin cất chén này xa con. Nhưng xin đừng làm điều con muốn, mà làm điều Cha muốn.*” (Mc 14:36). Chỉ có Máccô cho ta chữ đúng như thế và ngài cũng cho ta bản dịch đúng chữ ấy: *Cha ơi! (ho pater)*. Chữ này ở thể xưng hô, được dùng một cách nhân mạnh, do đó, rất thích hợp để cầu nguyện. Chỉ trong các trường hợp lúc cùng chữ nguyện thủy này được sử dụng, Thánh Phaolô hai lần nhắc lại ý nghĩa của nó như một lời cầu nguyện (có lẽ ngài nghĩ tới truyền thống Diệtsimani). Quả thực, ngài nói, để chứng thực anh em

là con cái Thiên Chúa trong Chúa Con (và do đó là người thừa kế Chúa Kitô), Người đã sai Thần Khí của Con mình đến ngự trong lòng anh em mà kêu lên : “*Áp-ba, Cha ơi*” (*Ga 4:6; Rm 8:15-16*). Trong lời cầu như thế, chúng ta tìm được nền tảng trải nghiệm cho đức tin vào Ba Ngôi của chúng ta.

Như chúng ta đã biết, không ai trước Chúa Giêsu đã từng cầu nguyện cùng Thiên Chúa với tiếng *Abba*. Đó là từ ngữ xưng hô và quen thuộc, một từ ngữ trẻ thơ quen dùng, nhưng lại không phải là từ ngữ con nít. Nó có âm điệu của sự thân quen và thân mật sẽ ở lại mãi với trẻ thơ suốt cuộc đời trưởng thành của em sau này. Do đó, nó không phải là một từ ngữ chỉ dành cho trẻ thơ nhưng cho bất cứ ai cảm nghiệm được mối liên hệ tín thác, gần gũi và tôn kính một người cha hay một vị thầy khả kính. Chúa Giêsu dùng nó trong giờ phút nguy kịch đầy hấp hối và sợ sệt để nói với Đấng vốn là tâm điểm trọn cuộc đời Người, vị Thiên Chúa được Người biết đến như là người Cha nhân hậu đầy yêu thương, Đấng nuôi dưỡng chim trời và mặc áo cho Huệ đồng, Đấng đếm từng sợi tóc trên đầu chúng ta và biết cách ban cho ta những điều tốt lành.

Tôi muốn nói thêm rằng điều quan trọng trong hình ảnh này không phải là nam tính của nó. Thực vậy, không như sự thống trị của người cha kiểu tổ phụ, đây là một *Abba*, Đấng nuôi ta, mặc cho ta, chăm sóc ta và dưỡng dục ta, Đấng ôm ấp ta một cách yêu thương hoàn toàn và vô điều kiện như người cha dành cho hai đứa con trai trong dụ ngôn. Đây là vị Thiên Chúa đầy hiểu biết cảm thương và tha thứ, một Thiên Chúa vươn tay ra ôm lấy người nghèo, người bị khinh miệt, người bị hắt hủi, người bị vứt bỏ. Đây là vị Thiên Chúa của Chúa Giêsu được Người công bố bằng cả lời nói lẫn việc làm, một Thiên Chúa mà ta có thể gọi là “*Mẹ ơi!*” cũng như “*Cha ơi!*”

**Câu hỏi 37:** *Nếu Chúa Giêsu thực sự là Thiên Chúa, tại sao Người còn cần phải cầu nguyện trong vườn Dietsimani?*

Câu hỏi của bạn làm nổi bật một chủ đề từng được lặp đi lặp lại. Chúng ta thường xuyên nghĩ tới thiên tính của Chúa Giêsu có tính áp đảo hay kiểm soát đến nỗi nhân tính của Người trở nên phụ thuộc và không quan trọng. Đây là do ảnh hưởng của truyền thống sau này vốn nhấn mạnh tới thiên tính. Nó bắt đầu với Tin Mừng Gioan, thí dụ, lời cầu nguyện của Chúa Giêsu trong Gioan 17 được đọc lên bởi một Đấng biết mọi sự và nay đang trở về với vinh quang đời đời mà Người vốn đã có với Chúa Cha trước khi thế giới được tạo dựng (*Ga 17:5*). Các lời cầu nguyện trước đó trong Gioan cũng như thế. Chúa Giêsu tạ ơn Chúa Cha đã nghe Người, nhưng rồi nói thêm điều này: “*Phần con, con biết Cha hằng nhậm lời con, nhưng vì dân chúng đứng quanh đây, nên con đã nói để họ tin là Cha đã sai con.*” (*Ga 14:42; so sánh với 12:27-28, vốn là trình thuật hấp hối trong Gioan*). Có lẽ đây là hình ảnh thông thường của chúng ta về Chúa Giêsu khi cầu nguyện. Chắc chắn Thánh Gioan nắm vững điều có tính trung tâm và quyết định trong cuộc sống lịch sử của Chúa Giêsu: mối liên hệ bản thân với Chúa Cha.

Nhưng các Tin Mừng nhất lãm trình bày một viễn ảnh khác với viễn ảnh của Gioan, một viễn ảnh nhấn mạnh tới các cuộc chiến đấu và cơn cám dỗ của Chúa Giêsu. Ở đây, lời cầu nguyện, không chỉ như cuộc đàm thoại vĩnh cửu với Chúa Cha nhưng như nói lên niềm vui và nỗi lo âu xao xuyến của thân phận làm người của chúng ta, rõ ràng bình thường và cần thiết. Có lời chép Chúa Giêsu dành nhiều giờ, thậm chí cả nhiều đêm, để cầu nguyện một mình (*Mc 1:35; 6:46; Lc 5:16; 6:12; 9:18. 28; 11:1; 22:41-46*, hiển nhiên Luca nhấn mạnh đến hình ảnh Chúa Giêsu lúc cầu nguyện). Có rất ít lời cầu nguyện của Chúa Giêsu được ghi chép, nhưng những lời chúng ta hiện có, dù bị ảnh hưởng bởi các quan tâm tôn giáo và thần học của Giáo Hội sơ khai, chắc chắn vẫn có tính lịch sử ở điểm này: chúng diễn tả sự tín thác tuyệt đối của Chúa Giêsu vào tình yêu và đức tin thành của *Abba* Người, nhất là đứng trước điều xem ra hoàn toàn đi ngược lại niềm tín thác này. Người cảm tạ Chúa Cha vì sự khôn ngoan của Người khi đứng trước nghịch cảnh và thất bại Người đang chịu đựng trong thừa tác vụ của Người (*Mt 11:25; Lc 10:21* đặt cùng lời cầu nguyện trong bối cảnh niềm vui vì sự thành công của 72 môn đệ). Người khẳng định Ý muốn của Chúa Cha giữa cơn hấp hối và sợ hãi của Người (*Mc 14:36tt*). Trên thập giá, Người đọc Thánh vịnh 22, một thánh vịnh nói về sự tín thác trước việc xem ra bị Thiên Chúa bỏ rơi (*Mc 15:34 = Mt 27:46; Lc 23:34.46* thay thế lời cầu nguyện này

bằng hai lời cầu nguyện xin tha thứ và xin hoàn toàn tín thác vào Chúa Cha). Bất kể bất cứ lời cầu nguyện này có tính lịch sử ra sao xét từng lời cầu nguyện một, tất cả, kể cả lời cầu nguyện trong Gioan, đều có tính lịch sử ở điểm này: chúng diễn tả cường độ và tính trung tâm của mối tương quan của Chúa Giêsu với Chúa Cha và niềm tín thác hoàn toàn vào thánh ý Chúa Cha. Tất cả chúng ta đều cần lời cầu nguyện như thế khi đương đầu với các cuộc chiến đấu, mơ hồ, và không chắc chắn của đời người.

**Câu hỏi 38:** *Còn về các cơn cám dỗ thì sao? Chúa Giêsu có trải nghiệm các cơn cám dỗ như chúng ta hay không?*

Dường như đối với tôi, vấn đề cám dỗ và tội lỗi là đá thử xem ta coi trọng nhân tính của Chúa Giêsu đến đâu. Người có thực sự cảm nghiệm mọi điều chúng ta cảm nghiệm hay không? Thư Do Thái nghĩ thế. Mặc dù nó có một học thuyết rõ ràng về thiên tính của Chúa Giêsu diễn tả như Đức Khôn ngoan của Thiên Chúa được tôn lên bên hữu Đấng Uy nghi trên tiên đàng (1:1-4) và do đó cao trọng hơn các tiên tri, các thiên thần, Môsê, các linh mục và hy lễ đền thờ, nó vẫn nói rằng "... Vị Thượng Tế của chúng ta không phải là Đấng không biết cảm thương những nỗi yếu hèn của ta, vì Người đã chịu thử thách về mọi phương diện cũng như ta, nhưng không phạm tội" (4:15). Chữ dịch là "chịu thử thách" cũng có nghĩa là "chịu cám dỗ". Và một lần nữa: "Đâu là Con Thiên Chúa, Người đã phải trải qua nhiều đau khổ mới học được thế nào là vâng phục" (5:8), có ý nhắc đến lời cầu nguyện của Người trong Vườn Diệtsimani.

Bất cứ điều gì ta nói về thiên tính của Chúa Giêsu, ta cũng phải để nhân tính của Người đóng đầy đủ vai trò của nó. Ta biết rằng Người không phạm tội không phải vì ta phân tích tình trạng bên trong của tâm trí Người, nhưng vì Thiên Chúa đã làm Người trở dậy từ cõi chết. Nhưng sự kiện Người phải "học đức vâng lời" ngụ ý cuộc tranh đấu nhân bản chống lại các sức mạnh của sự ác. Vâng lời là vấn đề của ý chí con người, chứ không phải ý chí thần linh. Thánh Phaolô mô tả cuộc sống nhân bản của Chúa Giêsu như là việc đảo ngược sự bất tuân của Adam qua đức vâng lời của chính Người (Rm 5:12-21). Điều này có nghĩa Chúa Giêsu trọn vẹn bước vào các cuộc tranh đấu và yếu đuối của cuộc sống nhân bản vốn bị quyền lực của tội lỗi, luật lệ, và cái chết thống trị, và ở đây, có thể nói từ bên trong, biến đổi sự bất tuân của con người. Thánh Phaolô nói đến việc Thiên Chúa sai chính Con của Người đến "mang thân xác giống như thân xác tội lỗi chúng ta" (Rm 8:3) nghĩa là với thư Do Thái, Người giống chúng ta trong mọi sự chỉ trừ tội lỗi (so sánh với Pl 2:6-8). Việc Người cần học đức vâng lời, việc Người tranh đấu để mãi trung thành với thánh ý Chúa Cha thậm chí cho đến chết, với các tác giả này là điều có thật.

Các trình thuật nhất lãm về cám dỗ, nhất là được khai triển trong Mátthêu và Luca, là các trình thuật thần học cô đọng của điều có lẽ diễn ra suốt trong thừa tác vụ của Chúa Giêsu. Chúng đụng tới quan tâm chính của sứ mệnh Người, vốn là đổi mới Israel, bằng cách nhắc nhở chính các cơn cám dỗ của Israel: thích các ơn phúc lạ lùng của Thiên Chúa (manna) hơn là ý muốn của Thiên Chúa; thử thách Thiên Chúa chứng tỏ việc Người chăm sóc và nhân từ; và sau cùng thay thế việc thờ phượng Thiên Chúa bằng việc thờ ngẫu thần. Như Israel, Chúa Giêsu phải mãi trung thành với thánh ý Thiên Chúa và tín thác vào sự chăm sóc và lòng nhân từ của Thiên Chúa, không đòi hỏi chứng cứ của chúng. Người phải khám phá ra ý nghĩa đích thực của sứ mệnh Chúa Cha đã trao cho Người, nhất là khi những người chung quanh Người có những ý nghĩ khác: "Nhưng Đức Giêsu biết họ sắp đến bắt mình đem đi mà tôn làm vua, nên Người lại lánh mặt, đi lên núi một mình" (Ga 6:15).

**Câu 39:** *Hà Chúa Giêsu không là vua hay sao? Con nghe một số người nói rằng Người là một nhà cách mạng và Người muốn lật đổ các quyền lực cai trị bằng bạo lực. Điều đó có đúng không?*

Khi Philatô hỏi Chúa Giêsu, "Ông có phải là vua dân Do Thái không?" (Mc 15:2), tất cả bốn Tin Mừng đều ghi lại rằng câu trả lời của Chúa Giêsu có tính lưỡng lự. Chính Philatô nói như thế. Điều này ngụ ý hai điều về phương diện lịch sử. Thứ nhất, người La Mã đóng đinh Người chỉ dựa trên cơ sở họ hiểu Người là tên

phản loạn dám khích động người dân và thách thức thẩm quyền của hoàng đế bằng cách tự xưng là vua (Lc 23:1-5). Điều này không có chi bất thường cả vì đã có các ông vua nổi loạn từng cố gắng làm cùng một điều trong thời người La Mã chiếm đóng Palestine. Tấm bảng trên thập giá: “Vua dân Do Thái” (Mc 15:26), do đó, nên được coi như lời chế giễu sự cao ngạo của người Do Thái. Tước hiệu thích đáng lẽ nên là “Vua Israel” và trong Máccô, quả là một nghịch lý lớn lao khi các thượng tế và luật sĩ chế giễu Người lại đã dùng tước hiệu thích đáng ấy “Ông Kitô vua Ítraen, cứ xuống khỏi thập giá ngay bây giờ đi, để chúng ta thấy và tin.” (Mc 15:32).

Hệ luận có tính lịch sử thứ hai là chính Chúa Giêsu bác bỏ cả hai tước hiệu, nghĩa là Mêxia và Vua, chính vì các hệ luận duy dân tộc của chúng. Chúa Giêsu quả là một nhà cách mạng theo nghĩa kêu gọi một sự biến cải xã hội triệt để, nhưng Người không phải là người “duy cách mạng” theo nghĩa cổ vũ việc bạo động lật đổ các kẻ thù của Israel. Người chọn cách khác, cách của tình yêu cảm thương và tha thứ cho cả kẻ thù. Người bác bỏ nguyên tắc trả thù, “mắt đền mắt răng đền răng” cho dù nguyên tắc này nhằm giới hạn và kiểm soát số lượng và loại trả đũa người ta có thể dùng. Thay vào đó, Người nói, “đừng chống cự người ác” (Mt 5:39). Người không nói: Đừng chống cự sự ác. Vì hiển nhiên, Chúa Giêsu có chống cự sự ác trong đời sống Người. Nhưng Người nói: Đừng chống cự sự ác bằng sự ác mà bằng điều tốt. Giờ má kia, cho quần áo anh em cho những người xin chúng, đi thêm một dặm nữa là không phải nói rằng nhục mạ, ăn cắp, và lao động cưỡng bách là điều tốt. Phải nói rằng cách duy nhất vượt thắng sự ác là biến đổi sự ác bằng điều tốt và tình yêu hơn là gia tăng sự ác. Thánh Phaolô nói cùng một điều này trong thư Rôma 12:14-21 nơi ngài kết luận “...làm như vậy, người sẽ chất than hồng lên đầu nó” nghĩa là đụng đến lương tâm họ và có lẽ sẽ mang họ tới sự hoán cải thực sự tâm và trí họ.

Ngày nay, khi chúng ta cử hành ngày lễ Chúa Kitô Vua, chúng ta nên nhớ rằng Người đã bị đóng đinh bởi quyền lực đế quốc theo cái hiểu của họ về ý nghĩa của các danh hiệu này. Chiến thắng của Người trong việc sống lại là cuộc chiến thắng trên chính các quyền lực như thế với tính bạo lực phá nát của nó. Trên thập giá, Chúa Giêsu biến đổi ý nghĩa của cả Mêxia lẫn Vua.

**Câu 40:** *Nhưng còn Satan thì sao? Há chiến thắng của Chúa Giêsu không chống lại quyền lực của ma quỷ hay sao?*

Quả thực như thế. Đây là cách Máccô 1:12-13 trình bày cơn cám dỗ của Chúa Giêsu. Sự đối kháng giữa Thần Khí, Đấng, theo nghĩa đen, “đẩy Người vào hoang địa” và Satan, kẻ cám dỗ Người trong 40 ngày. Chiến thắng của Đấng Mêxia được nhận ra dấu hiệu nhờ hai quan sát sau đây. Thứ nhất, “Người sống với loài dã thú” nghĩa là Người phục hồi sự hoà hợp giữa con người và thiên nhiên như con trẻ trong Isaia 11:6-9, em vốn điều khiển súc vật và chơi đùa với chúng. Thứ hai, “Các thiên thần hầu hạ Người”, nghĩa là cử hành bữa tiệc thiên sai nhằm kết hợp trời và đất. Một bộ ba tương tự cũng diễn ra ở Luca 10:18-20 khi các môn đệ trở về nói cho Người hay ngay ma quỷ cũng từng phục họ: (1) Satan rơi như chớp; (2) có thẩm quyền dẫm lên rết và bọ cạp; (3) tên tuổi được viết trên thiên đàng. Không còn hoài nghi chi nữa các Tin Mừng trình bày Chúa Giêsu như người sau cùng đánh nhau với quyền lực của Satan. Giáo Hội sơ khai thừa nhận rằng “chúng ta chiến đấu không phải với phàm nhân, nhưng là với những quyền lực thần thiêng, với những bậc thống trị thế giới tối tăm này, với những thần linh quái ác chôn trời cao” (Ep 6:12; so sánh với Rm 8:38; 1Cr 15:24-26).

Luca thấy ảnh hưởng của Satan chủ yếu trong các cơn cám dỗ và một lần nữa tại thập giá khi “Satan nhập vào Giuđa” (22:3, đã dự ứng ở 4:13). Nhưng xem ra không còn hoài nghi gì nữa là chính Chúa Giêsu thấy nhiều biểu hiện sự ác được giảng ra chống lại Người, nhất là vô số những lần quỷ ám và sự thù nghịch của giới lãnh đạo Do Thái, vốn tượng trưng cho một sức mạnh xấu xa được Người gọi là “Satan”. Khi bị tố cáo là xua đuổi ma quỷ bằng thủ lãnh các ma quỷ, Người hỏi, “Làm thế nào Satan lại có thể xua đuổi Satan cho được?” (Mc 3:23). Để Chúa Giêsu thành công, trước nhất Người phải trói người mạnh lại (3:27). Những kẻ tố cáo Người bị quỷ ám đã phạm thượng chống lại Chúa Thánh Thần và không bao giờ được tha thứ (3:28-



30).

Bất chấp người ta tưởng tượng ma quỷ như một hữu thể thiên thần có ngôi vị hay không, cuộc đấu tranh chống quyền lực sự ác vẫn có thực chất và man mác cũng như có hệ thống hơn quyền lực của bất cứ cá nhân đơn nhất nào. Thế nhưng, việc này không miễn trừ ai khỏi trách nhiệm bản thân. Trong Mácô, Chúa Giêsu được trình bày như một Đấng uy quyền trong lời nói và việc làm. Người có quyền lực cưỡng bức trên ma quỷ, trên bệnh tật, trên thiên nhiên, nhưng không trên cõi lòng con người. Cản trở vĩ đại đối với sứ mệnh của Người là “sự cứng lòng” của các nhà lãnh đạo (3:5-6), của chính dân làng Nadarét của Người (6:1-6), và ngay cả, có lẽ đặc biệt trong Mácô, các môn đệ của Người (6:52; 8:14-21). Cả Chúa Giêsu lẫn ma quỷ cũng không thể cưỡng bức được con người phải đáp ứng nếu họ bác bỏ.

**Câu hỏi 41:** *Tại sao Chúa Giêsu chịu đựng mọi đối xử tệ bạc Người nhận được từ rất nhiều người trong suốt cuộc đời Người? Dù sao, Người cũng là Con Thiên Chúa!*

Viên bách quản dưới chân thập giá, thấy cách Người qua đời, kêu lên: “Quả thực, người này là Con Thiên Chúa!” (Mc 15:39). Đối với Mácô, điều có nghĩa khi gọi Chúa Giêsu là “Kitô” hay “Con Thiên Chúa” hay “Con Người” chỉ có thể hiểu được khi chúng ta đứng dưới chân thập giá và tự cảm nghiệm cách Người qua đời. Câu trả lời cho câu Người hỏi “Các con nói Thầy là ai?” (8:29) không phải là câu Phêrô tuyên xưng đức tin nhưng là việc ngài chấp nhận thập giá như một điều đích thân cảm nghiệm. Chúa Giêsu đến như “người này”, như Con Người “đến để phục vụ chứ không phải để được phục vụ” (10:45), người tôi tớ “Cây lau bị giập, Người không đành bẻ gãy, tim đèn leo lét, chẳng nở tắt đi, cho đến khi Người đưa công lý đến toàn thặng” (Mt 12:20, trích dẫn bài ca người tôi tớ của Is 42:1-4).

Chính cuộc đời và cái chết của Chúa Giêsu là sự mặc khải của Thiên Chúa, một Thiên Chúa không can thiệp để cưỡng bức người ta phải thực hiện thánh ý Thiên Chúa nhưng đúng hơn mời gọi họ trở thành con cái tự do của Thiên Chúa, tự do như Chúa Giêsu tự do. Chúa Giêsu tự do đối chất với quyền lực ma quỷ và sự giả hình bao quanh Người. Người tự do kêu gọi người khác theo Người trên đường Người đi và chung chia cảnh vô gia cư và bất an toàn của Người. Người tự do tín thác hoàn toàn và toàn diện vào lòng nhân hậu của Cha Người ngay cả lúc mọi sự dường như đi ngược lại niềm tín thác này. Người tự do yêu thương và ôm ấp những người bị hất hủi khinh chê, trong đó, có phụ nữ và trẻ em, và gọi đó là thánh ý Thiên Chúa, công lý Thiên Chúa. Người tự do chịu đựng mọi đối xử tệ bạc nhận được chính vì Người là Con Thiên Chúa, và giống như Cha Người, cách thế của Người là cách thế cảm thương, tha thứ, và yêu thương mọi người. Bất cứ cách thế nào khác cũng sẽ bẻ gãy cây lau, giập tắt tim đèn leo lét. Nó sẽ không mang lại tự do mà vì thế Đức Kitô đã giải thoát chúng ta (Gl 5:1).



**Câu hỏi 42:** *Có quá nhiều đau khổ trong thế giới, cả lúc ấy và bây giờ. Chúa Giêsu thực sự có quyền năng chữa lành hay không?*

Tâm trí tôi không bao giờ nghi ngờ rằng Chúa Giêsu đã chữa lành người bị quỷ ám hay đau khổ vì tật bệnh.

Điều quan trọng cần lưu ý là: thừa tác vụ chữa lành của Người nhằm phục hồi người ta không những chỉ về phương diện thể lý mà cả phương diện tinh thần và thiêng liêng nữa nghĩa là chữa lành toàn diện con người và tái tích hợp họ vào xã hội. Các phép lạ của Chúa Giêsu cũng nhằm mục đích công bố việc đến của vương quốc: “Nếu nhờ Thần khí Thiên Chúa mà tôi trừ quỷ, thì nước Thiên Chúa đã đến trên các ông” (Mt 12:28).

Các sách Tin Mừng, nhất là Máccô, mô tả Chúa Giêsu như Đáng hết sức quan tâm tới nỗi đau khổ của người bệnh và đích thân chịu ảnh hưởng bởi diễn trình chữa lành. Không những Người vươn ra để lên sinh lực cho người bệnh bằng cái đụng tay chữa lành của Người mà chính Người cũng được lên sinh lực để chữa lành bởi đức tin của họ. Thực thể, Máttêu minh nhiên nối kết sức mạnh đức tin với sức mạnh chữa lành trong thừa tác vụ của Chúa Giêsu (Mt 13:58; so sánh với Mc 6:5-6). Đối với tôi, một trong các trình thuật cảm động nhất là câu chuyện người đàn bà chịu chứng xuất huyết suốt 12 năm trường (Mc 5:25-34). Trong một điều kiện như thế, đáng lẽ bà không nên xuất hiện nơi công cộng, chứ đừng nói gì đến việc đến với một người đàn ông trong đám đông và rờ vào ông ta! Người ta chỉ có thể tưởng tượng lòng can đảm đã giúp bà thắng vượt sự sợ hãi và cấm kỵ. Nhưng Chúa Giêsu làm nổi bật trọng điểm. Người biết có một năng lực tự nơi mình phát ra, nên hỏi: “Ai đã sờ vào áo tôi?” Khi người đàn bà sợ sệt và run rẩy bước tới, và thú thực với Người, Người nói với bà: “Này con, lòng tin của con đã cứu chữa con...”. Người gán việc chữa lành không phải cho Thiên Chúa cũng không phải cho chính Người, mà là sức mạnh đức tin của bà, nghĩa là, khả năng vượt quá sự sợ hãi của bà đối với các cơ cấu áp bức và vươn tay ra trong lúc cần kíp, tin tưởng một người khác sẽ giúp bà. Việc bà được chữa lành cũng đã phục hồi bà vào cộng đồng trong tư cách con gái của Ápraham (so sánh Lc 13:16)

Cũng một trọng điểm trên đã được nhấn mạnh trong câu chuyện con gái ông Giaia, một câu chuyện vốn quỵen lẫn với câu chuyện này (Mc 5:21-24. 35-43). Cả tuổi (12) cũng như cái chết của em có thể ghi dấu em như dơ bẩn. Thế nhưng, Chúa Giêsu nói với ông Giaia đừng sợ, chỉ nên có đức tin mà thôi. Khi cầm lấy tay em và nâng em dậy, Người nói với người ta cho em thứ gì đó để em ăn, một chi tiết khá lạ nếu không phải là sự kiện nay em cũng đã được phục hồi vào cộng đoàn được biểu tượng bằng việc chung chia bữa ăn. Hai phụ nữ, bị coi như dơ bẩn, cảm nghiệm được việc lên sức mạnh nhờ đức tin, nhờ đụng tới Chúa Giêsu hoặc được Người đụng tới đúng vào lúc đã nên toàn vẹn một cách tượng trưng (con số 12), được phục hồi để tham dự trọn vẹn vào cộng đoàn: đó là loại toàn vẹn được thừa tác vụ chữa lành của Chúa Giêsu nhắm tạo ra.

**Câu hỏi 43:** *Chúa Giêsu có bao nhiêu quyền lực? Người có thể làm bất cứ điều gì hay không?*

Chắc chắn Chúa Giêsu là một nhà trừ quỷ từng xua đuổi ma quỷ khỏi những người bị chúng ám, và Người là người chữa lành luôn tìm cách làm cho người ta toàn vẹn trên bình diện thể lý, tinh thần và thiêng liêng. Như đã gợi ý, Người có quyền lực chữa lành những người liên hệ nhờ đức tin, bất kể là của người bệnh, hay của người bạn hay thân nhân khẩn cầu cho người bệnh. Nhưng Người cũng được ban quyền lực bởi Chúa Thánh Thần, Đáng đã xúc dầu cho Người lúc Người chịu phép rửa để “...Người mù xem thấy, kẻ què được đi, người phong được sạch, kẻ điếc được nghe, người chết sống lại, kẻ nghèo được nghe Tin Mừng” (Mt 11:5, tham chiếu Is 29:18-19; 35:5-6; 61:1; xem Lc 4:18-19). Câu này để trả lời câu hỏi của Gioan Tẩy giả: “Thầy có thật là Đáng phải đến không, hay là chúng tôi còn phải đợi ai khác?” (Mt 11:3).

Thừa tác vụ chữa lành của Chúa Giêsu chủ yếu nhằm trở thành một biểu tượng của việc xuất hiện Nước Thiên Chúa (Mt 12:28) và nên được hiểu trong bối cảnh này. Như thế, quyền lực của Người phát xuất từ Đáng đã xúc dầu cho Người (Chúa Thánh Thần) và từ Đáng đã sai Người thi hành sứ mệnh (Chúa Cha). Đó không phải là quyền lực muốn làm gì thì làm. Đó là một quyền lực ban cho để phục hồi và đổi mới Israel. Thừa tác vụ chữa lành của Chúa Giêsu, một cách rõ nét, đã hiện thân và khiến ta nhớ đến Israel quá khứ: khốn khổ và bị áp bức dưới ách Ai Cập, mù và điếc, què cụt và thậm chí chết chóc. Thừa tác vụ chữa lành của Người cử hành Israel hiện tại: Israel mà Thiên Chúa của họ là Thiên Chúa của Ápraham, của Isaác và Giacóp, nghĩa là Thiên Chúa “không phải của người chết mà là Thiên Chúa của người sống” (Mc 12:27tt).

Thừa tác vụ chữa lành của Người gọi hy vọng cho Israel tương lai: một Israel mà ký ức của họ có tính sáng tạo đầy tưởng tượng về một thế giới trong đó không còn người nghèo, người bị khinh miệt và người bị hắt hủi giữa họ nữa. Quyền lực của Người nhằm lên quyền lực cho nhiều người khác để cả họ nữa cũng lên đường như nhóm mười hai vốn tượng trưng cho một Israel canh tân, “đề công bố sứ điệp và có thẩm quyền xua trừ ma quỷ” (Mc 3:14c-15 tt; xem Mc 6:7-13 tt). Như thế, quyền lực của Người không phải của riêng Người nhưng cho mọi người nó đã được ban cho.

Từ viễn ảnh trên, chúng ta nên chôn cất một lần vĩnh viễn bất cứ ý niệm coi Chúa Giêsu như một loại siêu anh hùng có thể làm bất cứ điều gì Người muốn và là người đẹp trai, thông minh, lực lưỡng nhất v.v... trong số những người từng sống xưa nay. Người cũng là một người như chúng ta. Người từng sống một cuộc sống bình thường không có những biến cố xem ra phi thường cho tới năm 30 tuổi lúc Người được trao quyền lực thi hành sứ mệnh bởi Thánh Thần Thiên Chúa. Một lần nữa, bất cứ chúng ta nói điều gì về thiên tính của Người, thì điều này không nên bác bỏ hay làm ngơ thực tại trọn vẹn của nhân tính Người. Luca cho ta một bản tóm lược nói rất nhiều về thừa tác vụ của Chúa Giêsu: “...Đức Giêsu xuất thân từ Nadarét, Thiên Chúa đã dùng Thánh Thần và quyền năng mà xức dầu tấn phong Người. Đi tới đâu là Người thì ân giáng phúc tới đó, và chữa lành mọi kẻ bị ma quỷ kiềm chế, bởi vì Thiên Chúa ở với Người” (Cv 10:38).

**Câu hỏi 44:** *Nhưng về quyền lực của Chúa Giêsu trên thiên nhiên thì sao? Người có thực sự bước đi trên nước và nuôi ăn 5 ngàn người cùng một lúc không?*

Điều gọi là “các phép lạ trên thiên nhiên” trình bày một loại vấn đề khác nhau. Dù người ta có thể hiểu khả thể chữa lành các loại bệnh tật đa dạng, ngay cả bị quỷ ám, trong các diễn trình bệnh tật và sức khỏe thông thường, nhưng quả là khó khăn hơn nhiều để hiểu được các lần can thiệp dường như đảo ngược các diễn trình thông thường của thiên nhiên. Người ta rất có thể hỏi: “Đâu là trọng điểm của những can thiệp như thế?” Mỗi nguy với các phép lạ trên thiên nhiên là nó quấy rầy thêm khát của chúng ta muốn có những điều phi thường, lạ lùng vì chính chúng. Những câu truyện như thế có thể mang loại bầu khí trò xiếc.

Trong các Tin Mừng, có ba việc làm người chết sống lại (thiếu nữ ở Mc 5:35-43; con trai của một góa phụ ở Lc 7:11-17; và Ladarô ở Ga 11:1-44) và bảy phép lạ trên thiên nhiên (làm im sóng bão ở Mc 4:35-41; đi trên nước ở Mc 6:45-52; nuôi ăn nơi hoang địa ở Mc 6:34-44 và ở Mc 8:1-9tt; nguyên rửa cây vả ở Mc 11:12-14.20 tt; đồng tiền ở miệng cá ở Mt 17:24-27; mẻ cá lớn của Phêrô ở Lc 5:1-11, xem Ga 21:3-13; và biến nước thành rượu ở Ga 2:1-11). Dù mỗi phép lạ phải được phân tích riêng rẽ, người ta có thể nói một cách chung rằng tất cả các câu truyện này có liên hệ tới đức tin Kitô giáo vào Chúa Giêsu phục sinh hơn là tới các biến cố lịch sử thực sự có thể xảy ra hay không. Như đã nhắc ở trên (Câu hỏi 4) sự kiện thực nghiệm hơi lạ của việc Chúa Giêsu làm trái ngược luật thiên nhiên bằng cách làm im bão tố hay đi trên nước không thực sự là trọng điểm của vấn đề. Đúng hơn, vấn đề là liệu ngày nay, chúng ta có cảm nghiệm Người như Chúa sống lại đang giúp chúng ta đối đầu và vượt thắng các nỗi sợ hãi và xao xuyến trong tâm hồn chúng ta hay không.

Đơn cử thí dụ nuôi ăn 5 ngàn người ở nơi hoang địa, hiển nhiên có tính biểu tượng trong việc nuôi ăn 5 ngàn người và rồi sau đó 4 ngàn người, có ý nói đến việc Chúa Giêsu vươn tay ra với các thế giới Do Thái và Ngoại giáo. Mỗi Tin Mừng (cả Ga 6:1-14) ghi lại việc nuôi ăn 5 ngàn người, chỉ có Máccô và Mátthêu nhắc lại câu truyện 4 ngàn người. Hiển nhiên, câu truyện có tầm quan trọng về thần học. Một chi tiết thường bị làm ngơ (và không có trong trình thuật Gioan) nhưng là chìa khóa để hiểu câu truyện. Câu trả lời đầu tiên của Chúa Giêsu cho các môn đệ là: “các con cho họ thức gì đó để họ ăn”. Và khi Người nhân thừa 5 ổ bánh và 2 con cá, tiếp theo các phản bác của họ, trước hết, Người trao chúng cho các môn đệ để họ phân phối thực phẩm cho dân. Bất kể Chúa Giêsu có thực sự thực hiện các việc phi thường đó hay không, há phép lạ đã không xảy ra mỗi lần chúng ta chia sẻ thực phẩm với người đói ăn hay sao? Mỗi khi chúng ta cầm lấy bánh và cá hay bất cứ thứ gì chúng ta có, làm phép, bẻ ra và phân phối cho mọi người hiện diện, há phép lạ không diễn ra đó sao? Há đó không là ý nghĩa nền tảng nhất của hiệp thông hay sao?

**Câu hỏi 45:** *Việc gì đã diễn ra tại Bữa Ăn tối sau cùng? Chúa Giêsu có thực sự biến bánh và rượu thành mình và máu Người không? Há đó không phải là một phép lạ trên thiên nhiên hay sao?*

Đây là một điển hình nữa trong đó, điều quan trọng là phân biệt câu hỏi về lịch sử với câu hỏi về thần học. Dường như về phương diện lịch sử, rất có thể Chúa Giêsu chia sẻ bữa ăn sau cùng với các môn đệ của Người khi Người đối diện với khả thể có thực là cái chết đầy bạo lực của Người. Nhưng từ quan điểm của phương pháp lịch sử, ta không thể biết điều gì thực sự đã diễn ra vì mọi trình thuật mà chúng ta hiện có (*ICr* 11:23-26; *Mc* 14:22-25tt; *Ga* 13:1ff; 6:35-50 và 51-58) chủ yếu quan tâm đến việc thông truyền ý nghĩa cái chết của Người trên thập giá. Thánh Phaolô coi việc ăn và uống như việc công bố cái chết của Chúa cho tới khi Người lại đến. Cũng như các Tin Mừng nhất lãm, rõ ràng ngài nhắc lại thực hành thánh thể của các cộng đồng Kitô giáo. Thánh Phaolô và các Tin Mừng nhất lãm, hơi khác nhau một chút, coi mình và máu như đại diện cho lễ tế hy sinh của Chúa Giêsu trên thập giá vì người khác, nghĩa là vì sự cứu rỗi của chúng ta.

Mặt khác, Gioan không có lời nào về việc thiết lập (Phép Thánh Thể) tương ứng với 4 tác giả kia. Tuy nhiên, việc Chúa Giêsu nhấn mạnh tới sự kiện rửa chân cho Phêrô nhằm làm nổi bật tầm quan trọng và sự cần thiết của thập giá nếu Phêrô muốn dự phần với Người trong tương lai. Những diễn ngôn tiếp theo trong Gioan (các chương 13-17) thầy đều tập chú vào việc Chúa Giêsu về cùng Chúa Cha nghĩa là sự cần thiết của cái chết của Người. Diễn ngôn về bánh ban sự sống trước đó (6:35-50) kết luận với lời khuyên (các câu 51-58) ăn thịt và uống máu Người để sống muôn đời. Rõ ràng, tất cả các trình thuật này phản ánh đức tin của Giáo Hội sơ khai vào Chúa chịu đóng đinh và sống lại như được cảm nghiệm trong thực hành Thánh Thể của họ.

Khi công bố cùng những lời thiết lập này trong thánh lễ, chúng ta cử hành một cách bí tích quyền lực và sự hiện diện của Chúa sống lại. Bánh và rượu có thay đổi chăng? Giáo Hội luôn luôn chủ trương rằng, trên bình diện của điều chúng ta thường coi bánh và rượu là, nó vẫn vậy, nghĩa là bề ngoài thể lý, màu sắc, hình dáng, mùi vị v.v... Màu nhiệm là nó không còn chỉ là bánh và rượu nữa vì nó đã biến đổi thành sự hiện diện đích thực của Chúa phục sinh. Tuy nhiên, người ta muốn giải thích nó trên bình diện triết học, thì bánh và rượu nay đã hiện thân một cách bí tích thực tại sự hiện diện của Chúa Giêsu một cách độc đáo và nó không cho phép chúng ta coi bánh và rượu này chỉ như bánh và rượu nữa. Đây là một phép lạ nhưng nó không ngược với các định luật của thiên nhiên. Đúng hơn, Phép Thánh Thể cử hành và hiện thân một cách sâu xa hơn sự hiện diện của Chúa Phục sinh, Đấng đã hiện diện trong cộng đoàn cử hành vì lý do đức tin và phép rửa.

**Câu hỏi 46:** *Các sách Tin Mừng dường như mô tả Chúa Giêsu đôi lúc giận dữ và thất vọng, thí dụ, tại sao Người lại nhục mạ người đàn bà ngoại quốc, gọi bà là chó và từ chối chữa cho con gái bà, hay tại sao Người lại nguyện rửa cây vả?*

Nếu Chúa Giêsu hoàn toàn là con người, thì dĩ nhiên Người cảm nghiệm đầy đủ hàng loạt các cảm xúc của con người, không phải chỉ có giận dữ và thất vọng, nhưng còn sợ hãi, xao xuyến, hy vọng, yêu thương, trung thành. Giống như cảm thấy có tội [guilt], giận dữ là một cảm xúc tốt và lành mạnh nếu có lý do được biện minh cho nó. Máccô trình bày thực tại và chiều sâu trong các cảm xúc của Chúa Giêsu một cách thẳng thắn hơn các Tin Mừng khác và nhờ thế đem lại cho chúng ta một hình ảnh con người hơn về Người. Điển hình giận dữ tốt là phản ứng của Người trước sự giả hình thịnh lặng và cứng lòng của những kẻ tố cáo Người: “Người giận dữ rảo mắt nhìn họ” (*Mc* 3:5; Mátthêu và Luca trong những câu song hành đã bỏ bất cứ lời nào nói tới sự giận dữ của Người). Sự thất vọng của Người xem ra rõ ràng khi Người hỏi các môn đệ tri độn của Người: “Sao anh em lại bàn tán về chuyện anh em không có bánh? Anh em chưa hiểu chưa thấu sao? Lòng anh em ngu muội thế!” (*Mc* 8:17; song hành trong Mátthêu nhưng không có trong Luca).

Hai điển hình được nhắc tới trong câu hỏi một lần nữa lại minh họa cho sự khác nhau giữa một phép lạ chữa lành và một phép lạ trên thiên nhiên. Câu truyện của người đàn bà gốc Phênixi thuộc xứ Syria (*Mc* 7:24-30)



người mà trong Mátthêu là người Canaan, trong cả hai trường hợp đều là người ngoại quốc ngoài Israel, đáng chú ý ở lòng kiên trì của người đàn bà này, người không coi chữ “không” là câu trả lời, cả từ Chúa Giêsu! Trọn con người bà tập trung vào một điều bà vốn quan tâm, sức khỏe của con gái bà, và bà bằng lòng chịu mọi sỉ nhục và hạ giá miễn là đứa con gái của bà được phục hồi cho bà. Chúa Giêsu quả sỉ nhục bà: “Phải để cho con cái ăn no trước đã, vì không được lấy bánh dành cho con cái mà ném cho chó con”. Nhưng bà đã có câu trả lời sẵn sàng: “Thưa Ngài, đúng thế, nhưng chó con ở dưới gầm bàn lại được ăn những mảnh vụn của đám trẻ con”. Quả là một câu chuyện đáng lưu ý về đức tin, như Mátthêu lưu ý: “Này bà, đức tin của bà thật lớn lao!” Chúa Giêsu không những được trao quyền chữa lành vì đức tin của bà; Người cũng học được từ bà rằng quyền lực này cũng nhắm những con chiên lạc ở bên ngoài nhà Israel (Mt 15:24).

Việc nguyện rửa cây vả (Mc 11:12-14.20 = Mt 21:18-19; xem Lc 13:6-9) là dịp để khuyên nhủ người ta tin vào Thiên Chúa, có lẽ tương phản với Israel (được tượng trưng bởi cây vả) vốn không biết thời gian được viếng thăm và do đó, không sinh hoa trái. Nói cách khác, nó là một câu chuyện khác nữa từ viễn ảnh đức tin phục sinh của cộng đồng tiên khởi, dùng thiên nhiên để minh họa sự tương phản giữa việc bác bỏ Chúa Giêsu trong thừa tác vụ lịch sử của Người và việc chấp nhận Người sau khi Người qua đời của những người tin vào Người. Đức tin này ban cho các Kitô hữu quyền lực đi chuyển núi non. Không gì còn có thể bất khả đối với một Kitô hữu có đức tin và cầu nguyện (Mc 11:21-24tt).

**Câu hỏi 47:** *Chúa Giêsu có luôn luôn tha thứ và yêu thương, bất bạo động và hòa bình không?*

Như đã gợi ý, Chúa Giêsu là người có các cảm xúc mạnh mẽ. Về câu hỏi, tôi xin gợi ý 3 nhân đức (tuy không loại bỏ các nhân đức khác) vốn có âm sắc xúc cảm mạnh mẽ. Người là người quả quyết, biết cảm thương và trung thành. Mátthêu 23:23, trong một đoạn văn đặc trưng cho thấy nền thần học của ngài, nói tới “những điều quan trọng nhất trong Lê Luật”: công lý (*krisis*), lòng thương xót (*eleos*) và đức tin (*pistis*). Tôi dịch các chữ này là quả quyết, cảm thương và trung thành.

Trước nhất, Chúa Giêsu là con người quả quyết. Người được trao cho một sứ mệnh và theo cách các tiên tri trước Người, sứ mệnh này bao gồm việc đối đầu với bất công và giả hình thời Người. Người không sợ phải gọi con pích là con pích và lên án sự quanh co và tự biện minh của những “người công chính”. Người đến để kêu gọi kẻ có tội (Mc 2:17tt) nghĩa là những người biết nhìn nhận và chấp nhận nhu cầu cần được Thiên Chúa yêu thương và tha thứ từ nhân. Hơn nữa, Người không sợ bước vào Đền Thờ và thanh tẩy nó khỏi các kẻ mua bán để nó thực sự là “nhà cầu nguyện dành cho mọi dân tộc” (Mc 11:17). Tóm lại, chính nghĩa bất bạo động và hòa bình của Người chỉ có thể có nghĩa nếu Người cổ vũ công lý, chứ không phải là người bàng quan vô cảm và hiền lành.

Thứ hai, Người là con người biết cảm thương. Đó là từ ngữ năng động dùng nói về Chúa Giêsu trong thừa tác vụ chữa lành của Người, và nó được chính Chúa Giêsu sử dụng trong hai dụ ngôn hay nhất của Người, dụ ngôn người Samaritanô (Lc 10:33) và dụ ngôn người cha thấy đứa con trai thứ trở về (Lc 15:20). Nó không chỉ có nghĩa là lòng thương hại [*pity*] (như nhiều người phiên dịch) mà đúng hơn là việc đồng nhất với nỗi đau khổ của một con người khác đến nỗi đau khổ này trở thành đau khổ của chính mình và thúc đẩy ta làm bất cứ điều gì để làm vơi sự đau khổ này. Cảm thương thúc đẩy ta hành động. Chúa Giêsu tìm cách biến đổi sâu xa xã hội của Người nhằm kết liễu mãi mãi sự thống khổ của người nghèo, người bệnh, người bị quý ám và người bị loại trừ.

Cuối cùng, Người là con người trung thành. Điều không may là chữ Hylạp, chỉ được dùng trong Mátthêu (*πραῦς* = *praios*) thường được dịch là “hiền lành” [*meek*], đem lại cho chúng ta hình ảnh Chúa Giêsu như người nhu mì và thụ động trước tranh chấp. Không điều gì xa sự thật hơn thế! Vì theo Mátthêu, Chúa Giêsu không những giảng dạy lời hay thánh ý Thiên Chúa; Người còn hiện thân nó một cách vâng lời trung thành. Người sống thánh ý của Cha Người cho đến chết. Như thế, mỗi phúc thật nên được dịch là: “phúc cho người trung thành thực hiện thánh ý Thiên Chúa” (Mt 5:4) vì cùng chữ *praios* này đã được áp dụng vào Chúa Giêsu

như Sự Khôn Ngoan của Thiên Chúa mà chúng ta nên học hỏi (11:29: “...vì tôi vâng lời và khiêm nhường trong lòng”) và như vị vua vâng lời vào thành Giêrusalem để chịu chết (21: 5). Trong nhân đức này, cũng như trong các nhân đức khác, Chúa Giêsu nên được nhìn như một con người can đảm trong các xác tín của Người và mạnh mẽ trong tình yêu.

**Câu hỏi 48:** *Đôi khi Chúa Giêsu xem ra quá nghiêm túc. Có bao giờ Người nhẹ bớt và tỏ ra có óc khôi hài không?*

Các nguồn của chúng ta quá tập chú vào thập giá đến nỗi đôi khi xem ra như thể Chúa Giêsu chỉ biết sống một cuộc sống khổ sở. Niềm vui chỉ đến sau khi Người phục sinh. Dĩ nhiên, điều này là một tri nhận sai lầm. Chúa Giêsu là một con người có niềm vui dù hiểu sâu xa các điểm yếu của cuộc sống con người và lòng nhân hậu của Thiên Chúa đầy yêu thương.

Các câu nói và dụ ngôn của Người biểu lộ một óc tưởng tượng đầy thi ca sáng tạo. Người có con mắt biên các chi tiết xem ra vô nghĩa của cuộc sống thường nhật trở thành phi thường. Người có sự hiểu biết đầy yêu thương và thiện cảm tình thế khó khăn của con người. Người thích nghịch lý và điều bí ẩn, thí dụ “Người trước nhất sẽ là người sau hết và người sau hết sẽ là người trước nhất”. Các dụ ngôn của Người, thường rất hài hước, nhằm gây khó chịu cho thế giới của những người dễ chịu và có trật tự vốn có nhiệm vụ giải thích “đúng đắn” lẽ luật. Nói rằng nước Thiên Chúa giống như người đàn bà lấy men và ủ vào 3 đấu bột cho đến khi 3 đấu bột lên men nghĩa là gì (Mt 13:33 tt)? Người đàn bà, người không phải là một nhân vật công cộng và chẳng có chi ăn có với vấn đề nghiêm túc nước trời, hay chất men vốn là biểu tượng của thói nát, hay ủ, có gì ăn có với nước Thiên Chúa? Hay ngay cả khối lượng bánh khổng lồ do đó mà có?

Chúa Giêsu không chỉ công bố nước trời trong giáo huấn của Người; Người cử hành nó với việc cùng bàn ăn đầy vui tươi và đôi lúc xem ra rất ồn ào đến nỗi đã bị tố cáo là “tay ăn nhậu, bạn bè với quân thu thuế và phường tội lỗi” (Mt 11:19). Người từng bị thách thức vì không ăn chay và chỉ biết trả lời; “Chẳng lẽ khách dự tiệc cưới lại có thể ăn chay, khi chàng rể còn ở với họ” (Mc 2:18-22). Người thích các tiệc cưới và yến tiệc lớn và coi chúng như hình ảnh nước Thiên Chúa. Điều đặc biệt làm các địch thủ của Người khó chịu là Người đã cử hành các bữa tiệc này với “những tên thu thuế và kẻ tội lỗi” (Mc 2:15-17; Lc 15:1-2) nghĩa là với những người bị coi như nằm ngoài lẽ luật và và do đó vô lại. Chúa Giêsu không những nói với những người như thế rằng cả họ nữa cũng thuộc về nước Thiên Chúa; mà khi bẻ bánh và uống rượu chung với họ, Người thực sự bao gồm họ trong phước lành của nước Thiên Chúa như được cảm nghiệm ngay ở đây và vào lúc này. Mọi người đều được mời. Những người từ khước tới vì lý do trong sạch và thánh thiện tự loại bỏ chính họ. Ốc khôi hài của Chúa Giêsu không chỗ nào hiển nhiên một cách xúc động bằng trong câu truyện Giakêu, người thu thuế giàu có và bị khinh bỉ này quá lùn, không thể thấy Chúa Giêsu trong đám đông nên đã chạy lên trước và leo lên một cây sung. “Này ông Giakêu, mau mau xuống đây đi; vì hôm nay tôi phải ở lại nhà ông.” Và họ cầu nhau vì Người sắp sửa là khách trong căn nhà của kẻ tội lỗi (Lc 19:1-10).



**Câu hỏi 49:** *Cha có thể nói một điều về sự tha thứ được không? Tại sao Chúa Giêsu kêu gọi “những kẻ tội lỗi” chứ không phải “những người chính trực”?*

Tha thứ đòi hỏi việc người ta thừa nhận họ cần nó và sẵn lòng chấp nhận việc họ lệ thuộc một người khác để việc tha thứ diễn ra. Chúng ta thấy khó cả để tha thứ lẫn để được tha thứ vì chính hành vi này phá vỡ hình ảnh độc lập và tự lập của ta. Khi Chúa Giêsu nói rằng Người đến kêu gọi không phải những người chính trực mà là các kẻ tội lỗi, tôi hiểu chữ “chính trực” này là những kẻ tự coi mình là chính trực nghĩa là những người coi mình được công chính hóa nhờ các hành động riêng của họ. Trong dụ ngôn người biệt phái và người thu thuế cầu nguyện trong đền thờ (Lc 18:10-13), Luca hiểu nó cách này (các câu 9.14). Thế nhưng đây không phải chỉ là vấn đề ai trong số này được công chính hóa. Theo một nghĩa nào đó, cả hai người họ đều được công chính hóa: Người biệt phái được công chính hóa nhờ tuân giữ lề luật, người thu thuế được công chính hóa nhờ khiêm nhường nài nỉ ơn tha thứ. Điều không được công chính hóa là thái độ của người biệt phái đối với người thu thuế. Ông khinh bỉ người thu thuế và những người tội lỗi khác và coi họ vốn bị Thiên Chúa loại trừ khỏi lòng thương xót. Chính sự cứng lòng muốn loại những người khác khỏi lòng thương xót và ơn tha thứ của Thiên Chúa đã bị Chúa Giêsu thách thức bằng việc vuron tới và bao gồm “các người thu thuế và tội lỗi” vào vương quốc. Thái độ của người thu thuế trong dụ ngôn nói lên việc thừa nhận phải có đối với việc mình cần và chấp nhận sự lệ thuộc của mình để được vào vương quốc Thiên Chúa. Không như người biệt phái, người thu thuế không làm các so sánh đầy ác cảm. Chúa Giêsu đưa ra một thách thức khi nói rằng: “Tôi bảo thật các ông: những người thu thuế và những cô gái điếm vào Nước Thiên Chúa trước các ông” (Mt 21:31).

Ơn tha thứ của Thiên Chúa không thể diễn ra nghĩa là hữu hiệu, trừ khi và tới mức chúng ta thực sự tha thứ cho nhau (Mt 6:14-15). Tôi hiểu lời cầu xin tha thứ trong Kinh Lạy Cha, như được Máttêu ghi lại (Mt 6:12), có nghĩa là ơn tha thứ của Thiên Chúa vốn luôn luôn ở thể hành động. Là tình yêu, Thiên Chúa luôn luôn cung cấp ơn tha thứ của Người. Nhưng ơn tha thứ của Người không thể thực sự hữu hiệu trong đời sống con người nếu các hữu thể nhân bản làm trái tim họ cứng cõi đối với người khác và khước từ tha thứ cho họ. Ơn tha thứ của Thiên Chúa, trong tư cách tình yêu của Người, lên sức mạnh để chúng ta tha thứ và yêu thương lẫn nhau, nhưng chỉ trong chính giây phút thực sự tha thứ và yêu thương người khác chúng ta mới cảm nghiệm được ơn tha thứ và tình yêu của Thiên Chúa giữa cuộc đời của chúng ta mà thôi. Đàng sau lời cầu xin cho có bánh ăn, vốn song hành với lời cầu xin ơn tha thứ trong kinh Lạy Cha, chắc chắn là thực hành của Chúa Giêsu muốn ngồi chung bàn với các viên thu thuế và người tội lỗi. Bẻ bánh và chung chén với Chúa Giêsu tại bàn ăn là cảm nghiệm tha thứ và chúc phúc của Thiên Chúa, một cảm nghiệm giải phóng thực sự của nước Thiên Chúa vốn đang “ở giữa các ông” (Lc 17:21).

**Câu hỏi 50:** *Nếu Chúa Giêsu bao gồm và mời gọi mọi người vào nước Thiên Chúa như thế, thì tại sao Người lại loại phụ nữ khỏi chức linh mục?*

Chúng ta từng đã gợi ý (Câu hỏi 29) rằng chức linh mục, như chúng ta biết nó, đã được khai triển sau đời sống và sự chết của Chúa Giêsu. Do đó, quả là vô ích khi gán các thái độ và ý định cho Người liên quan tới vấn đề chuyên biệt về nữ linh mục hiện đang làm chúng ta ngày nay bận tâm. Tuy nhiên, cũng đáng nói ít điều về thái độ và cách xử sự của Người đối với phụ nữ trong thừa tác vụ lịch sử của Người vì kiến thức này có thể dùng để thách thức và chỉnh sửa các thái độ vốn đầy thiên kiến đối với và hạ giá phụ nữ.

Trong thời Chúa Giêsu, phụ nữ, cùng với trẻ em, nô lệ, và thú vật, phải tùy thuộc thẩm quyền tổ phụ của người nam chủ gia đình. Họ không có quyền lợi độc lập đối với người chồng. Họ không thể ly dị. Vị trí của họ là ở trong nhà và, ở nơi công cộng, họ phải im lặng, nhất là với ngoại nhân, và thực hành công việc của họ không được ai lưu ý. Họ không được giáo dục về luật lệ và chắc chắn không tham dự những cuộc thảo luận hoàn toàn của nam giới giữa thầy và học trò.

Chúa Giêsu chứng tỏ một sự tự do đáng kể trong việc phá bỏ các cấm kỵ này. Người đàm đạo với các phụ

nữ ở nơi công cộng (như *Ga 4:5-42*; lưu ý phản ứng ngạc nhiên của các tông đồ trước việc Người nói chuyện với một người đàn bà). Người chữa lành họ, đụng đến họ và để họ đụng đến Người nơi công cộng (xem câu hỏi 42). Đáng lưu ý một cách đặc biệt là câu truyện “người đàn bà tội lỗi” (*Lc 7:36-50*). Phản ứng sùng sốt của Simong biệt phái trước sự hiện diện và hành động của người đàn bà nói thay cho nhiều người: “... người đàn bà đang đụng vào mình là ai, là thứ người nào...” Đối với Chúa Giêsu, đây là lúc chữa lành, một việc trở thành khả hữu nhờ đức tin của người đàn bà. Người ca ngợi đức tin của phụ nữ (*Mc 12:41-44; Mt 15:28*) và coi họ là hình ảnh của nước Thiên Chúa (*Lc 15:8-10; Mt 13:33; 23:37*). Quan trọng nhất, Người mời gọi họ lên đường với Người (*Lc 8:1-3*) và Người bênh vực quyền làm môn đệ của họ và ngồi ngang hàng với các người nam để nghe giáo huấn của Người. Câu truyện của Marta và Maria (*Lc 10:38-42*) là về hai người đàn bà, một người chọn làm các bồn phận của mình trong nhà, còn người kia thì chọn ngồi dưới chân Chúa Giêsu như một môn đệ. Chúa Giêsu bênh vực Maria, người đã chọn phần tốt hơn sẽ không bị lấy đi khỏi chị”. Cũng như đã không bị lấy đi, vì mọi tin mừng đều ghi nhận rằng mặc khải Chúa Giêsu Nadarét sống lại trước nhất đã được ban cho các nữ môn đệ của Người, những người sau đó đã công bố nó cho các nam môn đệ. Theo Thánh Phaolô, nếu tông đồ là người đã nhìn thấy Chúa Giêsu sống lại và đó là chính nền tảng của Giáo Hội (*1Cr 9: 1-2*), thì xem ra đàn bà cũng như đàn ông đều có thể được gọi là tông đồ vào thời Giáo Hội sơ khai.

**Câu hỏi 51:** *Giáo Hội bắt đầu có từ bao giờ? Con nghĩ Chúa Giêsu đã thiết lập Giáo Hội chúng ta có ngày nay.*

Giáo Hội chúng ta có ngày nay là sản phẩm của hai ngàn năm lịch sử. Giáo Hội liên tục với các truyền thống của quá khứ nhưng trong tư cách hiện thân sống động của các truyền thống này qua các thời đại, Giáo Hội đã thích ứng và biến đổi dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần. Thế nhưng sứ mệnh nền tảng được trao cho Giáo Hội từ thời các Tông đồ vẫn luôn y hệt: công bố tin mừng rằng Thiên Chúa đã nâng Chúa Giêsu dậy từ cõi chết, hiện thân tin mừng này trong chính các mối tương quan nội bộ cộng đồng và bí tích, và phục vụ thế giới trong đó Giáo Hội sống bằng cách biến đổi các tương quan bản thân và các cơ cấu xã hội bằng các giá trị tin mừng biện phân được trong Chúa Thánh Thần. Như thế, Giáo Hội như chúng ta biết được phát sinh trong cảm nghiệm phục sinh. Giáo Hội sống trong sự hiện diện của Chúa Sống lại, Đáng ở với Giáo Hội cho đến tận cùng thời gian (*Mt 28:20*).

Thế nhưng Giáo Hội này được gọi là một “cộng đồng môn đệ”. Nó không phải là Giáo Hội của Chúa Giêsu Kitô nếu không bén rễ và đặt cơ sở nơi Chúa Giêsu thành Nadarét. Như thế, dù, trong thừa tác vụ lịch sử của Người, Chúa Giêsu không chính thức thiết lập Giáo Hội như chúng ta biết ngày nay, càng không đặt đề một loại thiết kế liên quan tới khuôn khổ cai trị hay đời sống bí tích tương lai, nhưng việc Người công bố vương quốc, cách Người sống cuộc sống của Người, các quan tâm của Người đối với việc biến đổi bản thân và xã hội là những thành phần cấu thành việc Kitô giáo tự hiểu về chính mình. Sứ mệnh của Chúa Giêsu là được sai đến với “những con chiên lạc nhà Israel” (*Mt 15:24*). Người kêu gọi nhóm mười hai như một biểu tượng của Israel đổi mới. Người du hành qua các làng mạc và thị trấn của dân Người, tìm cách đem vào lòng họ sự biến đổi này sẽ đổi mới và lên sinh lực lại cho Israel và do đó thể hiện ơn gọi đích thực của họ làm ánh sáng cho Dân Ngoại.

Tôi nghĩ chúng ta phải thừa nhận rằng Người đã thất bại, sứ mệnh của Người lãnh nhận từ Chúa Cha đã kết thúc trong bác bỏ, thất bại và cái chết. Phục sinh biểu hiệu một sự sống mới, một khởi đầu mới, đúng hơn, một sáng thế mới (*2Cr 5:17; Gl 6:15*) đối với cả Người lẫn những kẻ thuộc về Người trong đức tin phục sinh. Giáo Hội sau phục sinh dần dần tiến đến chỗ tự hiểu về mình không những như sự ứng nghiệm thực sự các lời hứa đã ban cho Israel, những lời hứa vẫn còn đó theo Thánh Phaolô trong thư gửi tín hữu Rôma (các chương 9-11), mà còn như Israel mới đã thay thế Israel cũ theo Tin Mừng Gioan và thư gửi tín hữu Do Thái trong đó điều này là một chủ đề mạnh mẽ và trung tâm. Vì tất cả những điều này, Giáo Hội vẫn biết rằng Đáng Mêxia của mình đã được sai đến với dân tộc Israel của Người. Chúa Giêsu tin Thiên Chúa của



Ápraham, của Isaác và của Giacóp. Các tín hữu của Người là con cái của cùng một Thiên Chúa ấy. Đối với người Do Thái giáo, người Kitô giáo và người Hồi giáo, Ápraham là cha chung của chúng ta trong đức tin. Bác bỏ gốc rễ Do Thái của Giáo Hội là bác bỏ chính Chúa Giêsu.



**Câu hỏi 52:** *Tại sao Chúa Giêsu lại khắt nghiệt như thế với các môn đệ của Người, bảo họ ghét gia đình họ và không trở về nhà nói lời tạm biệt, hay chôn người chết?*

Các lời Chúa Giêsu nói về việc làm môn đệ gây ngỡ ngàng cho cả người cùng thời với Người: không có chỗ đặt đầu nghĩa là một căn nhà; không thi hành bốn phận thánh thiêng nhất là chôn cất cha ruột mình; không cả việc về nhà để nói lời tạm biệt với gia đình mình (Lc 9:57-62)! Tệ hơn nữa là câu nói xa hơn chút nữa trong Tin Mừng Luca: “Bất cứ ai đến với tôi mà không ghét cha mẹ, vợ con, anh chị em, đấng, và cả chính sự sống, không thể là môn đệ của tôi” (Lc 14:26tt).

Trong Linh Thao, Thánh Inhaxiô nói đến “sự bình tâm” (indifference). Ngài không có ý nói đến điều từ ngữ trong tiếng Anh muốn nói tới nghĩa là thái độ không quan tâm hay việc thụ động mặc nhận điều xảy đến cho mình hay cho gia đình mình. Thánh Inhaxiô là con người sôi nổi, giống như Chúa Giêsu. Ngài có ý nói đến việc can dự sâu xa và triệt để vào tình yêu Thiên Chúa, có tính bản thân và sâu xa đến nỗi mọi điều khác trên trái đất, chỉ có ý nghĩa và tầm quan trọng trong ánh sáng của mối liên hệ này. Do đó, tốt hơn nên dịch chữ “bình tâm” là thái độ “triệt để một tâm một trí” (radical single-mindedness) giống con chó mong đợi mẩu bánh từ bàn ăn rơi xuống, bằng trọn mọi chú ý và mong chờ của hữu thể nó (Mc 7:28 tt). Sự tập trung trọn hữu thể này được nhìn nhận là đức tin (Mt 15:28). Chúa Giêsu không hề bác bỏ vẻ đẹp, sự tốt lành, và đáng mong ước của gia đình, mái ấm và lòng tôn kính đối với cha mẹ. Tình yêu Thiên Chúa không hề bác bỏ hay tiêu diệt sự tốt lành của cuộc sống con người. Đúng hơn, chính tình yêu Thiên Chúa trong tâm hồn chúng ta giúp chúng ta và lên sinh lực để ta yêu thương người khác một cách thực sự thỏa mãn.

Đối với Chúa Giêsu và các môn đệ của Người, thái độ “triệt để một tâm một trí” này mang hình dạng cụ thể của việc công bố và làm việc cho Nước Thiên Chúa. Các quan tâm khác, thậm chí cả chính sự sống, sẽ được nhìn trong ánh sáng thích đáng của nó và được đem đến thành toàn nếu các môn đệ tìm kiếm nước Thiên Chúa và đức chính trực của Người trước nhất (Mt 6:25-33). Cuối cùng, nên lưu ý rằng việc triệt để một tâm một trí này áp dụng cho tất cả những người tự cho là theo chân Chúa Giêsu, bất luận họ theo Chúa trên đường sứ vụ hay tiếp tục ở lại trong nhà họ (xem câu hỏi 29). Không phải chỉ dành cho các linh mục hay tu sĩ như các thế hệ sau này đôi khi nghĩ như vậy. Điều gọi là “các lời khuyên của Tin Mừng” tức khó nghèo, khiết tịnh, và vâng lời cũng dành cho mọi Kitô hữu, mặc dù, lối sống lên khuôn cho họ tùy thuộc vào ơn gọi đặc thù của mỗi người.

**Câu hỏi 53:** *Nếu Chúa Giêsu được sai đến để công bố Nước Thiên Chúa, tuy nhiên, đã thất bại, liệu Người có biết hết rằng Người sẽ chết cho chúng ta không?*

Chúng ta vốn chủ trương rằng trong cuộc sống lịch sử và nhân bản của Người, Chúa Giêsu là một con người giống chúng ta trong mọi sự, chịu thử thách và cám dỗ như chúng ta. Điều này có nghĩa Người cảm nghiệm các hoài nghi và không chắc chắn, Người phải dò dẫm cách tốt nhất để thông truyền sứ điệp của Chúa Cha

đã trao cho Người, Người phải tin thác vào thánh ý Chúa Cha khi sự việc không diễn ra như mong đợi, Người phải đối diện với khả thể thất bại và chết chóc. Ta có thể tưởng tượng rằng sự chống đối và thù nghịch ngày càng gia tăng mà Người trải nghiệm sẽ dẫn Người đến chỗ cân nhắc không những khả thể mà còn là việc chắc sẽ chết một cách không êm thấm. Một cách thực sự có tính tiên tri, cuộc khủng hoảng bị con người bác bỏ khơi dậy niềm hy vọng được Thiên Chúa biện giải nghĩa là bất chấp điều gì xảy ra, Thiên Chúa cũng biện hộ sứ mệnh của Người và mang vương quốc tới chỗ hoàn thành. Đối với Chúa Giêsu, đây có lẽ là ý nghĩa của hình ảnh “Ngày của Con Người” (Lc 17:24). Trong sách Đanien, “người giống như Con Người” (7:14) nghĩa là hình người ngược với 4 con vật vốn tượng trưng cho quyền lực đế quốc đang bách hại Dân Thiên Chúa, đến trước ngai Thiên Chúa và tiếp nhận sự biện giải. Y như thế, Chúa Giêsu cũng phải tin tưởng rằng Cha Người sẽ biện giải cho Người.

Do đó, Chúa Giêsu là một con người của đức tin tin rằng “mọi sự đều khả hữu” cho những ai có đức tin (Mc 9:23), cho Thiên Chúa (Mc 10:27), và cho Abba của Người (Mc 14:36). Đối với người dù chỉ có một đức tin giống hạt mù tạc, không gì là bất khả cả. Người như vậy có thể đi xuyên trái núi cứng lòng của con người (Mt 17:20) và nhổ cây có rễ sâu của lòng bất khoan dung của con người (Lc 17:6). Đức tin có sức mạnh khó tin như hạt mù tạc vốn nhỏ nhất trong các thứ hạt nhưng vẫn phát sinh ra những bụi cây lớn nhất (Mc 4:31-32). Chúa Giêsu không biết chính xác Người sẽ chết khi nào, ở đâu và cách nào, nhưng Người biết rằng quyền lực Thiên Chúa (Mc 12:24) và sức mạnh của đức tin (Mc 5:36) sẽ chiến thắng sợ hãi và sự chết và đem lại sự sống mới. Nét cảm động trong lời cầu nguyện của Chúa Giêsu trong vườn cây dầu là nhu cầu thâm thía của Người muốn tìm được sức mạnh để mãi trung thành với Thiên Chúa tình yêu và sự sống ngay trước nỗi sợ và sự chết. Lời cầu xin cuối cùng của Kinh Lạy Cha (như trong Lc 11:4tt) có thể có nghĩa: Xin ban cho chúng con sức mạnh để đừng sai phạm trong lúc bị thử thách! Chúa Giêsu và các môn đệ của Người thấy đều cần sức mạnh như thế.



**Câu hỏi 54:** Nhưng há Chúa Giêsu đã không tiên đoán cái chết của Người trước khi nó xảy ra đó hay sao?

Trong Tin Mừng Máccô, sau khi Phêrô tuyên xưng đức tin (8:27-30), Chúa Giêsu nói với các môn đệ 3 lần rằng Con Người phải chịu đau khổ lớn lao, bị bác bỏ và giết chết, và sẽ trỗi dậy sau 3 ngày (Mc 8:31; 9:31; 10:33-34). Mátthêu và Luca theo chân Máccô trong việc này. Cả Gioan cũng có lời tiên đoán ba lần này (Ga 3:14-15; 8:28; 12:32), nhưng trong hình ảnh riêng của ngài về Con Người “được nâng lên” nghĩa là tôn vinh trên thập giá. Với Máccô, cũng như Gioan, thập giá là lúc hay “giờ” trong đó, bản sắc đích thực của Chúa Giêsu được biểu lộ trọn vẹn và sau cùng. Các lời tiên đoán là một dự ứng của giờ đó và tiếp tục tối tăm và gây ngạc nhiên cho đến khi các biến cố thực sự xảy ra. Trong Máccô, chẳng hạn, sau khi Phêrô nói rằng “Thầy là Đấng Mêxia”, Chúa Giêsu lập tức ra lệnh cho các ông không được nói cho ai về Người nghĩa là về bản sắc đích thực của Người, vì ngay các môn đệ cũng chưa có thể hiểu được rằng “Đấng Mêxia” với Người là Đấng Mêxia chịu đóng đinh. Trước nhất, Chúa Giêsu phải dạy các ông về sự cần thiết của thập giá, điều

mà Phêrô lập tức bác bỏ và là điều sau đó trở nên dịp để huấn giáo về việc vác thập giá và theo chân Người. Đó là ý nghĩa của việc làm môn đệ đích thực. Mẫu mực tiên đoán, bác bỏ và huấn giáo này về việc làm môn đệ đã được lặp lại 3 lần, với những thay đổi. Rõ ràng, đây là phần giáo huấn chính của toàn bộ Tin Mừng Máccô. Trọng điểm tôn giáo và thần học ngài muốn đưa ra rất rõ ràng: Các Kitô hữu chúng ta sẽ không bao giờ hiểu Chúa Giêsu là ai và một cách không thể tách biệt chúng ta là ai trong tư cách môn đệ ngoại trừ chúng ta sẵn lòng vác thập giá và tự cảm nghiệm việc Người chịu chết ra sao (Mc 15:39). Chỉ khi đó, chúng ta mới có thể thực sự nói được rằng Người là “Đấng Kitô” và là “Con Thiên Chúa”. Các danh hiệu này chỉ có ý nghĩa đích thực của chúng dưới ánh sáng thập giá. Như thế, không phải các danh hiệu giải thích ý nghĩa của Chúa Giêsu cho chúng ta. Đúng hơn, chính thập giá mới mang lại ý nghĩa cho các danh hiệu này. Giống như các dụ ngôn của Chúa Giêsu (xem câu hỏi 35), Tin Mừng Máccô không mang lại cho chúng ta thông tin nhưng kêu gọi chúng ta tiến tới chỗ tham dự đường tới thập giá của Chúa Giêsu.

Liệu các lời tiên đoán, dưới một hình thức nào đó, có dẫn trở lại chính Chúa Giêsu không? Chúng ta của cả bốn Tin Mừng mạnh mẽ cho thấy có. Tôi thấy quan điểm của Joachim Jeremias có tính thuyết phục, ông cho rằng nằm ở bên dưới lời tiên đoán ở Mc 9:31a có một điều bí ẩn độc đáo trong tiếng Aram: “Con Người sẽ bị nộp vào tay con cái loài người”. Đây là một lối chơi chữ dùng “Con Người” không phải như một tước hiệu Kitô học chính thức nhưng như một tham chiếu đại loại (generic) với nghĩa đại khái “một người giống như tôi” nghĩa là một người có sứ mệnh và kinh nghiệm đặc thù như tôi có. Theo nghĩa này, nó chỉ không những Chúa Giêsu mà tất cả những ai tham dự vào sứ mệnh của Người trong tư cách môn đệ. Trên môi miệng Chúa Giêsu, câu nói có thể là điều bí ẩn có tính tiên tri nhằm chuyển tải kinh nghiệm khủng hoảng và tranh chấp hiện tại có thể bao gồm cả khả thể chết một cách đầy bạo lực. Dù sao, cũng có thể không phải là những tiên đoán rõ ràng sau sự kiện nay chúng ta có trong các Tin Mừng. Chúa Giêsu vẫn phải tin rằng Thiên Chúa sẽ cung cấp giải pháp cho cuộc khủng hoảng. Hình ảnh của Người cho giải pháp này là “Ngày của Con Người” (Lc 17:24).

**Câu 55:** *Tại sao có quá nhiều chống đối chống lại Chúa Giêsu? Tại sao người Do Thái muốn giết Chúa Giêsu? Và điều đó có tạo khác biệt gì đối với người La Mã không?*

Trước nhất, chúng ta phải thận trọng đối với các phạm trù chúng ta sử dụng. Trong các Tin Mừng nhất lãm, cụm từ “Người Do Thái” (Jews) chủ yếu được sử dụng ám chỉ tâm báng trên thập giá: “Vua Người Do Thái”. Các địch thù chính của Chúa Giêsu là các nhà lãnh đạo dân: các thượng tế, luật sĩ và biệt phái, phe Hêrôt (mặc dù cuối cùng, các môn đệ cũng đào ngũ Người và đám đông quay qua chống lại Người do sự xúi bẩy của các nhà lãnh đạo). Trong Tin Mừng Gioan, cụm từ “Người Do Thái” thường được sử dụng như một tóm tắt thuận tiện để chỉ mọi kẻ chống đối Chúa Giêsu. Chẳng may, trong lịch sử Kitô giáo sau đó, cụm từ này được lựa chọn và sử dụng như một biện minh cho lịch sử bài Do Thái khủng khiếp và bi thảm. Ta nên lưu ý điều này: trong Tin Mừng Gioan, Chúa Giêsu được gọi là “một Người Do Thái” (4:9), “ơn cứu độ phát xuất từ người Do Thái” (4:22), và có những người Do Thái tin vào Người (8:31; 11:45; 12:11). Dĩ nhiên, không những Chúa Giêsu mà tất cả các môn đệ đầu tiên của Người, như Phêrô và nhóm mười hai, đều là người Do Thái.

Như thế, Chúa Giêsu là một người Do Thái bị mang đến cái chết bởi một số người Do Thái khác coi Người như một đe dọa đối với quyền lực và đặc ân của họ. Về phương diện lịch sử, hình như Chúa Giêsu có mối liên hệ tương đối tương đắc với các luật sĩ và biệt phái, vì với họ, Người có thể tham dự các cuộc đàm luận nghiêm túc về lề luật. Các mô tả về luật sĩ và biệt phái trong các Tin Mừng như các địch thủ chính có thể liên hệ tới sự kiện này: sau việc phá hủy Đền Thờ vào năm 70, tôn giáo của Israel sống sót trong tư cách Do Thái Giáo của các giáo sĩ [rabbi], hậu duệ biểu kiến của các luật sĩ và biệt phái trong tư cách duy trì và giải thích lề luật (xem câu hỏi 29). Các Tin Mừng được viết vào cuối quý thứ ba của thế kỷ thứ nhất và thường phản ánh các tranh cãi mà các tác giả và cộng đoàn của họ đang đương đầu lúc đó.

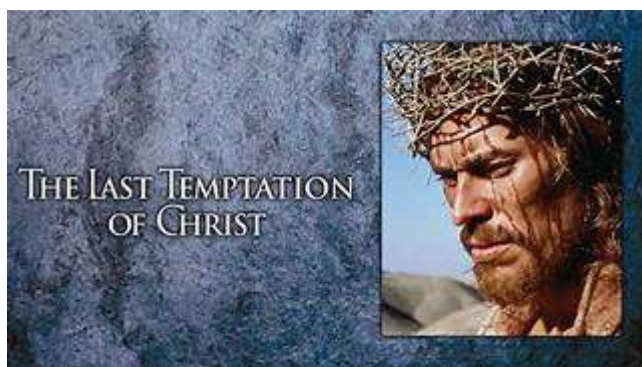
Chúa Giêsu rất có thể đã đối đầu với sự chống đối mạnh mẽ nhất của giai cấp quý phái của Đền Thờ (Các

thượng tế và phái Sadốc) và các ông vua bù nhìn (Nhà Hêrôt) vì họ cấu kết với các lực lượng La Mã chiếm đóng và lệ thuộc vào người La Mã để có vị thế quyền lực và giàu có. Chúa Giêsu thách thức cơ cấu quyền lực thời Người bằng lời kêu gọi cho có một Israel đổi mới và được tái sinh lực hóa trở lại có khả năng lật đổ bá quyền của người quyền thế và tạo ra một loại cộng đồng mới mẻ, do đó, đã loan báo việc xuất hiện của Vương quốc Thiên Chúa chống lại vương quốc của Xêda hay những người hợp tác với ông ta. Điều dễ thấy là người La Mã tri nhận sự đe dọa đối với các tư tế và nhà Hêrôt như sự đe dọa đối với hệ thống của họ và do đó coi Chúa Giêsu như một tên phản loạn (xem câu hỏi 39).

### III. Cái chết của Chúa Giêsu: từ lịch sử qua thần học

**Câu hỏi 56:** *Có khá nhiều tranh cãi quanh cuốn phim “The Last Temptation of Christ” [con cám dỗ cuối cùng của Chúa Kitô]. Cha nghĩ sao về nó? Chúa Giêsu có bị cám dỗ lần cuối cùng không?*

Martin Scorsese làm cuốn phim vì ông có ấn tượng sâu xa đối với cuốn tiểu thuyết cùng tên của Nikos Kazantzakiz, một tác giả Hy Lạp, viết năm 1955. Scorsese rất trung thành với cuốn sách, một cuốn sách, giống như mọi trước tác của Kazantzakiz, xoay quanh bận tâm chính của người Hy Lạp về cuộc phấn đấu giữa xác thịt và tinh thần. Trong trường hợp này, chủ đề chính là con cám dỗ của nhân tính Chúa Giêsu chống lại thiên tính của Người nghĩa là Chúa Giêsu được mô tả khi ở trên thập giá bị cám dỗ từ bỏ tư cách Mêxia của Người, bước xuống khỏi thập giá để sống một cuộc sống con người thông thường như một người đàn ông có gia đình và con cái. Con cám dỗ này được trình bày như một mộng tưởng trong tâm trí Chúa Giêsu khi Người chịu cực hình trên thập giá. Cuối cùng, Người đã vượt qua con cám dỗ và chiến thắng trong tư cách Đấng Mêxia.



Một số nhận xét có thể đưa ra. Thứ nhất, nhiều người coi cuốn phim phạm thượng vì họ cho rằng đây là một âm mưu mô tả Chúa Giêsu mà chúng ta biết nhờ các Tin Mừng. Dường như đây không hề là ý định của cả cuốn sách lẫn cuốn phim. Một số người có thể bị xúc phạm cho rằng hình ảnh Chúa Giêsu đã bị lạm dụng, nhưng thực ra nó chỉ mô tả một kinh nghiệm nhân bản phổ quát rất có thể là một khả thể trong cuộc đời Chúa Giêsu. Chúng ta từng nói rằng các con cám dỗ của Người là các kinh nghiệm thực sự đối với Người (Xem câu hỏi 38). Điều một cuốn phim như cuốn phim này làm là giúp chúng ta mở rộng óc tưởng tượng của chúng ta để thấy Chúa Giêsu trong một viễn ảnh nhân bản nhiều hơn mà thôi. Mặc dù cuốn phim không phải là bức chân dung chiều tự dù là của một trong các Tin Mừng, nó quả có cung ứng một chân dung đầy tưởng tượng và cảm động thuộc loại phấn đấu mà cả Chúa Giêsu cũng phải đối đầu.

Thứ hai, có nhiều cuốn phim về Chúa Giêsu còn tệ hơn thế nhiều vì đã mô tả Người như một người yếu đuối ướt át, tóc nâu, mắt xanh! Ngược lại, tôi hết lòng đề nghị cuốn phim của Pier Paolo Pasolini “Tin



Mừng theo Thánh Mátthêu”. Nó là một điển hình tốt đẹp của óc tưởng tượng đầy chất nghệ thuật được định hướng và kiểm soát bởi các nguồn đề nhất đẳng.

Sau cùng, nó làm Chúa Giêsu xem ra có vẻ hơi tâm thần phân liệt khi mô tả các con cám dỗ của Người như một cuộc đấu tranh của nhân tính Người chống lại thiên tính của Người. Nó có xu hướng mô tả nhân tính chống lại thiên tính một cách đầy cạnh tranh. Dù tôi không ủng hộ bất cứ cách tiếp cận nào khiến thể thần linh và thể nhân bản dường như cạnh tranh với nhau, truyền thống Kinh Thánh hình như có nói tới phía ngược lại của một con cám dỗ của thiên tính chống lại nhân tính, thí dụ, trong câu truyện về Nôê. Thiên Chúa hối hận đã tạo ra con người vì sự dữ của họ và quyết định tiêu diệt họ (St 6:5-8; xem 6:11-13.17; 7:23). Nhưng tình yêu trung thành của Thiên Chúa cuối cùng đã chiến thắng (St 9:8-17; so sánh Tv 79:5 với Tv 86:15; 103:8; 145:8).

**Câu hỏi 57:** *Còn về việc bị bỏ rơi trên thập giá thì sao? Lúc đó, Chúa Giêsu có bị cám dỗ chống lại Thiên Chúa không?*

Lời duy nhất của Chúa Giêsu trên thập giá trong Máccô và Mátthêu là: “Lạy Thiên Chúa con, lạy Thiên Chúa con, sao Chúa bỏ rơi con?” (Mc 15:34; Mt 27:46). Chúa Giêsu trưng dẫn câu đầu tiên của Thánh vịnh 22, lời cầu nguyện của một người đang đối diện với bệnh tật sắp chết. Thật khó mà biết liệu Chúa Giêsu có thực sự nói câu đó hay không, mặc dù nhiều người thắc mắc tại sao Máccô lại sáng chế ra chúng. Chắc chắn xu hướng của truyền thống muốn sử dụng những lời nói khác trên thập giá khá hiển nhiên trong Luca và Gioan, những vị đã bỏ những lời này. Tuy nhiên, bất kể tiếng kêu bị bỏ rơi có tính lịch sử bao nhiêu đi chăng nữa, chúng ta vẫn có thể cân nhắc ý nghĩa thần học của nó cho Máccô và cho chúng ta.

Theo Máccô, Chúa Giêsu chết trong lúc bị từ bỏ và bỏ rơi không phải bởi các lãnh tụ của dân, bởi gia đình và bằng hữu của Người ở Nadarét, bởi các môn đệ của Người và đám đông từng háo hức theo chân Người, đến nỗi Người phải đối diện với cái chết hoàn toàn và tuyệt đối một mình, mà còn bởi chính Thiên Chúa, Đấng mà Người hằng tin thác và là Đấng có vương quốc được Người đến thế gian để công bố. Máccô mở màn cho thấy đời sống nhân bản của Chúa Giêsu với tập chú đơn điệu vào việc bị bỏ rơi. Tại điểm này, dù chúng ta không nên suy đoán tình trạng thực sự trong tâm trí Chúa Giêsu lúc qua đời, chúng ta vẫn có thể hỏi: chúng ta có thể dành cho việc bị bỏ rơi ý nghĩa thần học nào và nó có liên quan gì tới “con cám dỗ cuối cùng” hay không?

Khi suy nghĩ về ý nghĩa của cả đời sống Chúa Giêsu chứ không nhất thiết một khoảnh khắc đặc thù nào, Thánh Phaolô nói rằng khi Thiên Chúa sai chính Con mình “đến mang thân xác giống như thân xác tội lỗi chúng ta để đền tội chúng ta...” (Rm 8:3 so sánh với Pl 2:6-8), và, còn ngạc nhiên hơn nữa, “Đấng chẳng hề biết tội là gì, thì Thiên Chúa đã biến Người thành hiện thân của tội lỗi vì chúng ta” (2Cr 5:21). Tôi coi điều này có nghĩa trọn cuộc đời Chúa Giêsu và nhất là lúc Người qua đời là một đồng nhất hóa luôn lớn và sâu hơn với chúng ta trong thân phận con người tội lỗi “để làm cho chúng ta nên công chính trong Người”. Chúa Giêsu trải nghiệm trọn vẹn tác động của tội lỗi con người. “Chúa đã đổ trên đầu người tội lỗi của tất cả chúng ta” (Is 53:6). Người xuống tới tận cùng sâu thẳm của tội lỗi con người nơi mà Chúa Cha, Đấng mà việc can dự vào việc sáng thế vốn tốt lành một cách nội tại và tuyệt đối, không thể xuống theo. Theo nghĩa này, ta có thể nói Chúa Cha, không do một lựa chọn tùy ý mà do một cần thiết bởi chính tội lỗi con người gây nên, buộc phải bỏ rơi Người, phải để Người trở nên tội lỗi vì tự do của con người và sự biến đổi của con người (vốn là “sự chính trực của Thiên Chúa” được Thánh Phaolô nói tới trong 2Cr 5:21).

Chính trong trải nghiệm trên, người ta có thể nói một cách có nghĩa đến “con cám dỗ sau cùng” hay, có lẽ

tốt hơn, đến con cá mập đâm xuyên suốt đời sống Người nhưng đạt đến cao điểm của nó trong cái chết của Người. Đó không phải là con cá mập chống Thiên Chúa, Đấng đã sai Người đi, Đấng Thiên Chúa mà Người vốn biết như Ông Bô đây yêu thương và chăm sóc. Tiếng kêu trên thập giá vẫn mãi là tiếng kêu tén tóc. Theo tôi, đúng hơn, đó là con cá mập của những kẻ Người được sai đến với. Thực tế, Chúa Giêsu phải mãi trung thành với chúng ta. Bị choáng ngợp vì khả năng làm điều xấu của chúng ta, bị đè nặng bởi cường độ thù nghịch của chúng ta đối với Người, Người đã tự ý quyết định thương yêu ta và mãi trung thành với ta, bất chấp tội lỗi của ta. Ta biết điều này, không phải vì chúng ta có thể đi vào trạng thái tâm trí Người ở bất cứ khoảnh khắc đặc thù nào, nhưng vì Thiên Chúa đã cho Người trỗi dậy từ cõi chết. Ở đây, trong tình yêu tự do và trung thành của Chúa Giêsu dành cho chúng ta, trong khi chúng ta còn là các kẻ thù của Người, điều có nghĩa là gọi Người là Đấng Cứu Vớt của chúng ta (so sánh Rm 5:6-11). Trên thập giá, chúng ta thấy giới răn của Người được thực hiện: “Hãy yêu thương các kẻ thù của anh em!”.

**Câu hỏi 58:** *Cha có thể nói thêm về việc cha hiểu thế nào là tội?*

Ý định của Thiên Chúa khi tạo dựng là sự tốt lành của sáng thế nói chung. Một câu nói rất tuyệt của Thánh Irênê: “Vinh quang Thiên Chúa là con người nhân bản được làm cho sống động trọn vẹn” (hơi diễn giải một chút) đã rất nắm bắt được ý định của Thiên Chúa. Thiên Chúa không cạnh tranh với chúng ta nhưng luôn tìm cách đem chúng ta tới sự viên mãn việc chúng ta là ai trong tư cách những hữu thể nhân bản. Chúng ta phạm tội mỗi khi, bằng cách này hay cách khác, chúng ta tìm cách tiêu diệt hay lật đổ ý định sáng tạo này của Thiên Chúa. Chúng ta không trực tiếp xúc phạm đến Thiên Chúa cho bằng tiêu diệt sáng thế tốt lành của Thiên Chúa. Biểu tượng của cây biết tốt xấu, như câu truyện của St 2-3 thuật lại, hẳn liên quan tới mối tương quan của chúng ta như những hữu thể nhân bản với Thiên Chúa, với thiên nhiên, và với nhau. Ước muốn được giống như Thiên Chúa là ước muốn thay thế Thiên Chúa bằng chính mình, để chúng ta có thể tự xác định tốt xấu không cần Thiên Chúa. Việc này làm chúng ta trở thành điều chúng ta không bao giờ là cả.

Tội không phải chỉ là vấn đề về mối tương quan bản thân của tôi với Thiên Chúa. Tội tạo nên một tình huống nhân bản theo đó chúng ta sinh vào một thế giới trong đó chính bản sắc ta như những nhân vị lên khuôn bên trong cuộc đấu tranh liên tục giữa lực lượng sự ác (tội) và sức mạnh sự thiện (ân sủng). Trọn bộ lịch sử Israel phản ánh cuộc đấu tranh. Đối với các Kitô hữu, lịch sử này lên tới cao điểm ở khoảnh khắc quyết định của thập giá. Không hẳn sự bất tuân của Adam và Eva cho bằng việc bác bỏ và sát hại Con yêu dấu của Thiên Chúa đã một cách biểu tượng nhắc ta nhớ đến tội lỗi của con người, đến vực thẳm khủng khiếp của khả năng làm điều ác của con người. Ý nghĩa và tác động đầy đủ của “nguyên tội” đã được tỏ lộ trong thập giá của Chúa Giêsu. Đây là nơi việc bỏ rơi của Thiên Chúa có thể có nghĩa. Không phải Thiên Chúa có ý muốn tích cực bỏ rơi chúng ta. Đúng hơn, do tội lỗi chúng ta, chúng ta đã bỏ rơi Thiên Chúa và Thiên Chúa, Đấng dựng nên chúng ta để được tự do, tôn trọng phẩm giá và tính toàn vẹn của tự do con người chúng ta ngay cả khi nó có thể tạo nên vực thẳm không cầu nối giữa Thiên Chúa và kẻ có tội (Lc 16:26). Thực vậy, nếu sách thánh Do Thái và Kitô giáo nói cho ta biết điều gì, thì điều đó là Thiên Chúa không áp đặt ý muốn của Người lên các tạo vật ngoan cố nhưng liên tục mời gọi một đáp ứng tự do và đầy yêu thương. Như thế, bị kịch cứu rỗi, hay việc giải phóng đích thực con người được thực hiện trong tự do nhân bản, cả tự do nhân bản của Chúa Giêsu lẫn của chúng ta.

**Câu 59:** *Nhưng tại sao Thiên Chúa lại làm điều đó cho Con vô tội của Người? Tại sao Chúa Cha lại muốn Chúa Giêsu chết trẻ như thế và một cách khủng khiếp và nhục mạ như thế?*

Vấn đề quan phòng của Thiên Chúa trở nên sắc nét khi chúng ta nhìn vào thập giá của Chúa Giêsu. Tôi vốn thấy hữu ích một hình ảnh mượn của vị diu đất tôi trước đây, Cha John H. Wright, Dòng Tên, tức hình ảnh

“Thiên Chúa Đấng đối thoại”. Nó bao gồm ba bước. Thứ nhất, là sáng kiến của Thiên Chúa. Thiên Chúa là Alfa và Ômêga. Mọi sự phát xuất từ Thiên Chúa và trở về cùng Thiên Chúa. Đó là điều ta muốn nói khi gọi Thiên Chúa là Đấng Sáng Tạo. Thứ hai, là đáp trả của con người với sáng kiến của Thiên Chúa, có thể là tích cực (một đáp trả ân sủng) hay tiêu cực (một đáp trả tội lỗi). Thứ ba, là đáp trả của Thiên Chúa với đáp trả của con người. Điều này có nghĩa Thiên Chúa đã tạo ra một thế giới trong đó, Thiên Chúa tự do quyết định tôn trọng phẩm giá và sự toàn vẹn tự do nhân bản của chúng ta ngay cả khi nó dẫn tới hành động phá hoại. Tóm lại, Thiên Chúa đã tạo nên một thế giới trong đó Thiên Chúa trong tư cách Đấng Sáng Tạo dựng thực sự lệ thuộc đáp trả nhân bản tự do của chúng ta đối với sáng kiến thần linh để có thể lên khuôn cho thế giới trong đó chúng ta sống. Điều chúng ta làm quả có tạo nên một khác biệt đối với Thiên Chúa. Chúng ta có thể hoặc xây dựng trái đất và do đó thể hiện ý định của Thiên Chúa qua việc từ từ biến đổi hoặc chúng ta có thể phá hủy trái đất và do đó thể hiện ý định của Thiên Chúa qua việc phá hủy có tính tai biến. Trọng điểm ở đây là: các giải pháp là những điều có thật nhưng cả trong hai trường hợp, cuối cùng ý định của Thiên Chúa đều được thể hiện. Tuy nhiên, ý định của Thiên Chúa được thể hiện ở đây và lúc này qua chúng ta. Hình dáng tương lai của Nước Thiên Chúa tùy thuộc ở việc liệu chúng ta có quyết định làm người đồng sáng tạo tương lai đó hay không với Thiên Chúa.

Thập giá là nơi chúng ta thấy khuôn mẫu quan phòng này được thể hiện trọn vẹn hơn cả. Theo quan điểm của tôi, Chúa Cha không sai Con của Người xuống thế gian để chết trên thập giá. Chỉ có một Thiên Chúa quái vật mới làm trò này. Thiên Chúa sai Con của Người đến công bố chiều sâu thăm của tình Người yêu thương và việc thể hiện tình yêu này trong một vương quốc ân sủng biến đổi. Đáp trả nhân bản đối với sáng kiến thần linh có hai mặt. Về phía Chúa Giêsu là mãi trung thành (vâng lời) với sứ mệnh nhận được thậm chí cho đến chết. Về phía các thù địch của Người, là bác bỏ sáng kiến thần linh và đóng đinh Con yêu dấu của Thiên Chúa. Như thế, không phải Thiên Chúa đã tạo ra thập giá mà là các hữu thể nhân bản. Theo cách này, thập giá trước nhất là biểu tượng của tính tội lỗi của con người và chỉ như thế nó mới có thể được coi như việc cung ứng liên tục tình yêu thần linh. Đáp trả thần linh đối với lòng trung thành của Chúa Giêsu và với thảm kịch con người bác bỏ là làm Chúa Giêsu trỗi dậy từ cõi chết. Cái ôm của Chúa Cha đối với Con yêu dấu của Người trong quyền năng Chúa Thánh Thần vào lúc Người bác bỏ và bỏ rơi có nghĩa: Thiên Chúa vẫn trung thành trong tình yêu bất chấp tính tội lỗi nhân bản của chúng ta. Nhưng nó cũng có nghĩa là từ ngày đó, chúng ta sống điều đó dưới dấu thập giá, dấu thảm kịch nhân bản.

**Câu 60:** *Há sách thánh không nói Thiên Chúa muốn Chúa Giêsu chết trên thập giá đó sao?*

Có nhiều đoạn trong sách thánh dường như muốn nói những điều này: Thiên Chúa “sai” hay “cho” Con duy nhất của Người; nhấn mạnh tới sự nhất thiết của Thiên Chúa, nghĩa là Con Người phải chịu đau khổ và chết, trong các lời tiên đoán về khổ nạn (xem câu hỏi 54); lời cầu nguyện của Chúa Giêsu trong Vườn Diệtsimani xin cho ý Chúa Cha được thực hiện. Chắc chắn, ý niệm cho rằng Thiên Chúa sai Chúa Giêsu để chết trên thập giá và nhờ thế cứu chúng ta khỏi tội lỗi vốn là lời giải thích chung. Tuy nhiên, vì lợi ích của việc giải thích đang tiếp diễn, hai điều nên được nói đến:

Thứ nhất, các tác giả Tân Ước trước tác theo viễn ảnh sự kiện đã xảy ra. Các ngài đã biết Chúa Giêsu chết trên thập giá và các ngài tìm cách giải thích sự kiện đó như việc ứng nghiệm các sách thánh Cựu Ước và như thế như một phần trong kế hoạch toàn bộ của Thiên Chúa. “‘Nào Đấng Kitô lại chẳng phải chịu khổ hình như thế, rồi mới vào trong vinh quang của Người sao?’ Rồi bắt đầu từ ông Môsê và tất cả các ngôn sứ, Người giải thích cho hai ông những gì liên quan đến Người trong tất cả Sách Thánh” (Lc 24:26-27; so sánh với các câu 44-49). Luca không bao giờ cho thấy một cách chính xác sách thánh nào được tham chiếu trong chương này, nhưng trọng điểm là: cái chết và phục sinh của Chúa Giêsu ứng nghiệm ý nghĩa của sách thánh

nói chung. Giáo Hội tiên khởi không sử dụng các bản văn Cựu Ước chuyên biệt để bênh vực chủ trương cho rằng Chúa Giêsu không phải chỉ là Đấng Mêxia nhưng là Đấng Mêxia chịu đóng đinh. Điều này quả thực là vấn đề hộ giáo quan yếu. Làm thế nào một người bị Thiên Chúa nguyên rủa phải treo trên cây gỗ mà giờ đây lại là phúc lành của Thiên Chúa (Gl 3:13-14)? Hai bản văn trước đây được dùng là Thánh vịnh 118:22, nói về việc con người bác bỏ và được Thiên Chúa chứng thực, và Isaia 53, bài ca người tội tớ đau khổ. Ý niệm về kế hoạch Thiên Chúa cuối cùng đã được khai triển chi tiết bằng những ngôn từ tổng thể và vũ trụ. Thiên Chúa “cho ta được biết thiên ý nhiệm mầu: thiên ý này là kế hoạch yêu thương Người đã định từ trước trong Đức Kitô. Đó là đưa thời gian tới hồi viên mãn là quy tụ muôn loài trong trời đất dưới quyền một thủ lãnh là Đức Kitô” (Eph 1:9-10).

Điểm thứ hai là hệ luận của điểm thứ nhất. Các tác giả Kinh thánh của cả Cựu lẫn Tân Ước đều không đưa ra một phân biệt rõ rệt nào giữa điều Thiên Chúa muốn và điều Người cho phép. Mọi sự đều được gán cho Thiên Chúa như nguyên nhân duy nhất, nghĩa là Đấng tạo dựng nên tất cả. Hình ảnh “Thiên Chúa đối thoại” là một giải thích mãi về sau, thừa nhận rằng tính nguyên nhân của Thiên Chúa được trung gian qua tính nguyên nhân con người nghĩa là Thiên Chúa thi hành ý muốn của Người qua chúng ta. Điều này bao gồm một rủi ro cả cho Thiên Chúa vì nó nhấn mạnh nhiều tới tự do nhân bản làm điều kiện cho thành công hay thất bại của ý định Thiên Chúa. Do đó, như đã nhắc trên đây, Chúa Giêsu đã thất bại trong sứ mệnh lịch sử của Người, và thất bại ấy đã được lật ngược bởi sự đáp ứng thần linh là việc sống lại.

**Câu hỏi 61:** *Há không phải Thiên Chúa đã cứu vớt chúng ta ư? Tự do nhân bản có liên quan gì tới việc này?*

Cứu rồi chắc chắn là vấn đề trung tâm trong việc chúng ta hiểu Chúa Giêsu. Như một lập luận bênh vực thiên tính của Chúa Giêsu, các giáo phụ chủ trương rằng chỉ có Thiên Chúa mới cứu rồi chúng ta mà thôi, và, như một lập luận bênh vực nhân tính trọn vẹn của Người, các ngài chủ trương rằng chỉ những gì hợp nhất với thể thần linh mới được cứu rồi. Điều này có giá trị nhưng nó giả thiết điều này ơn cứu rồi diễn ra vào “thời khắc” nhập thể nghĩa là vào lúc thể thần linh và thể nhân bản được kết hợp trong Chúa Giêsu, khi “Ngôi Lời thành xác phàm” (Ga 1:14). Nhưng cả Gioan cũng thừa nhận rằng tự ngôn không đủ; ngài phải kể trọn câu truyện về Chúa Giêsu và nhất là con đường của Người tới thập giá.

Hình ảnh “Thiên Chúa đối thoại” nhìn nhận rằng ơn cứu rồi phát xuất từ Thiên Chúa. Mọi sự bắt đầu trong sáng kiến thần linh và kết thúc ở đáp trả thần linh. Chỉ duy một mình Thiên Chúa mới có thể cứu vớt chúng ta. Đúng hơn vấn đề là: Thiên Chúa cứu vớt ta thế nào? Lây chỉ dẫn từ việc Chúa Giêsu công bố nước trời trong các dụ ngôn, dường như Thiên Chúa làm việc – sống động, tích cực, hiện diện – giữa đời sống con người, nhất là trong cuộc sống nhân bản của Chúa Giêsu. Thư 1 gửi Timôtê 2:4-6, viết rằng Thiên Chúa, Đấng Cứu Vớt ta, “muốn cho mọi người được cứu độ và nhận biết chân lý. Thật vậy, chỉ có một Thiên Chúa, chỉ có một Đấng trung gian giữa Thiên Chúa và loài người: đó là một con người, Đức Kitô Giêsu, Đấng đã tự hiến làm giá chuộc mọi người”. Tôi hiểu điều này muốn nói rằng Chúa Giêsu làm trung gian giữa Thiên Chúa và chúng ta chính trong nhân tính của Người. Thiên Chúa thi hành ý định thần linh của Người muốn cứu vớt phổ quát trong và qua tự do nhân bản của Chúa Giêsu. Đây không phải là vấn đề đặt thiên tính vào thể chống nhân tính theo lối cạnh tranh nhưng thấy Thiên Chúa chấp nhận và nhận diện là của Thiên Chúa sự sống nhân bản này trong mọi tính cụ thể và đặc thù của nó, với mọi đau khổ và cảm dỗ cũng như đấu tranh để mãi trung thành với sứ mệnh nhận được như chúng ta thấy phản ánh trong các sách Tin Mừng. Chúa Giêsu được kêu gọi bởi Thiên Chúa, Đấng Người gọi là Bỏ đây yêu thương chăm sóc, mãi trung thành với chúng ta (vì Thiên Chúa mãi là tình yêu trung thành) trong và bất chấp sự tàn hại của tội lỗi con người. Nói rằng Chúa Giêsu là Cứu Chúa của chúng ta là nói rằng Người biến đổi, từ bên trong thân phận con người của chúng ta, tội bất tuân của Adam thành đức vâng lời của Con duy nhất của Thiên Chúa. Giao ước của Thiên Chúa với sáng thể được thiết lập một lần vĩnh viễn trong tự do duy nhất của Chúa



Giêsu, Đấng trung thành. Chính trong và qua tự do của riêng Người và vì tự do của chúng ta, “Chúa Kitô đã giải phóng chúng ta” (Gl 5:1).



**Câu hỏi 62:** *Điều chủ yếu có phải là việc Chúa Giêsu chịu đau khổ trên thập giá vì tội chúng ta không? Tại sao mỗi người chúng ta lại không thể chỉ cần lãnh trách nhiệm đối với các hành động của chúng ta để được cứu rỗi? Há không đủ hay sao nếu chúng ta ăn năn và tuân theo các giáo huấn của Chúa Giêsu?*

Nếu người phạm chúng ta thực sự được tự do lựa chọn, thì đáp ứng với Chúa Giêsu có lẽ đã khác rồi. Không hề có tất yếu tuyệt đối, cả thần linh lẫn nhân bản, khiến Chúa Giêsu phải chết trên thập giá. Tất yếu duy nhất phải có thập giá phát xuất từ tình huống thực tế, chuyên biệt trong đó Chúa Giêsu thấy Người hiện hữu. Và, mặc dù nó là một giả thuyết, ta có thể tưởng tượng thế giới ngày nay sẽ ra sao nếu đáp ứng với Chúa Giêsu không phải là bác bỏ và đóng đinh.

Tuy nhiên, vấn đề ngụ hàm một điều khác phát xuất từ nền văn hóa duy cá nhân của chúng ta, tức việc chúng ta có thể tự cứu rỗi bằng chính các cố gắng của mình. Đúng là mỗi người chúng ta phải ăn năn và tuân theo không những các giáo huấn của Chúa Giêsu mà, đúng hơn, trọn cả lối sống của Người. Ôn cứu rỗi không tự động. Nó đòi sự tham dự đích thân của chúng ta vào diễn trình biến đổi, nhưng như một đáp trả đối với sáng kiến thần linh. Đức tin luôn được hiểu như là hồng ơn miễn phí của Thiên Chúa (ơn thánh) giúp chúng ta đáp trả thậm chí được coi là đáp trả của chúng ta. Hơn nữa, chúng ta phải nhớ rằng cuộc chiến đấu của chúng ta để được giải thoát không phải chỉ là cuộc chiến đấu cá nhân; nó chống lại sức mạnh lan tràn và có hệ thống của kẻ ác được lên hình tượng như “Satan” (xem câu hỏi 40). Trong nền văn hóa phương tây của chúng ta, chúng ta có xu hướng nghĩ về chúng ta trước nhất như những cá nhân và sau đó có liên hệ với một số nhóm như gia đình, giáo hội, hiệp hội dân sự v.v... Nhưng, đối với Chúa Giêsu và nền văn hóa sêmitích của Người, cảm thức đầu tiên của người ta về bản sắc bản vị của họ là với cộng đồng, và chỉ lúc đó, họ mới xem xét tới bản sắc cá nhân của họ. Điều này quan trọng để ta hiểu ơn cứu rỗi. Theo nghĩa rất thực, tất cả chúng ta đều cùng nhau ở trong ơn này đến nỗi không ai trong chúng ta được cứu rỗi cho đến khi tất cả chúng ta được cứu rỗi. Sự cứu rỗi mà Thiên Chúa tìm nơi Chúa Giêsu là việc biến đổi xã hội và quả thực toàn bộ sáng thế (Rm 8:18-25), một “sáng thế mới” được cảm nghiệm yêu thương và hòa giải trong cộng đồng Kitô hữu xúc tác (2Cr 5:14-20; Gl 6:14-15).

Chúa Giêsu không thể thiếu và thật cần thiết đối với ý định cứu rỗi của Thiên Chúa vì hai lý do. Thứ nhất, đức vâng lời tự ý của Người thậm chí cho đến chết được chấp nhận trong sức mạnh biến đổi của phục sinh có nghĩa ý định của Thiên Chúa dành cho con người ngay từ thuở khởi đầu sáng thế đã được thể hiện trong Người. Người là “Con Người”, là hữu thể nhân bản mới. Thứ hai, trong tư cách ấy, Người là “hoa trái đầu mùa” của tất cả những ai sẽ được làm cho sống động trong Người (1Cr 15:20-28), nghĩa là, Người thông truyền cho chúng ta sức mạnh ân sủng của Thần Khí Người vốn lên sức mạnh cho chúng ta và làm chúng ta có khả năng sống như Người đã sống, tham dự vào đường đi của Người và như thế thể hiện được trọn vẹn sự biến đổi và giải thoát được Thiên Chúa dự tính từ thuở bắt đầu sáng thế. Một lần nữa, Thiên Chúa làm

việc bên trong sáng thế để thể hiện ý muốn thần linh chứ không áp đặt ý muốn đó từ bên ngoài. Chúng ta quả tạo được sự khác biệt xiết bao cho việc cứu rỗi thế giới!

**Câu hỏi 63:** *Nếu ơn cứu rỗi vẫn còn là tương lai thì tại sao Chúa Giêsu lại nói “đã hoàn tất”?*

Tôi xin nhận xét trước nhất rằng chúng ta có ba cách trình bày khác nhau về những lời Chúa Giêsu nói trên thập giá trong các Tin Mừng. Máccô và Máttêu chỉ có lời nói về việc bị bỏ rơi (xem câu hỏi 57). Lúc Chúa Giêsu chết là khoảnh khắc của tối tăm và thảm kịch. Mặt khác, Luca tiếp tục hình ảnh Chúa Giêsu cầu nguyện, xin tha thứ cho những kẻ đang giết Người (23:34), ban ơn cứu rỗi cho tên tội phạm lên tiếng bên vực Người (23:43), và sau cùng phó mình hoàn toàn vào bàn tay Cha Người (23:46). Khoảnh khắc chết của Chúa Giêsu là khoảnh khắc tha thứ và hòa giải. Với Gioan, Chúa Giêsu tiếp tục làm chủ số phận của Người, được nâng cao và lên ngôi trên thập giá (18:33-37; 19:11.19-22), kéo mọi người về Người (12:42). Chúa Giêsu ứng nghiệm các niềm hy vọng của Israel bằng cách phó thác nó, trong con người của Mẹ Người, cho Giáo Hội trong con người của người môn đệ yêu dấu (19:26-27; xem câu hỏi 18). Biết rằng mọi sự đã ứng nghiệm, Người bảo đảm sự ứng nghiệm của sách thánh bằng cách nói: “Ta khát” (19:28). Cuối cùng, Người công bố rằng quả thật như thế bằng cách nói, “đã hoàn tất” (19:30). Người ta phải đọc những lời trên thập giá trong Tin Mừng Gioan dưới ánh sáng các diễn từ chia tay và lời cầu nguyện của Chúa Giêsu (các chương 13-17). Trong lời cầu nguyện, Chúa Giêsu thừa rằng Người đã hoàn tất công việc Chúa Cha đã trao cho Người thực hiện (17:4). Giờ đây, Người đi tự thánh hóa Người để những kẻ theo Người được thánh hóa trong sự thật (17:19). Khoảnh khắc Người chết là khoảnh khắc khi Người làm nên trọn mọi sự Người đến để làm và trao lại cho Chúa Thánh Thần (19:30) để những kẻ theo Người tiếp tục sống trong sự thật (14:15-17; 15:26; 16:13-15).

Từ viễn ảnh tôi đề nghị, Chúa Giêsu quả thực là Đấng mà trong Người ý định sáng tạo của Thiên Chúa cho ơn cứu rỗi phổ quát đã được thể hiện. Người là Cứu Chúa duy nhất. Chỉ bằng cách sống trong Thần Khí mà Người “tuôn trào” (Cv 2:33), chúng ta mới có thể hy vọng mang đến chỗ thể hiện trọn vẹn sự biến đổi và giải thoát vốn đã trọn vẹn nơi Người nhưng chưa trọn vẹn nơi chúng ta, để, đến cuối diễn trình, Người có thể trao nước trời lại cho Chúa Cha và “Thiên Chúa là tất cả trong tất cả” (1Cr 15:28). Bằng cách này, chúng ta mang tới hoàn thành điều vẫn còn thiếu trong các đau khổ của Chúa Kitô (Cl 1:24).

**Câu 64:** *Cái chết của Chúa Giêsu có thực sự chứng minh hay thực hiện được điều gì không? Nhìn vào thế giới ngày nay, hình như nó không thực hiện được điều tốt nào. Có gì thay đổi chưa?*

Bất cứ ta nói điều gì khác về nó, lịch sử vẫn bao gồm sự thay đổi thực sự. Nhưng nó bao gồm các chữ chi, các thoái bộ, những tầm nhìn thông sáng mất đi, những suy đồi, những đảo lộn, những tái khám phá, những khởi đầu mới. Vào một lúc nhất định nào đó, ta không thể nói liệu sự việc có trở nên tốt hơn hay xấu hơn. Các nhà triết học đã khai triển nhiều lý thuyết vĩ đại về lịch sử. Những người lạc quan làm chúng ta tin rằng chúng ta luôn tiến tới, bất chấp một số đình đốn và những điều cần cải thiện, một không tương luôn luôn mới mẻ. Những người bi quan, ngược lại, thấy thế giới đang đi xuống bờ tiêu diệt hoàn toàn. Chúng ta bị nhốt, bị giam kín, và cầm tù, và mỗi ngày một tệ hơn. Các quan điểm này phần lớn liên hệ tới vừa ghen và các xu hướng tự nhiên lẫn giá trị khả hữu của bất cứ thứ lý thuyết nào.

Đối với một Kitô hữu, vấn đề mang chúng ta trở lại với cách chúng ta quan niệm về sự quan phòng của Thiên Chúa. Như đã gợi ý (xem câu hỏi 59), Thiên Chúa không định trước, một cách nhất định, hình dạng của sự vật sắp tới, nhưng đúng hơn, mời gọi chúng ta cùng với Thiên Chúa tạo ra một tương lai tốt đẹp hơn cho mọi người. Thiên Chúa làm việc bên trong các khả thể của tự do con người và chấp nhận các giới hạn của nó (bao gồm cả tự do nhân bản của Chúa Giêsu). Điểm quan trọng là các chọn lựa giữa việc xây dựng trái đất hay việc phá hủy nó là điều có thực. Điều này có nghĩa: ngược với cả xác tín duy lạc quan lẫn duy bi quan, chúng ta nên chọn quan điểm duy thực tại. Nếu các chọn lựa là điều có thực, thì điều chúng ta làm để lên hình dạng cho các sự việc tương lai sẽ tạo ra khác biệt. Chúng ta không phải là những kẻ bàng quan.

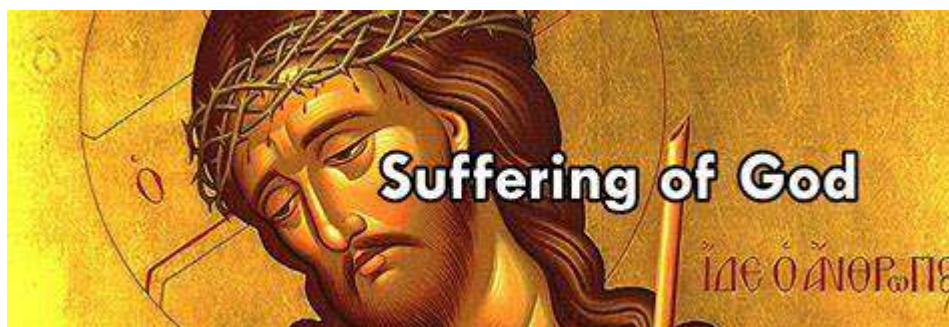
Mặt khác, các Kitô hữu đặt cơ sở cho niềm hy vọng của họ vào một tương lai tươi đẹp hơn nơi Thần Khí của Chúa Giêsu phục sinh. Thần Khí của Người làm chúng ta có khả năng và sức lực nhưng chúng ta phải đáp ứng và lãnh trách nhiệm cho sự sống đã được trao phó cho chúng ta. Chính đức tin bảo đảm với ta điều ta hy vọng, thuyết phục ta điều ta chưa trông thấy (Dt 11:1), nhưng nếu nó muốn chân thực, chứ không phải một ý nghĩ viển vông, đức tin như thế phải dựa trên kinh nghiệm thực sự. Nếu chúng ta hy vọng rằng Thần Khí Chúa Giêsu sẽ chiến thắng, thì chính vì chúng ta cảm nghiệm được sức mạnh biến đổi của Thần Khí ấy trong chính cuộc đời và tình yêu của chúng ta.

**Câu hỏi 65:** *Nhưng tại sao lại cần quá nhiều đau khổ và sự ác đến thế trên thế giới? Đúng hơn, há không vô nghĩa hay sao đối với những người đau khổ vì bất hạnh, bệnh tật hay nghèo đói?*

Thánh Phaolô viết: “Nếu chúng ta đặt hy vọng vào Đức Kitô chỉ vì đời này mà thôi, thì chúng ta là những kẻ đáng thương hơn hết mọi người” (1Cr 15:19). Bất hạnh thay, điều này thường được giải thích như cổ vũ việc thụ động mặc nhận sự ác, há miệng chờ sung ở trên trời khi ta chết. Giống Chúa Giêsu trước ngài, Thánh Phaolô biết rằng chúng ta phải đối đầu với những sự ác vốn nằm trong các khả năng con người này, cả nơi chúng ta lẫn nơi người khác. Chúng ta hy vọng ở sự biến đổi sau cùng của mọi sự vật trong Chúa Kitô (Pl 3:10.21) nhưng chúng ta biết rằng việc biến đổi như thế đã khởi sự ngay trong phép rửa của chúng ta, giúp chúng ta “bước đi trong sự mới mẻ của đời sống” (Rm 6:4).

Niềm hy vọng như thế không làm mất đi màu nhiệm sự ác; đúng hơn, đã nhấn mạnh nó. Sự ác không phải là một vấn đề có giải pháp hữu lý vì từ bản chất, sự ác luôn phi lý. Mọi mưu toan hữu lý hóa sự ác và làm nó vừa tầm với một hệ thống tư tưởng cao hơn đều đã thất bại. Bạn không thể hợp lý hóa điều phi lý. Câu hỏi thường được hỏi: tại sao Thiên Chúa để điều đó xảy ra cho tôi? không chấp nhận bất cứ câu trả lời nào. Vì nó khó như thế, nên câu hỏi khả thi duy nhất giữa biến cố bi thảm là: bây giờ, tôi có thể hay nên làm gì khi việc này xảy ra? Làm thế nào điều này cũng cùng làm việc với mọi điều khác cho điều tốt (Rm 8:28)?

Trong sách thánh, Thiên Chúa cho chúng ta hai câu trả lời cho câu hỏi về sự ác, không câu nào có lẽ là câu chúng ta muốn. Trong sách Gióp, câu trả lời duy nhất cuối cùng xuất hiện là: sự ác được phủ kín trong màu nhiệm của cùng vị Thiên Chúa đã trả lời từ cơn bão táp (G 38:1tt; 40:6tt). Có một số sự ác, như thiên tai chẳng hạn, đơn giản vượt quá quyền kiểm soát của ta hay sức hiểu của chúng ta. Nhưng về các sự ác phát xuất từ tâm hồn người ta và có thể thay đổi được thì sao? Câu trả lời thứ hai của Thiên Chúa là sai Con yêu dấu của Người đến bước đi trong liên đới với những người khốn cùng và bị áp bức nhiều nhất và chịu điều những người này chịu thậm chí đến cái chết của một người bị loại bỏ và tội phạm trên thập giá. Không hề có câu trả lời lý thuyết cho câu hỏi về đau khổ. Câu trả lời duy nhất của Thiên Chúa là bước đi với chúng ta trên đường, một con đường mới của sự thật và sự sống tìm cách thắng vượt quyền lực tội lỗi và sự chết từ bên trong trái tim con người.



**Câu hỏi 66:** *Nếu Chúa Giêsu là Thiên Chúa và chịu đau khổ trên thập giá, điều này có nghĩa Thiên Chúa chịu đau khổ sao?*



Dĩ nhiên, điều này là vấn đề cổ điển đầu tiên từng đối đầu các giáo phụ. Nếu chúng ta chủ trương sự trọn vẹn của nhân tính và sự trọn vẹn của thiên tính trong sự hợp nhất của một ngôi vị duy nhất, thì chúng ta phải nói rằng Con Thiên Chúa chịu đau khổ và chết trên thập giá (như chúng ta đọc trong Kinh Tin Kính). Cách tiếp cận thường được chấp nhận, chẳng hạn bởi thánh Athanaxiô, người bênh vực vĩ đại tính chính thống tại Nixêa, hẳn phải nói rằng Chúa Giêsu chịu đau khổ trong nhân tính của Người (hay xác thịt Người) chứ không phải trong thiên tính của Người. Điều này dựa vào ý niệm hoàn hảo của người Hy Lạp. Bất cứ sự thay đổi hay trở nên nào, nhưng nhất là đau khổ, đều ngụ hàm sự bất toàn. Đây là vấn đề của Ariô (xem câu hỏi 15): Làm thế nào chúng ta có thể nói: “Ngôi Lời đã thành xác phàm” mà vẫn chủ trương rằng Ngôi Lời vẫn là Thiên Chúa trọn vẹn? Mặt khác, Kinh Thánh không quan tâm tới lý tưởng trừu tượng về hoàn hảo nhưng tới Thiên Chúa hằng sống, Đấng “biết” một cách đích thân và tường tận (Xh 2:23-25) các đau khổ của dân và tìm cách giải thoát họ khỏi áp bức. Đây là vị Thiên Chúa của tình yêu cảm thương luôn bước đi với dân, giao ước với họ, chịu đựng sự bác bỏ của họ và đem họ tới đất hứa. Thiên Chúa của Israel không xa cách và vô cảm, không quan tâm và lơ đãng trước các bất hạnh của cộng đồng yêu quý. Vị Thiên Chúa này can dự và chịu ảnh hưởng sâu xa bởi lịch sử Israel và quả thực bởi lịch sử của mọi dân tộc.

Đối với các Kitô hữu, việc tự can dự của Thiên Chúa vào sáng thế và giao ước lên đến cao điểm với lịch sử bản thân của Chúa Giêsu, Con duy nhất và yêu dấu của Thiên Chúa, được ban cho chúng ta do tình yêu thần linh sâu sắc (Ga 3:16; Rm 8:31-39). Nhiều nhà thần học ngày nay, nhờ trở về với cách hiểu dựa nhiều vào Kinh Thánh hơn, đã khẳng định rằng quả thực Thiên Chúa đau khổ trong Chúa Giêsu. Nhưng Thiên Chúa chịu đau khổ trong tư cách Thiên Chúa, chứ không phải trong tư cách tạo vật. Ở đây, không hề có âm mưu giản lược Thiên Chúa xuống bình diện tạo vật, như người Hy Lạp sợ. Mặt khác, Thiên Chúa đã dại dột [foolish] khi dựng nên một thế giới trong đó Bản ngã thần linh bị liên lụy sâu xa và đích thân. Điều chúng ta làm hay chịu đau khổ quả có khác biệt đối với Thiên Chúa. Giống nhà nghệ sĩ đồng nhất hóa và quán quát qua lại một cách không thể gỡ ra với sáng tạo nghệ thuật của mình, Thiên Chúa trong tư cách Đấng Tạo Dựng đã tạo ra một thế giới trở thành thế giới riêng của Người, “nơi” của Người, chính thân thể của Người tức là biểu thức về Người nói lên tính sáng tạo thần linh. Nếu Chúa Con chịu chết vì tình yêu vâng phục, thì dù khó hiểu bao nhiêu đi nữa, Chúa Cha cũng chịu cùng cái chết do tính viên mãn của tình yêu thần linh.

#### **IV. Sự phục sinh của Chúa Giêsu: Biến cố thần học có tính quyết định**

**Câu 67:** *Hà Thiên Chúa đã không thắng vượt cái chết của Chúa Giêsu trong biến cố phục sinh hay sao? Thập giá là biến cố quá khứ. Hà chúng ta không nên nhấn mạnh tới phục sinh hay sao?*

Nếu Chúa Giêsu chỉ chết trên thập giá, bị khinh bỉ như một thất bại và bị đóng đinh như một tội phạm, tôi hồ nghi chúng ta còn nói về Người ngày nay. Phục sinh đem lại ý nghĩa cho thập giá như một mặc khải việc Thiên Chúa sẵn lòng chấp nhận sự sống và cái chết nhân bản này như là của riêng Thiên Chúa. Nhưng, mặt khác, thập giá cũng đem lại ý nghĩa cho phục sinh. Chúng ta không nói đến lòng mong chờ phục sinh phổ quát vào ngày tận thế, một điều mà một số người đương thời với Chúa Giêsu tin là đang xảy tới, nhưng nói đến sự phục sinh của con người này là Chúa Giêsu thành Nadarét, bị kết án là tên phạm thượng bởi nhiều người thuộc dân tộc của Người, bị đóng đinh như tên phản loạn của quyền lực chiếm đóng La Mã và đã chết bị Thiên Chúa nguyên rửa và bỏ rơi (Gl 3:13; Mc 15:34tt). Thập giá và phục sinh, dù là những khoảnh khắc có thể phân biệt được, đã hình thành một biến cố không thể tách biệt. Hình ảnh người cha chạy ra đường, ôm lấy con trai mình và hôn lấy hôn để đưa con trong dụ ngôn người có hai con trai (Lc 15:11-32), đối với tôi, là hình ảnh mạnh mẽ và cảm động của phục sinh. Trong trường hợp Chúa Giêsu, Chúa Con, dù vô tội, “đã trở thành tội lỗi” chịu trọn vẹn các hậu quả của khả năng làm điều ác của con người. Chúa Cha, vào khoảnh khắc Chúa Con chịu chết, ôm lấy Người bằng sức lực sáng tạo, biến đổi của Chúa Thánh Thần.



Thiên Chúa mãi trung thành trong tình yêu thậm chí dù bị con người thù nghịch và bác bỏ. Đáp trả thần linh đối với sự cứng lòng của con người tiếp tục là điều Thiên Chúa vốn là do bản tính: “Tình yêu trung thành” (Tv 89:1-2; một thể tài chung xuyên suốt Kinh Thánh Do Thái).



Hai chiều kích của lòng trung thành nhân bản và lòng trung thành thần linh hẳn mãi bất khả tách biệt trong biến cố thập giá-phục sinh. Sự sống nhân bản này, từ lúc được tượng thai cho tới lúc chết, với mọi đấu tranh và cảm dỗ cũng như hân hoan và chiến thắng, là chính sự sống nhân bản của Thiên Chúa. Không phải sự sống nhân bản của Chúa Giêsu chỉ cho chúng ta thấy một cách khả hữu để đạt được cuộc giải phóng nhân bản thực sự; giờ đây nó được tuyên bố là cách duy nhất. Nhưng sự sống nhân bản này có nguồn gốc của nó trong tình yêu trung thành của Thiên Chúa: được tượng thai trong quyền lực Chúa Thánh Thần, được Chúa Thánh Thần xúc dầu, “xét như Đấng đã từ cõi chết sống lại nhờ Thánh Thần, Người đã được đặt làm Con Thiên Chúa với tất cả quyền năng” (Rm 1:4). Chúng ta biết rằng Chúa Giêsu mãi trung thành với chúng ta, vâng phục sứ mệnh thần linh đã trao cho Người, vì Thiên Chúa đã cho Người trỗi dậy từ cõi chết. Chính trọn cuộc sống của Người, nhưng nhất là lòng trung thành của Người trên thập giá, đã biến đổi phận người và giúp chúng ta trở nên con cái Thiên Chúa trong Người (Rm 8:12-17). Tuy nhiên, lòng trung thành nhân bản của Người có nguồn gốc và cùng đích của nó trong lòng trung thành thần linh. Chính việc Thiên Chúa ôm lấy sự sống và cái chết nhân bản này làm của riêng đã chiến thắng được quyền lực sự chết và ban cho ta tính mới mẻ của sự sống.

**Câu 68:** *Có phải cha nói rằng Chúa Giêsu không phải là Thiên Chúa cho tới lúc phục sinh?*

Không, nhưng điều tôi muốn nói là bất cứ ta hiểu thế nào khi gọi Chúa Giêsu là Thiên Chúa phải tính đến sự sống nhân bản trọn vẹn của Người. Vì sự hợp nhất của Người với thể thần linh, Chúa Giêsu không hề kém nhân bản hơn chúng ta. Ngược lại, chính việc Người kết hợp với thể thần linh làm Người nên trọn vẹn nhân bản hơn cả, “Đấng duy nhất nhân bản” hay “Con Người”, Đấng một cách trọn vẹn, nhưng một cách độc đáo, thể hiện ý định sáng tạo của Thiên Chúa dành cho toàn bộ nhân loại. Điều Người là do bản chất, chúng ta có nhờ được nhận làm con nuôi (hay tham gia) trong Người (Rm 8:15). Điều việc phục sinh mạc khải là

sự trọn vẹn của nhân tính. Chúa Giêsu không kém phần nào vì là thần linh; đúng hơn, chúng ta mới là người ít có tính nhân bản hơn khi ra xa lạ hay tách khỏi thể thần linh. Tội lỗi không làm chúng ta thành nhân bản; nó phi nhân hóa chúng ta vì nó cắt đứt chúng ta khỏi nguồn duy nhất của nhân tính đích thực, tức Thiên Chúa của Chúa Giêsu, sống động, tích cực, hiện diện trong tâm hồn và trong mọi liên hệ của chúng ta.

Như thế, phục sinh đem đến hoàn tất hay hoàn thành ý định sáng tạo của Thiên Chúa dành cho nhân loại. Dùng hình ảnh trái ngược của khái huyền (sự khác biệt giữa thế giới này và thế giới đang đến), Thánh Phaolô nói rằng điều được gieo trồng là “thân thể có sinh khí”. Ngài nhắc tới Sáng thế 2:7 trong đó, hữu thể nhân bản đầu tiên (Ađam) được dựng nên từ bụi đất và hơi thở Thiên Chúa (Thần Khí) đến nỗi điều được hình thành là một “hữu thể sống động”. Đây là hiện hữu “Ađam” nhân bản bình thường mà tất cả chúng ta, và đặc biệt nhất là Chúa Giêsu, trải nghiệm. Nhưng, như Thánh Phaolô khai triển thêm tại thư Rôma, các chương 5-7, sự sống nhân bản này lệ thuộc sức mạnh của tội lỗi (chương 5), sự chết (chương 6) và lề luật (chương 7). Ngược lại, theo thánh Phaolô, điều được trỗi dậy là “thân thể có thần khí” (như thường được phiên dịch tại *ICr 15:44*). Tôi nghĩ điều này có nghĩa: điều được trỗi dậy nằm trong tính liên tục thể xác (*sōma*=thể xác, dùng trong cả hai cách nói) với điều được gieo trồng, nhưng giờ đây, “con người có thân xác” đã được biến đổi bởi quyền năng sáng tạo của Thần Khí Thiên Chúa. Nó là một tạo vật mới, một hữu thể nhân bản mới.

Theo truyền thống, chúng ta vốn nói tới 3 ơn phúc mà Ađam và Evà đã nhận được nhưng đã đánh mất, tức là ơn thánh hóa (kết hợp với thể thần linh), ơn toàn vẹn (thực thi trọn vẹn và hài hòa các khả năng nhân bản mà không có bất cứ xu hướng nào hướng tới tư dục hay yếu đuối xác thịt), và bất tử (theo nghĩa không lệ thuộc sức mạnh của sự chết). Một cách tương ứng, mỗi ơn phúc này đều có điều ngược lại với nó: đó là tội lỗi – lề luật – sự chết (như đã được Thánh Phaolô khai triển trong thư Rôma, các chương 5-7). Bất chấp chúng ta hiểu câu chuyện Ađam và Evà ra sao, đối với Thánh Phaolô, điều chắc chắn đúng là Thiên Chúa đã chiến thắng quyền lực của tội lỗi, lề luật và sự chết trong việc phục sinh của Chúa Giêsu (*ICr 15:56-57; Rm 8*). Theo tôi, Chúa Giêsu khi sống lại đã thể hiện trong Người và do đó, bằng cách tham gia, đã làm cho việc biến đổi trọn vẹn và sau cùng thân phận của con người thành có sẵn cho mọi con người (*ICr 15:51-52*): kết hợp với thể thần linh, một hiện hữu tích hợp nhân bản, và chiến thắng kẻ thù cuối cùng là sự chết.

**Câu 69:** *Hiện nay, Chúa Giêsu có cùng một thân xác như Người đã có trước khi chết không?*

Thánh Phaolô có bàn đến vấn đề này. Ngài nói rằng “có người sẽ nói : Kẻ chết trỗi dậy thể nào? Họ lấy thân thể nào mà trở về?” (*ICr 15:35*). Thật vậy, ngài bảo: đây là câu hỏi ngớ ngẩn, tuy nhiên, ngài vẫn tiếp tục trong một số câu (các câu 35-57) giải thích điều ngài muốn nói. Ngài dựa vào các loại suy trong thiên nhiên để chứng minh rằng có nhiều loại thân xác. Trọng điểm là Thiên Chúa ban cho mỗi người thân xác riêng tùy ý Thiên Chúa tự do lựa chọn. Toàn bộ sáng thế và nhất là việc phục sinh tùy thuộc óc sáng tạo thần linh. Điểm căn bản của ngài là chứng minh sự tương phản giữa điều được gieo trồng và điều được trỗi dậy, nhưng sự tương phản này cũng ngụ ý tính liên tục như một biến đổi nhân bản (các câu 51-53; *Pl 3:21*).

Một điều chắc chắn: thân xác sống lại không phải là xác chết được hồi sinh nghĩa là việc trở về sự sống đời này để rồi sau đó vẫn phải đương đầu với sự chết như trường hợp Ladarô (*Ga 11:38-44; 12:10*). Thánh Phaolô không tìm cách đưa ra một mô tả thể lý về thân xác sống lại. Đúng hơn, ngài khai triển ý nghĩa thần học như là chiến thắng của Thiên Chúa trên tội lỗi, lề luật và sự chết. Nhưng ẩn dụ phục sinh (“thức dậy từ giấc ngủ”) là điều quan trọng. Bất tử theo nghĩa một sự tách rời của linh hồn thiêng liêng có thể sống hoài hoài khỏi các giới hạn của thân xác thể lý vốn là một ý niệm Hy Lạp. Hình ảnh Do Thái về phục sinh có tính cách toàn bộ (holistic) hơn. Nó ám chỉ toàn bộ con người như một tinh thần có thân xác không thể tách biệt

được. Khi Thánh Phaolô sử dụng *sōma* (thân xác), ngài có ý nói đến toàn bộ con người. Cùng một con người-thân xác này sống qua quãng đời nhân bản thông thường từ lúc sinh tới lúc chết tiếp tục sống bên kia cái chết, nhưng nay, trong vinh quang sống lại như được biến đổi bởi quyền lực sáng tạo của Thần Khí Thiên Chúa. Tính liên tục bao gồm cả bản sắc (cùng một con người) lẫn khác biệt (biến đổi nhân bản). Chúng ta không thể mô tả bằng các hạn từ thể lý, thân xác sống lại sẽ như thế nào. Chúng ta chỉ có thể nói về nó bằng loại suy với các kinh nghiệm nhân bản bình thường của chúng ta, cùng một lúc khẳng định rằng nó hoàn toàn vượt lên trên các kinh nghiệm của chúng ta. Một loại suy tốt là kinh nghiệm bản thân của ta về lớn lên và phát triển. Chúng ta biết rằng chúng ta vẫn là cùng một con người ở lúc mới sinh, tuy nhiên, chúng ta cũng biết rằng chúng ta đã thay đổi một cách căn đẽ.

Nhận xét cuối cùng: ý nghĩa của việc phục sinh thân xác không nên bị giới hạn vào bản ngã cá nhân của chúng ta. Cuộc phục sinh của Chúa Giêsu là khởi đầu một cuộc biến đổi toàn bộ vũ trụ. Như thế, ý nghĩa trọn vẹn của phục sinh chỉ có thể được biết đến khi mọi tạo vật lớn nhỏ đều được biến đổi trong Chúa Kitô. Giáo Hội tiên khởi đã nhìn nhận một bài thánh ca tuyệt vời (*Cl* 1:15-20), hát rằng nếu Chúa Giêsu là “trưởng tử trong số những người từ cõi chết” thì Người cũng là “trưởng tử của mọi loài thụ tạo”.

**Câu hỏi 70:** *Con đã nghe một số người gọi Chúa Giêsu là “Đấng Kitô vũ trụ”. Điều này nghĩa là gì?*

Xin nói nhanh, dưới ánh sáng phục sinh, Giáo Hội tiên khởi tri nhận rằng chức chúa của Chúa Kitô Phục sinh trải dài trên khắp sáng thế. Phục sinh đôi khi được gọi là “biến cố cánh chung” nghĩa là nó là hành vi cuối cùng và có tính quyết định của óc sáng tạo của Thiên Chúa đối với toàn bộ sáng thế. Nếu Chúa Giêsu như Đấng Sống Lại đồng nhất hóa với hành vi cuối cùng và có tính quyết định của Thiên Chúa, thì điều này hàm ý Người đồng nhất hóa với toàn bộ óc sáng tạo của Thiên Chúa từ khởi thủy cho đến tận cùng. Nói cách khác, Người đồng nhất với toàn thể vũ trụ.

Đó là năng động tính của bài thánh ca tiên khởi chúng ta thấy được lồng vào thư gửi tín hữu Côlôxê (1:15-20). Bài thánh ca này có hai phần chính tự giải thích hỗ tương cho nhau. Phần thứ nhất (các câu 15-18b), tức phần bắt đầu “Người là hình ảnh của Thiên Chúa vô hình, trưởng tử mọi loài thụ tạo” thăm dò các hàm ý vũ trụ của việc phục sinh. Mọi sự được tạo dựng trong Người, nhờ Người, và cho Người để Người nâng đỡ toàn bộ vũ trụ. Phần thứ hai (các câu 18c-20), tức phần bắt đầu “Người là khởi nguyên, là trưởng tử trong số những người từ cõi chết sống lại” khẳng định rằng chính việc sống lại của Người đã tạo nên sự ưu việt của Người đối với mọi loài. Như thế, chính sự phục sinh, sự viên mãn của của tình yêu hòa giải của Thiên Chúa trong Người nay ban cho Người việc thống trị và quyền lực khắp mặt đất, trên cả người sống lẫn người chết. Theo *1Pr* 3:18-22 (đoạn chứa các mảnh của một bài thánh ca xưa nữa), Chúa Giêsu sống lại ‘được làm cho sống động trong Chúa Thánh Thần’ đã rao giảng trong lãnh vực người chết cho những người “thời xưa đã không vâng lời”. Chúa sống lại có quyền lực trải rộng trở lại khắp các tổ tiên và chuyên dịch hướng tới chiến thắng cuối cùng “trên các quyền lực vũ trụ” (*Eph* 6:12; so sánh *1Cr* 15:20-28).

Ngon ngữ Kinh Thánh có lúc khá mạnh mẽ và có tính khai huyền: một cuộc chiến đấu chống các kẻ thù vốn thù nghịch và ác độc và có uy lực riêng của chúng. Có lúc lại khá yêu thương và hòa giải: một biến đổi hòa bình mọi sự trong Chúa Kitô. Thay vì đặt hình ảnh này chống lại hình ảnh kia như thể chúng mâu thuẫn nhau, đối với tôi, xem ra có ích hơn khi tiếp nhận quan điểm thực tiễn hơn (xem câu hỏi 64). Cả hai đều khả hữu. Hình dạng cuối cùng của thế giới sắp đến sẽ tùy thuộc cách ta đáp ứng màu nhiệm ý định của Thiên Chúa “đặt nơi Chúa Kitô” (*Eph* 1:9).

**Câu 71:** *Nay nếu Chúa Giêsu có quyền lực như thế, tại sao Người không đơn giản ở lại trên mặt đất để tiếp tục giúp đỡ chúng ta?*

Đầu sách Công vụ cũng đặt câu hỏi tương tự khi các tông đồ hỏi: “Lạy Chúa, nay có phải là lúc Chúa sẽ tái lập vương quốc cho Israel không?” (Cv 1:6). Tin Mừng Luca và sách Công vụ là nguồn thực hành phụng vụ của chúng ta đã rõ ràng dị biệt hóa thập giá, phục sinh, lên trời, và sai Chúa Thánh Thần xuống. Tin Mừng Gioan, ngược lại, thấy mọi sự diễn ra trên thập giá. Việc đóng đinh Chúa Giêsu là sự hiển dương Người và là khoảnh khắc khi Người trao lại cho Chúa Thánh Thần. Khi Chúa Giêsu tỏ cho các môn đệ thấy các bàn tay và cạnh sườn Người trong trình thuật phục sinh (Ga 20:19-23), rõ ràng Người hướng họ tới thập giá để hiểu đúng đắn cả việc phục sinh lẫn ơn phúc Chúa Thánh Thần, như chúng tá dưới chân thập giá đã nhấn mạnh (19:35). Trọng điểm là thập giá-phục sinh-lên trời-hiện xuống tạo thành một biến cố đơn nhất theo viễn tượng thần học. “Biến cố” đó là biến cố khai huyền. Nó là hành vi cuối cùng và có tính quyết định của Thiên Chúa bao trùm và hoàn tất toàn bộ lịch sử con người. Trong tư cách ấy, nó mạc khải ngày tận cùng của lịch sử. Cho dù lịch sử như chúng ta biết vẫn tiếp tục cho đến nay, bằng cách dự ứng, Thiên Chúa đã mạc khải nơi Chúa Kitô ý định thần linh dành cho toàn thể.

Theo một nghĩa nào đó, Thiên Chúa có thể nói với chúng ta về ý định thần linh không nhiều hơn điều này: chính vào lúc chết, tình yêu thần linh sẽ ôm lấy chúng ta. Cái ôm tình yêu biến đổi này bao gồm toàn bộ sáng thế. Chúa Giêsu quả là “trường tử của trọn bộ sáng thế”. Quyền năng mà hiện nay Chúa Giêsu có là quyền năng của Thần Khí Người. Do đó, chỉ có một câu trả lời khả hữu cho câu hỏi của các môn đệ: “nhưng anh em sẽ nhận được sức mạnh của Thánh Thần khi Người ngự xuống trên anh em. Bấy giờ anh em sẽ là chứng nhân của Thầy tại Giêrusalem, trong khắp các miền Giuđê, Samari và cho đến tận cùng trái đất” (Cv 1:8). Chúa Giêsu sống lại sống với Thiên Chúa trong một hiện hữu biến đổi và hiển dương. Trong tư cách ấy, Người không thể trở về đời này như chúng ta biết nó. Nhưng Người tiếp tục hiện diện trong quyền năng Thánh Thần của Người. Điều là như thế rất thích hợp với hình ảnh Thiên Chúa như Đấng đối thoại (xem câu hỏi 59). Qua các mâu nhiệm vượt qua, Chúa Giêsu nên năng lực để chúng ta đáp trả và lãnh trách nhiệm cho tới khi Người trở lại. Chúng ta được mời gọi tạo ra với Người việc thể hiện trọn vẹn và sau cùng nước Thiên Chúa.

**Câu 72:** *Về các lần hiện ra với các môn đệ thì sao? Há chúng không cho thấy Chúa Giêsu trở lại đời này ít nhất cũng trong giây lát hay sao?*

Ở đây, điều hữu ích là phân biệt truyền thống trước đây và các phát triển sau này. Thánh Phaolô cung cấp các kiểu nói trước nhất, điều mà ngài nói ngài đã nhận được (có thể ở Đamát vào khoảng thời gian ngài trở lại khoảng 3 năm sau cái chết của Chúa Giêsu) ở 1Cr 15:3-8. Bốn yếu tố chủ yếu là những tuyên bố đơn giản cho hay Chúa Giêsu chết, Người được chôn cất, Người đã trở dậy và Người đã hiện ra với Cephas. “Được chôn cất” củng cố “đã chết” theo nghĩa cái chết của Người là có thực. Cùng cách đó, “hiện ra” củng cố “trở dậy”. Mật thiết với tuyên bố Chúa Giêsu trở dậy là sự kiện Người hiện ra với Simong Phêrô. Đây là tuyên bố căn bản của Giáo Hội sơ khai, một điều cũng được phát biểu ở Luca 24:34 như sau: “Chúa trở dậy thật rồi, và đã hiện ra với ông Simong.” Liệu Phêrô có phải là người đầu tiên theo nghĩa thời gian hay không, cuối cùng, ngài vẫn được dành cho vị trí tối thượng có tính biểu tượng như là “đá tảng” hay nền tảng của đức tin Kitô giáo. Theo nguyên tắc, chỉ một mạc khải này là cần thiết. Nhưng Thánh Phaolô liệt kê các người khác: nhóm mười hai, hơn năm trăm người, Giacôbê, mọi tông đồ, và sau cùng, chính ngài. Nhưng ngài nhấn mạnh trải nghiệm này, trong yếu tính, y như nhau, vì chỉ có một Tin Mừng bởi chỉ có một mạc khải.

Thánh Phaolô là tông đồ duy nhất cho chúng ta trình thuật đầu tay về một trải nghiệm như thế (Gl 1:6-24). Ngài không mô tả trải nghiệm chủ quan bằng các hạn từ thể lý, như Luca mô tả cuộc trở lại của Phaolô (ở ba đoạn khác nhau: Cv 9:1-222; 22:3-16; 26:4-18). Có lẽ nó bao gồm một hình thức nhìn và nghe nào đó, nhưng thánh Phaolô nhấn mạnh đến tính sinh hoạt thần linh. Chính Thiên Chúa Đấng “vui lòng mạc khải Con của Người cho tôi” (Gl 1:16). Ngài nhấn mạnh rằng Tin Mừng được ngài công bố không đến với ngài qua bất cứ trung gian con người nào mà chỉ “qua mạc khải của Chúa Giêsu Kitô” (1:11-12). Chính mạc khải



này đem lại cho ngài sứ mệnh của ngài “để tôi công bố Người cho Dân Ngoại” (1:16). Qua suốt sự nghiệp ngài, Thánh Phaolô nhấn mạnh rằng ngài cũng là một tông đồ vì ngài đã được thấy Chúa Giêsu (ICr 9:1). Một mạc khải duy nhất và độc đáo đã sản xuất ra một Tin Mừng duy nhất vốn y như nhau đối với mọi tông đồ (Gl 1:6-9; 2:1-10; ICr 15:1-2.11). Như thế, “các lần hiện ra”, ở một bình diện sớm sủa nhất và nền tảng nhất, có nghĩa một tỏ lộ có tính mạc khải từ Thiên Chúa về sự hiện diện và ý nghĩa của Chúa Giêsu. Vì chính sự phục sinh là một biến cố cánh chung biểu thị tận cùng của lịch sử. Sẽ không thể có một mạc khải khác có tính sau cùng và quyết định theo nghĩa này. Sáng kiến mạc khải của Thiên Chúa kêu gọi một đáp trả đức tin bao gồm việc được sai đi thi hành sứ mệnh để công bố điều này. Đây là nền tảng tông truyền của Giáo Hội.



**Câu hỏi 73:** *Hà Chúa Giêsu đã không ăn uống với các môn đệ sau khi Người sống lại hay sao?*

Điều đó đem chúng ta trở về với những khai triển sau này đối với truyền thống, và nhất là đối với các trình thuật hiện ra. Các trước tác của Thánh Phaolô cho chúng ta tuyên bố căn bản của Giáo Hội tiên khởi này: Chúa Giêsu đã sống lại và hiện ra với mọi tông đồ từ Phêrô tới chính Phaolô. Dù Thánh Phaolô biết Chúa Giêsu được chôn cất, nhưng ngài không bao giờ nhắc đến ngôi mộ trống. Điều này xuất hiện trước nhất trong Mc 16:1-8 (các câu 9-20 sau này được thêm vào Tin Mừng này). Nhưng trong Máccô, không có vụ Chúa Giêsu hiện ra nào. Một “thanh niên” (một nhân vật mạc khải giống như thiên thần) công bố với các phụ nữ lời công bố căn bản: “Người đã trỗi dậy” (câu 6). Ngôi mộ trống nay chúng ta là dịp cho việc phát triển các câu truyện về các lần hiện ra của Chúa Giêsu. *Mátthêu* 28:1-20 mô tả một điều có tính chuyển tiếp. Ngài giữ lại và quả thực khai triển cuộc gặp gỡ có tính mạc khải với thiên thần nhưng rồi đặt nó song hành với một lần hiện ra tương tự của chính Chúa Giêsu (các câu 9-10). Dù thế, tập chú hàng đầu của *Mátthêu* là tập chú vào lời dạy của Chúa nay đã được hiển dương cho các môn đệ Người mọi thời cho đến tận thế (các câu 16-20). Chính với *Luca* 24:1-53, chúng ta đến gần nhất với việc tưởng tượng Chúa Giêsu phục sinh như một thân xác phục sinh. Người ăn với các môn đệ và cho phép họ sờ đến Người để chứng tỏ rằng Người không phải là bóng ma nhưng thực sự có “thịt có xương”. Thế nhưng, cũng trong *Luca*, quan tâm hàng đầu cũng là thông truyền lời công bố căn bản (các câu 5-7.19-20.26.34.46) vốn được liên kết chặt chẽ với việc ứng nghiệm sách thánh (các câu 25-27.32.44-46). Việc chứng minh một cách cực thể lý (các câu 36-43) có thể là cách *Luca* làm ứng nghiệm lời tiên đoán của Chúa Giêsu trong bữa tiệc ly rằng Người sẽ không ăn không uống “cho đến khi nó được ứng nghiệm trong nước Thiên Chúa” (22:15-18). Cuối cùng, Gioan trình

bày một loại thách thức cho những ai nhân mạnh tới việc chứng minh thể lý mới chịu (Tôma hồ nghi). “Phúc thay những người không thấy mà tin” (Ga 20:29).

Mọi nguồn của chúng ta nhất trí đối với sự kiện nền tảng của Kitô giáo này: Thiên Chúa đã thực sự và quả thực nâng Chúa Giêsu dậy từ cõi chết. Đây là sự kiện không thể thiếu, trên đó toàn bộ đức tin Kitô giáo đặt căn bản. Bất chấp việc người ta có quyết định tin rằng Chúa Giêsu theo nghĩa đen có hiện ra với các môn đệ như *Mátthêu*, *Luca* và *Gioan* thuật lại hay không, người ta không thể duy trì tính liên tục với truyền thống tông đồ mà lại bác bỏ sự kiện phục sinh. Trình thuật của *Luca* về hai môn đệ trên đường đi Emmau (24:13-35) là một trình thuật tuyệt vời mang lại cho chúng ta hình dạng hết sức cụ thể cho hình ảnh của chúng ta về Chúa Giêsu phục sinh. Nhân vật phục sinh và màu nhiệm này là ai? Người cùng là một Chúa Giêsu mà chúng ta đã biết trước khi Người chịu chết: Chúa Giêsu, Đấng cùng bước đi với chúng ta trên đường, giải thích sách thánh cho chúng ta, bước vào nhà chúng ta và bẻ bánh với chúng ta. Người vẫn là cùng một Chúa Giêsu nhưng nay được biến đổi bởi quyền năng Chúa Thánh Thần. Chúng ta tiếp tục nhận ra Người khi bẻ bánh.

**Câu hỏi 74:** *Nếu ngôi mộ trống thậm chí không được nhắc đến cho tới tận cùng Tin Mừng Máccô, thì nó quan trọng ra sao? Nó có chứng minh rằng Chúa Giêsu đã sống lại không?*

Trong và bởi chính nó, ngôi mộ trống chẳng chứng minh được gì. Nó là một sự kiện mơ hồ cần được giải thích. Các môn đệ có lầm lẫn đi vào một ngôi mộ khác không vì Người vốn được chôn cất bởi các địch thủ của Người (điều này xem ra là nghĩa tự nhiên của câu Cv 13:29)? Các môn đệ có đánh cắp xác của Người không (một lời tố cáo đã được nhắc đến ở Mt 28:11-15)? Chúa Giêsu có sống lại từ cõi chết không (như các Kitô hữu chủ trương)? Tất cả những điều này đều là các giải thích khả hữu. Giống các trình thuật hiện ra, ngôi mộ trống không chứng minh việc phục sinh. Đúng hơn, chính đức tin phục sinh đã giải thích ý nghĩa của ngôi mộ trống. Có lẽ chính vì lý do này mà nó hoặc được giả thiết và làm ngơ hoặc không được biết đến trong các trước tác của Thánh Phaolô. Nhưng, vì tính ưu tiên của biểu lộ mạc khải và đáp trả đức tin tương ứng, ngôi mộ trống cũng trình thuật về nó quả hữu ích trong việc làm cho hình ảnh của chúng ta về Chúa Giêsu phục sinh cụ thể hơn. Trong trường hợp này, nó cũng có đặc tính “thể lý” hay “thể xác” của phục sinh.

Ngay cho dù ngôi mộ trống không được nhắc đến cho tới cuối Tin Mừng Máccô khoảng năm 69 CN, xem ra không có lý do vững chắc nào để hoài nghi cốt lõi lịch sử của truyền thống. Tuyên bố đơn giản tìm thấy nơi Tin Mừng Gioan 20:1: “Sáng sớm ngày thứ nhất trong tuần, lúc trời còn tối, bà Maria Mađalêna đi đến mộ, thì thấy tảng đá đã lăn khỏi mộ”. Maria Mađalêna là người được mọi truyền thống nhắc đến. Trong tình trạng hoảng loạn (Ga 20:2.11-15), bà ra thăm mộ, có lẽ để dành cho Người một việc chôn cất xứng đáng, và thấy nó trống rỗng. Dựa vào giả thiết ngôi mộ được biết đến, liệu Giáo Hội tiên khởi có công bố việc Chúa Giêsu phục sinh không, trong bối cảnh nó được giải thích trong những ngày ấy, nếu xác Người còn ở trong mộ? Điều đáng lưu ý là ngôi mộ trống chưa bao giờ bị nghi vấn vào thời đó, chỉ các cách giải thích nó bị nghi vấn mà thôi (Mt 28:15).

## V. Người công bố như Người được công bố: khai triển truyền thống trong Giáo Hội

**Câu hỏi 75:** *Bao nhiêu điều trong những điều chúng ta biết về Chúa Giêsu tùy thuộc vào việc phục sinh?*

Tôi dám nói mọi điều chúng ta nói về Chúa Giêsu đều tùy thuộc việc phục sinh. Nhưng không được hiểu phục sinh như một biến cố cô lập, không liên hệ gì tới thập giá cho bằng nói rõ đó là sự phục sinh của đấng chịu đóng đinh (xem câu hỏi 67). Thêm vào thập giá-phục sinh như một biến cố duy nhất không thể tách biệt, chúng ta phải liên kết biến cố này với đời sống nhân bản và lịch sử của Chúa Giêsu trước đó và với đời

sống liên tục đầy Thần Khí của Giáo Hội tiếp theo đó. Toàn bộ phức thể này tạo nên “biến cố Kitô” nghĩa là toàn bộ câu truyện của Chúa Giêsu.

Điều khiến Giáo Hội sơ khai có thể di chuyển từ việc Chúa Giêsu tuyên bố về nước Thiên Chúa qua việc công bố Chúa Giêsu như Đấng Kitô và Chúa là trải nghiệm phục sinh đầy tính mạc khải. Điều trải nghiệm này mạc khải không những chỉ là các môn đệ nay biết Người một cách họ chưa biết Người trước đây, nghĩa là, nhận thức của họ về Người đã thay đổi. Điều trải nghiệm này mạc khải, trong căn bản, là nhiều điều hơn việc Chúa Giêsu nay ra khác, là Người đã thay đổi, đã biến thành hữu thể nhân bản mới, Con Người. Chúa Giêsu vốn công bố rằng Thiên Chúa sẽ minh oan cho thừa tác vụ của Người bằng cách sử dụng hình ảnh khải huyền về “Ngày của Con Người”. Sự thất bại và bị bác bỏ của Người đã được đảo ngược và vượt qua nhờ “biến cố” khải huyền thập giá-phục sinh. Kết luận tất yếu phát sinh từ cùng một Thần Khí, Đấng đã xúc dầu và linh hứng Chúa Giêsu trong thừa tác vụ của Người và biến đổi Người trong vòng ôm yêu thương thần linh là Chúa Giêsu nay là Con Người. Đây có lẽ là khẳng định minh nhiên sớm sủa nhất về căn tính của Người, sử dụng danh hiệu Kitô học mà chúng ta có.

Khẳng định trên rất nhanh chóng dẫn tới tầm nhìn thông sáng cho rằng nếu Người được đồng nhất hóa với hành vi cuối cùng và có tính quyết định của tính sáng tạo Thiên Chúa trong việc phục sinh, thì Người được đồng nhất hóa với toàn bộ sinh hoạt sáng tạo của Thiên Chúa. Như thế, Người được coi như Con Người, Đấng chẳng bao lâu nữa sẽ trở lại trong quyền năng và vinh quang vĩ đại (Mc 13:24-27); như Con Người được hiển dương bên tay hữu Thiên Chúa (Mc 14:62); như Con Người có thẩm quyền trên trái đất để tha tội và thách thức quyền lực thời Người (Mc 2:10.28); như Con Người từng phải chịu bị bác bỏ và sát hại (Mc 8:31; 9:31; 10:33). Chẳng bao lâu sau, các tước hiệu khác đã xuất hiện giúp Giáo Hội nói rộng và phát triển cái hiểu Kitô học của mình, nhưng tất cả những phát triển này đều bắt nguồn và đặt cơ sở trên trải nghiệm phục sinh có tính trung tâm và dứt khoát. Chất xúc tác không thể thiếu là ơn linh hứng của Chúa Thánh Thần, Đấng dẫn dắt Giáo Hội sơ khai vào toàn bộ sự thật về Chúa Giêsu (Ga 16:12-15).

**Câu hỏi 76:** *Có phải cha muốn nói Chúa Giêsu trở nên một điều Người không là trước đó không?*

Không. Không khi nào có lúc Chúa Giêsu không là Con Người và là Con Thiên Chúa, là Đấng Kitô và là Chúa. Có những bản văn Kinh Thánh, nếu xét một cách cô lập, dường như có thể nói ngược lại. Thí dụ, diễn từ của Thánh Phêrô trong Lễ Ngũ Tuần, nhằm mục đích công bố việc phục sinh, hiển dương Chúa Giêsu và tuân đổ Thần Khí, đã kết luận: “Vậy toàn thể nhà Israel phải biết chắc điều này: Đức Giêsu mà anh em đã treo trên thập giá, Thiên Chúa đã đặt Người làm Đức Chúa và làm Đấng Kitô” (Cv 2:36). Câu này nghe như thể Chúa Giêsu lần đầu tiên được thiết lập như vậy lúc phục sinh, thế nhưng cũng cùng tác giả này (Luca), trong trình thuật tuổi thơ, từng đã trình bày Chúa Giêsu như Con Thiên Chúa, Đấng sẽ chiếm ngai Đavít (Lc 1:32). Hai nhận xét, vì thế, là điều cần thiết:

Thứ nhất, các bản văn cá thể có thể bị cô lập khỏi dòng văn của chúng trong các trước tác Tân Ước và được phân tích vì các vị trí và ý nghĩa khả hữu của chúng bên trong tính năng động đang diễn ra và có tính đa diện của nền Kitô học đang diễn biến của Giáo Hội sơ khai. Điều này là một đảm nhiệm hữu ích và cần thiết đối với các chuyên gia tìm cách hiểu một cách rõ ràng hơn việc nền Kitô học của Giáo Hội phát triển ra sao. Nhưng ngay các chuyên gia cuối cùng cũng phải tái lòng các bản văn vào dòng văn của chúng và coi chúng như một phần của nền thần học tổng thể của tác giả. Hơn nữa, dù tôn trọng tính đa dạng và tính cá thể của một số trước tác Tân Ước, mục đích tối hậu của một phân tích như thế là tìm sự nhất quán nằm ở bên dưới nhằm biện minh cho việc khai triển Kitô học thậm chí trong tính đa dạng của nó. Tôi tìm thấy nó trong việc công bố Thiên Chúa đã làm Chúa Giêsu trỗi dậy từ cõi chết. Tất cả các khẳng định Kitô học sau này đều là

một cố gắng giải thích ý nghĩa của Chúa Giêsu phục sinh trong các hoàn cảnh khác nhau.

Thứ hai, khi chúng ta gọi Chúa Giêsu là Chúa và là Đấng Kitô, là Con Người và là Con Thiên Chúa, chúng ta tìm cách diễn tả ý nghĩa đời sống Người nói chung dưới ánh sáng đức tin phục sinh. Nói rằng Chúa Giêsu phục sinh nay là Con Thiên Chúa là nói rằng Người luôn luôn là Con Thiên Chúa bất kể chúng ta đẩy nguồn gốc của Người trở lại lúc Người chịu phép rửa, lúc Người được tượng thai, hay lúc khởi đầu sáng thế (xem câu hỏi 14). Nhưng mặt khác, chúng ta nói rằng Người là Con Thiên Chúa bằng cách sống loại sự sống nhân bản Người sống thực sự với đủ mọi chiến đấu và cám dỗ, vui mừng và sầu khổ mà Người đích thân trải nghiệm. Các khẳng định Kitô học sau này của Giáo Hội không nhằm mục đích bác bỏ tính thực tại trọn vẹn của đời sống và kinh nghiệm nhân bản của Người; chúng nhằm để khẳng định nó. Sự sống nhân bản này là chính sự sống nhân bản của Thiên Chúa! Nhưng đây là một sự sống nhân bản trong đó, Người lớn lên trong khôn ngoan, tuổi đời và ân sủng trước mặt Thiên Chúa và người ta (Lc 2:40.52).

**Câu hỏi 77:** *Kitô học xem ra rất mơ hồ. Tại sao chúng ta không thể coi Chúa Giêsu như một con người tốt lành, một tiên tri hay một vị thánh, người muốn đem người khác đến việc trọn vẹn tin vào quyền năng của Thiên Chúa?*

Dù mọi người không cần bước vào mọi điểm tinh tế của việc triển khai Kitô học, điều quan trọng vẫn là hiểu ra rằng nguồn gốc của nó nằm cụ thể ở kinh nghiệm sống cụ thể của các cộng đồng tiên khởi. “Đức Giêsu là Chúa!” không phải là một tuyên bố lý thuyết. Nó là một trong các tuyên bố tuyên tín sớm nhất. Chính trải nghiệm việc Thần Khí Chúa Giêsu hoạt động giữa cộng đồng thờ phượng đã phát sinh ra tuyên xưng đức tin căn bản này. Bất cứ các cố gắng nào sau đó của chúng ta để thủ đắc cái hiểu lý thuyết về đức tin của mình, chúng ta đều phải trở về trải nghiệm nguyên khởi trong thờ phượng này. Nếu linh hứng của Chúa Thánh Thần không được coi như gốc rễ và cơ sở của Kitô học, thì dĩ nhiên nó chỉ là trò chơi chữ mà thôi. Một Kitô học chân chính phát sinh từ và quay trở lại cộng đồng tụ họp với nhau và được lên sức mạnh nhờ Thần Khí của Chúa Giêsu.

Nhiều người ngày nay, kể cả các Kitô hữu, giản lược Chúa Giêsu vào điều chúng ta biết về Người theo phương diện lịch sử. Chắc chắn, Người là một con người tốt lành, một con người thánh thiện, một tiên tri, nhưng Người cũng hơn một tiên tri (Mt 12:38-42 song hành). Đó là lý do tại sao điều quan trọng là coi các sách thánh của chúng ta không những chỉ viết theo viễn ảnh quan tâm lịch sử mà còn theo viễn ảnh đức tin phục sinh. Đức tin này là đáp ứng đối với sáng kiến sáng tạo của một vị Thiên Chúa muốn ơn cứu rỗi của mọi người. Theo tôi, Kitô học luôn luôn nên được nhìn như một biểu thức sâu xa nhất của cứu thế học nghĩa là ý của Thiên Chúa muốn mang chúng ta tới sự viên mãn của ơn giải thoát con người. Ở tận gốc gác của nó, Kitô học nói lên việc Thiên Chúa tự can dự đích thân vào diễn trình cứu rỗi đầy sáng tạo của lịch sử thế giới. Việc tự can dự này tiến diễn tiệm tiến và mỗi ngày một sâu sắc thêm từ sáng thế tới nhập thể. Điều chúng ta tin về Chúa Giêsu là: Thiên Chúa đã trở thành một người trong chúng ta như chúng ta trong mọi sự trừ tội lỗi. Chúa Giêsu là “bộ mặt nhân bản của Thiên Chúa” (J.A.T. Robinson), “bí tích cuộc gặp gỡ Thiên Chúa” (E. Schillebeeckx), “lời ban sự sống” mà chúng ta nghe được, thấy được bằng chính đôi mắt mình, mà chúng ta nhìn và sờ bằng tay, Đấng ở với Chúa Cha và được mạc khải cho chúng ta (IGa 1:1-2). Nhập thể không những chủ yếu đối với đức tin Kitô giáo; nó còn là điều đem lại cho đức tin ấy đặc tính khác biệt và căn đề của nó.





**Câu hỏi 78:** *Tại sao có lúc chúng ta gọi Chúa Giê-su là “Thiên Chúa”, có lúc lại gọi Người là “Con Thiên Chúa”?*

Thực sự, danh hiệu thích đáng dành cho Chúa Giê-su, và là danh hiệu cuối cùng trỗi vượt trong việc phát triển Kitô học Tân Ước là “Con Thiên Chúa”. “Thiên Chúa” (*ho theos*) trong Tân Ước dành gần như tuyệt đối cho Chúa Cha. Ngay Thánh Gioan, người cho chúng ta khẳng định rõ ràng nhất về địa vị thần linh của Chúa Giê-su, cũng đã dị biệt hóa trong Tự Ngôn (1:1) giữa liên hệ của Ngôi Lời với “Thiên Chúa” (*ho theos*) và Ngôi Lời như đáng thần linh (*theos*). Lần duy nhất Chúa Giê-su được trực tiếp nhắc đến như *ho theos* diễn ra lúc Tô-ma quỳ thờ lạy Chúa Giê-su phục sinh: “lạy Chúa và là Thiên Chúa của con!” (Ga 20:28). Khi chúng ta sử dụng hạn từ “Thiên Chúa” cho Chúa Giê-su, chúng ta phản ánh việc khai triển đức tin Ba Ngôi vốn gồm Cha, Con và Thánh Thần bên trong xác tín của chúng ta, dẫn khởi từ chủ nghĩa độc thần Do Thái, rằng chỉ có một Thiên Chúa duy nhất. Một trong các căng thẳng cổ điển của đức tin Kitô giáo là duy trì chủ nghĩa độc thần, rằng chỉ có một Thiên Chúa duy nhất, thế nhưng lại khẳng định tính ba (threeness) trong tính một (oneness) đó.

Thánh Phaolô cho chúng ta một bản văn khá sớm và đáng lưu ý, có lẽ trung dẫn một kinh tin kính rất tiên khởi, bên trong ngữ cảnh cuộc tranh luận về việc thờ ngẫu tượng: “... nhưng đối với chúng ta, chỉ có một Thiên Chúa là Cha, Đấng tạo thành vạn vật và là cùng đích của chúng ta; và cũng chỉ có một Chúa là Đức Giê-su Kitô, nhờ Người mà vạn vật được tạo thành, và nhờ Người mà chúng ta được hiện hữu” (1Cr 8:6). Thánh Phaolô ám chỉ lời tuyên xưng đức tin chính của Israel: “Hỡi Israel, hãy nghe, Chúa là Thiên Chúa của chúng ta, Chúa duy nhất” (Đnl 6:4). Nhưng ngài chia tuyên xưng ấy để “Chúa” chỉ Chúa Giê-su, còn “Thiên Chúa” chỉ Chúa Cha. Thiên Chúa, Chúa Cha, là nguồn gốc và mục đích của muôn loài, nhất là của hiện hữu chúng ta, nhưng được trung gian qua Chúa Giê-su như Chúa. Thế nhưng, cả hai vị đều được gọi là “duy nhất” – một Thiên Chúa và một Chúa. Chúa Giê-su luôn ở trong lòng Chúa Cha (Ga 1:18) và bất cứ chúng ta nói gì về Người như đáng thần linh chỉ có thể được nói như Con duy nhất của Chúa Cha (Ga 1:14). Một bài thánh ca tiên khởi khác phát biểu cùng một ý tưởng: “...và để tôn vinh Thiên Chúa Cha, mọi loài phải mở miệng tuyên xưng rằng: Đức Giê-su Kitô là Chúa” (Pl 2:11).

**Câu hỏi 79:** *Cha có thể nói ít điều hơn nữa về Chúa Ba Ngôi được không? Làm thế nào Thiên Chúa vừa là một vừa là ba?*

“Thiên Chúa, chưa bao giờ có ai thấy cả; nhưng Con Một vốn là Thiên Chúa và là Đấng hằng ở nơi cung

lòng Chúa Cha, chính Người đã tỏ cho chúng ta biết” (Ga 1:18). Sẽ dễ dàng hơn khi nói về Chúa Ba Ngôi trong các lần tỏ hiện lịch sử hơn là suy đoán về đời sống thần linh ở bên trong. Như một tác giả đã viết, bất cứ ai nói về Ba Ngôi cũng nói về thập giá Chúa Kitô chứ không nói về những khó hiểu ở trên trời (J. Moltmann). Chính Chúa Giêsu trong cuộc đời, cái chết và sự phục sinh của Người đã mạc khải thực tại Thiên Chúa Ba Ngôi. Thực tại Ba Ngôi này đặt cơ sở trên sự kiện Chúa Giêsu được Chúa Thánh Thần xức dầu và được Chúa Cha sai đi lúc Người chịu phép rửa (Mc 1:9-11). Trọn đời sống nhân bản của Người là một đời sống đáp ứng một cách đầy vâng lời đối với thánh ý Chúa Cha trong quyền năng của Chúa Thánh Thần. Mỗi liên hệ này lên tột đỉnh khi Người phó Thần Khí Người cho Chúa Cha trên thập giá và khi Chúa Cha ôm lấy Người, nâng Người lên và biến đổi Người, trong cùng một Thần Khí ấy. Gioan đã thấy rõ ràng rằng việc tự hiến hổ tương này đã phá vỡ mọi giới hạn nhân bản và biểu thị mối liên hệ yêu thương đời đời. Do đó, Chúa Giêsu nói: “Phần con, con đã tôn vinh Cha ở dưới đất, khi hoàn tất công trình Cha đã giao cho con làm. Vậy, lạy Cha, giờ đây, xin Cha tôn vinh con bên Cha : xin ban cho con vinh quang mà con vẫn được hưởng bên Cha trước khi có thể gian” (Ga 17:4-5).

Các kinh tin kính và công đồng sau đó chỉ tìm cách khẳng nhận lời quả quyết của Kinh Thánh này về mối liên hệ đời đời với Chúa Cha trong sự hợp nhất với Chúa Thánh Thần. Chúng khẳng định rằng mạc khải ban cho trong Chúa Giêsu thông truyền sự thật về thực tại Thiên Chúa. Chúng không cố gắng giải thích điều đó là thế ra sao, mặc dù nhiều nhà thần học, như Thánh Augustinô trong *De Trinitate* (Về Chúa Ba Ngôi), đã tìm cách thăm dò những cách trong đó một mâu nhiệm như thế có thể khả niệm đối với chúng ta. Đối với tôi, cái nhìn thông sáng quan trọng và nền tảng nhất là đây: ở ngay tâm điểm thực tại, ở ngay tâm điểm của hiện hữu, nghĩa là, trong thực tại sống của Thiên Chúa hằng sống, Đấng dựng nên mọi loài, có mối liên hệ. Thiên Chúa không sống trong sự cô lập huy hoàng, một đấng chuyển động bất di bất dịch lôi kéo mọi sự về mình nhưng không cho lại bất cứ điều gì, một hữu thể đứng đưng và vô cảm, cách xa và không để các đau khổ của chúng ta đụng tới. Đúng hơn, Thiên Chúa có tính bản vị, Đấng trong tư cách Cha, thông truyền toàn bộ sự sống thần linh cho Chúa Con và vẫn mãi là Chúa Cha. Ngược lại, Chúa Con là hình ảnh của Thiên Chúa vô hình (Cl 1:15), Đấng đời đời phản ánh vinh quang của Chúa Cha và làm Người được chúng ta biết đến (Ga 1:14.18). Vị gắn kết mối liên hệ từ Chúa Cha tới Chúa Con này, Chúa Cha như nguồn và gốc khởi diễn mối liên hệ và Chúa Con như đáp trả và hình ảnh phản ánh vinh quang Chúa Cha, là Chúa Thánh Thần. Đây là chỗ chúng ta tham dự vào. Ở đây, há chúng ta không nhìn thấy ý nghĩa các tình yêu của chúng ta hay sao, bất kể tình yêu của chúng ta là tình yêu sáng tạo của cha mẹ (*eros*), tình yêu lên sức mạnh cho nhau của bạn bè (*philia*) hay tình yêu tự hiến của Chúa Giêsu (*agape*: xem Ga 15:12-17)?

**Câu 80:** *Khi Chúa Giêsu còn ở thế gian này, Người có còn là một thành phần của Ba Ngôi không hay chỉ khi Người sống lại từ cõi chết?*

Vấn đề các giáo phụ và công đồng hậu tông đồ phải đối diện là giải thích ra sao các dữ kiện Kinh Thánh cho một nền văn hóa Hy Lạp với xu hướng ngôn ngữ và triết lý của nó. Tin Mừng Gioan tập chú vào mối quan tâm này vì lời tự ngôn nói đến Ngôi Lời (*Logos*) vốn có sắc thái đặc biệt trong nền triết lý Hy Lạp và vì trọn phần còn lại của Tin Mừng này được xây dựng trên mối liên hệ đời đời của Chúa Giêsu với Chúa Cha. Nhưng Tin Mừng Gioan không đề cập gì tới vấn đề Hy Lạp sau đó về việc Ngôi Lời là Thiên Chúa ra sao (Ga 1:1) mà vẫn trở thành xác phàm (Ga 1:14). Nó chỉ giả thiết rằng điều được nói về Chúa Giêsu dưới ánh sáng phục sinh, tức là, Người là Con Thiên Chúa, có nghĩa là Người luôn luôn là Con Thiên Chúa thậm chí trước khi tạo ra thế giới. Ở đây, người ta thấy một loại ngây thơ đầy thi ca, vì Gioan chỉ quan tâm tới việc công bố ý nghĩa của Chúa Giêsu cho toàn thể sáng thế.

# λόγος logos

Nhưng khi chúng ta sử dụng tên “Giêsu”, chúng ta có muốn nói tới Chúa Giêsu nhân bản, lịch sử, Đấng đã sinh ra vào một thời điểm đặc thù, sống và chết không? Hay, có lẽ, chúng ta muốn nói rằng Người hiện hữu như một con người ban sơ trước mọi thụ tạo khác (một giải thích khả hữu Tin Mừng Gioan). Dưới ánh sáng cuộc tranh cãi Ariô (xem câu hỏi 15), Công đồng Nixêa năm 325, trong yếu tính, đã dị biệt hóa việc Chúa Giêsu từ thuở đời đời được Chúa Cha sinh ra như *Logos* (đáp trả và hình ảnh Chúa Cha) và việc Người xuống thế và trở thành nhập thể trong thời gian vì chúng ta và vì sự cứu rỗi của chúng ta. Thế nhưng, phải nói điều này: công đồng này sử dụng tước hiệu Kinh Thánh “Một Chúa, Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa” chứ không sử dụng hạn từ *Logos*. Điều này cho thấy: các khẳng định của công đồng, giống như toàn bộ việc phát triển Kitô học, được đặt căn bản trên chứng tá Kinh Thánh về phục sinh.

Qua việc hữu hiệu tách mỗi liên hệ đời đời của Chúa Giêsu với Chúa Cha khỏi việc Người xuất hiện trong thời gian, công đồng đã bước một bước có tính quyết định là tách thiên tính của Người với nhân tính của Người (một điều tôi không nghĩ Thánh Gioan làm mặc dù ngài có dùng các chữ xuống và lên). Nay người ta có thể nghĩ về Chúa Giêsu như Thiên Chúa, Đấng sau đó đã mang thân xác của chúng ta (trở thành nhập thể). Nhưng việc này đã tách biệt chính điều cần được giữ lại với nhau. Bất kể chúng ta gán ý nghĩa nào cho danh “Giêsu”, vốn là biểu tượng chính của đức tin Kitô giáo, chúng ta vẫn không thể hiểu Người là ai nếu không tính đến nhân tính của Người. Cho đến nay, như chúng ta biết, dưới ánh sáng phục sinh, Người không hiện hữu như một hữu thể nhân bản tách biệt khỏi thiên tính vốn làm Người độc đáo như Người vốn là, cũng không là hữu thể thần linh tách biệt khỏi nhân tính vốn giúp Người biết và yêu mến Chúa Cha và cầu nguyện với Người như với Bô. Trong tư cách Đấng Tạo dựng-được hình dung như Cha, Con, Thánh Thần, Thiên Chúa đã tiến đến chỗ tự phát biểu sau cùng và một cách dứt khoát trong Chúa Con, Đấng, trong tư cách sống lại, là Thần Khí ban sự sống (1Cr 15:45). Chúa Giêsu luôn là một thành phần của Ba Ngôi, một cách không thể tách biệt và đời đời.

**Câu hỏi 81:** *Cha không ngừng tham chiếu Kinh Thánh trong các giải thích của cha. Nhưng há Giáo Hội trong các công đồng đã không giải quyết tất cả các vấn đề này rồi hay sao?*

Có lần Karl Rhaner được hỏi liệu công đồng Canxêđoan năm 451 là một kết thúc hay một khởi đầu. Ngài nói nó là cả hai. Nó đem một cuộc thảo luận nào đó của các giáo phụ Hy Lạp tới hồi kết thúc, nhưng nó cũng mở đầu cho đủ loại câu hỏi mà nhiều thế hệ sau đó đã cố gắng giải quyết. Câu hỏi của bạn cho tôi dịp để nhấn mạnh một lần nữa một điểm đã đưa ra trước đây: cố gắng của chúng ta để hiểu mầu nhiệm Chúa Giêsu vốn chất chứa một diễn trình giải thích liên tục. Bao lâu chúng ta còn cố gắng tìm cách phát biểu mầu nhiệm “Thiên Chúa dành cho chúng ta” (C. LaCugna), không câu trả lời nào có thể được coi là cuối cùng. Ngoại trừ chúng ta trở về với chủ nghĩa cực đoan, cả Kinh Thánh lẫn các kin tin kính và các công đồng, cũng như các trước tác của các nhà thần học và Giám Mục và bất cứ tuyên bố nào của con người cũng không thể mún cạn mầu nhiệm này.

Sự đáng thán phục của đức tin Kitô giáo là chúng ta cử hành lễ cưới của trời và đất. Chúng ta tin vào một Thiên Chúa dành cho chúng ta, một Thiên Chúa đến gần chúng ta bao nhiêu vị thần linh có thể trong nhân tính Con của Người. Chúng ta tin một Thiên Chúa không cạnh tranh với chúng ta nhưng làm việc trong và

qua chúng ta để hoàn toàn giải phóng nhân loại. “Thiên tính của Chúa Giêsu chính là nhân tính viên mãn của Người” (P. Schoonenberg). Điều chúng ta nói về Người như thần linh không hề xóa nhòa nhân tính của Người. Nó mang thể nhân bản đến chỗ hoàn tất một cách độc đáo.

Hai công đồng chung đầu tiên quan tâm đến việc khẳng định thiên tính trọn vẹn của Chúa Con (Nixêa năm 325) và thiên tính trọn vẹn của Chúa Thánh Thần (Constantinôp I năm 381). Khi bác bỏ chủ trương của Apollinaris rằng Ngôi Lời (*Logos*) đã thay thế linh hồn nhân bản nơi Chúa Giêsu, cũng đã khẳng định nhân tính trọn vẹn của Người. Nhưng vấn đề chủ chốt là tính hợp nhất của Chúa Giêsu. Thánh Xirilô thành Alexandria và công đồng Êphêsô năm 431 quả quyết rằng Chúa Giêsu là một cá nhân hiện hữu một cách độc đáo (một “tính hợp nhất theo *hypostasis*” một điều sau đó được hiểu là sự hợp nhất của một ngôi vị). Rất khó nhấn mạnh quá đáng tầm quan trọng của điều này. Nó có nghĩa là: thiên tính và nhân tính, bất kể khác biệt bao nhiêu, là hai điều không thể tách rời nhau ở trong Người. Người không phải trước nhất là Thiên Chúa sau đó là người phạm. Thực tại Chúa Giêsu hiện hữu một cách cụ thể, điều làm cho Người độc đáo như phạm nhân, là việc hợp nhất với thể thần linh. Cuối cùng, Công đồng Canxêdoan năm 451, dưới ánh sáng cảm thức mạnh mẽ được sự hợp nhất chặt chẽ này, đã phải duy trì bản tính khác biệt và không thể giản lược của cả nhân tính lẫn thiên tính. Nhân tính không bị tràn ngập bởi thiên tính và bị đồng hóa vào nó. Đúng hơn, thiên tính là điều làm cho nhân tính có khả năng và khả lực trở nên chính nó một cách trọn vẹn, giống chúng ta trong mọi sự trừ tội lỗi (*Dt 4:15*), trích dẫn trong định tín của Canxêdoan). Trong tất cả những điều này, các giáo phụ và các công đồng chỉ có một mục đích: mãi trung thành với với truyền thống tông đồ, “qui tắc đức tin” chứa đựng chủ yếu trong qui điển Kinh Thánh. Tôi tìm cách làm y như thế, nhưng dưới ánh sáng các tiến bộ đương thời của khoa phê bình Kinh Thánh.

**Câu hỏi 82:** *Làm thế nào Chúa Giêsu là nhân bản 100% và đồng thời là thần linh 100%? Há không phải là 200% hay sao?*

Một trong các ấn tượng không may nhất do Công đồng Canxêdoan gây ra đã khiến có loại câu hỏi này. Ngôn từ của Canxêdoan, chịu ảnh hưởng của Đức Giáo Hoàng Lê Cả, hết sức có tính Rôma trong ý muốn cân bằng của nó. Trong khi lặp đi lặp lại 8 lần câu chúng tôi tuyên xưng “một và y một” Chúa Con, Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng tôi, việc chủ yếu là áp dụng chữ *homoousios* (xem câu hỏi 15) cho cả thiên tính và nhân tính. Người được tuyên xưng có cùng “một hữu thể y như” [same being] Chúa Cha trong thiên tính của Người và có cùng “một hữu thể y như” chúng ta trong nhân tính của Người. Khi nhấn mạnh tới đặc tính không thể giản lược và khác biệt của hai bản tính, duy trì các thuộc tính thích đáng của mỗi bản tính, công đồng tạo ra ấn tượng về một việc đặt cạnh nhau khá tĩnh tụ của hai thực thể [entities] đến nỗi chữ kết hợp mãi mơ hồ: “cùng chảy với nhau [*suntre-chousēs* = cùng chảy với nhau] vào một ngôi vị [*prosopon*] và một tồn hữu [*hypostasis*]”. Lúc đó, phản ứng phổ biến và chung nhất đối với Canxêdoan là quay về với chủ trương nhất tính [*monophysite*], nghĩa là vì lý do kết hợp, nên nhân tính bị tan hòa vào thần tính đến nỗi chỉ còn “một bản tính”, là bản tính thần linh. Đến một mức nào đó, đây vốn là hình ảnh phổ thông cho tới tận ngày nay. Chúa Giêsu thực sự là Thiên Chúa sử dụng bản tính nhân loại của Người để thông đạt với chúng ta, nhưng nhân tính của Người có tính cách biểu kiến chứ không phải như thành phần cấu tạo nên trải nghiệm sống cụ thể của Chúa Giêsu.

Giá trị lớn lao của Canxêdoan là việc nó nhấn mạnh tới tính trọn vẹn trong nhân tính của Chúa Giêsu. Với mọi công đồng, chúng ta chủ trương sự trọn vẹn của thiên tính và sự trọn vẹn của nhân tính bên trong sự hợp nhất của một “ngôi vị”. Tuy nhiên, điều cần phải nhớ là thiên tính và nhân tính là các thực tại không thể cùng đo theo một tiêu chuẩn được. Bạn không thể cân bằng chúng như thể chúng là hai số lượng đo đạc được và so sánh với nhau được. Thể thần linh không ở thế cạnh tranh với thể nhân bản, cũng không được đặt vào thế chống lại thể nhân bản. Không có thiên tính, chúng ta không thể nói thích đáng về thực tại của Chúa Giêsu. Người được tạo nên một cách độc đáo như con người Giêsu này vì lý do Người kết hợp với thể thần linh. Mặt khác, chúng ta không thể nói một cách thích đáng về tư cách ngôi vị của Người bên ngoài nhân tính. Trong Kinh Thánh, Người được trình bày như một người biết và yêu mến Chúa Cha, và cầu



nguyện với Người như “Con” với “Cha”. Người vâng lời thậm chí cho đến chết. Đây là tất cả những điều chúng ta mong chờ một con người bình thường hành động. Như thế, việc dùng hạn từ “ngôi vị” thay đổi tùy theo việc chúng ta nói về điều tạo nên Người như một cá nhân hiện hữu một cách độc đáo (*hypostasis*) hay về điều tạo nên các trải nghiệm nhân bản thông thường của Người trong việc biết và ước muốn (“ngôi vị” theo nghĩa đương thời chỉ các mối liên hệ nhân bản trên bình diện tâm lý). Theo nghĩa vừa nhắc, điều thích đáng là gọi Người là một nhân vị [human person].

**Câu hỏi 83:** *Cha đã nói nhiều lần rằng thể thần linh không cạnh tranh với thể nhân bản. Cha muốn nói gì?*

Đó là điều tôi dùng để nói trên đây về “Thiên Chúa Đáng đối thoại” (xem các câu hỏi 59-61). Ý định của Thiên Chúa là thể hiện sự trọn vẹn của điều là nhân bản bên trong cuộc sống và trải nghiệm nhân bản. Sự hiện diện và hoạt động của Thiên Chúa trong sáng thể, trong giao ước với Israel, trong việc trở nên nhập thể trong Chúa Giêsu, không nhằm chúng ta ra xa lạ với nhân tính của chúng ta. Thế giới không phải chỉ là hậu quả của tính nguyên nhân nơi Thiên Chúa như thể nó hiện hữu ở bên ngoài hay song hành với hoặc trong cạnh tranh với Thiên Chúa. Thế giới là hiện thân ý định thần linh, giống như công trình nghệ thuật hiện thân nhà nghệ sĩ, nhưng chắc chắn nhà nghệ sĩ không đứng đối với những gì xảy ra cho nó. Công trình phát biểu chính bản ngã nhà nghệ sĩ, cách nhà nghệ sĩ nhìn thế giới và tưởng tượng hình dạng của nó. Công trình cũng phát biểu các giới hạn của phương tiện được chọn. Người ta nghĩ đến Michelangelo chọn tảng đá hoa cương của Carrara không ai muốn chọn vì nó có vết nứt ở khoảng giữa và đã sáng tạo ra tuyệt tác vĩ đại nhất của ông, bức tượng Đavít. Một khi phương tiện đã được chọn, nhà nghệ sĩ phải làm việc bên trong các giới hạn của nó nhưng cũng tích cực sử dụng chúng để khai thác các khả thể của phương tiện này cho trọn vẹn. Khả năng làm được như thế chính là điều đánh dấu nhà nghệ sĩ đại tài.

Cũng như thế đối với việc nhập thể. Chúng ta không nên tưởng tượng việc này như một việc Thiên Chúa “tự làm rỗng mình” (*kenosis*), một cuộc rút lui hay giấu thiên tính để cho phép nhân tính đi vào hành động, nhưng là việc Thiên Chúa “đầy” (*plēroma* Cl 1:19; 2:9 – chữ vừa rồi nói tới “trọn sự viên mãn” của việc Thiên Chúa cư ngụ trong Chúa Giêsu). Ngay trong nhân tính của Chúa Giêsu trong tư cách nhập thể của Thiên Chúa, Thiên Chúa cũng chỉ có thể thông truyền bản ngã thần linh tới mức thực tại nhân bản thụ tạo có khả năng tiếp nhận việc tự thông truyền của Thiên Chúa. Điều chúng ta thấy trong lịch sử cứu rỗi là việc thông truyền và can dự tiệm tiến và ngày càng thâm hậu của Thiên Chúa từ thời sáng thế qua giao ước tới nhập thể. Nơi Chúa Giêsu, Thiên Chúa đem đến viên mãn hay trọn vẹn công trình đã bắt đầu, việc tạo ra “hữu thể nhân bản”. Thiên Chúa làm việc này bằng cách làm việc với những hạn chế và khả thể của đời sống nhân bản này, Chúa Giêsu thành Nadarét, kêu gọi sự đáp trả trọn vẹn và trung thành của đức vâng lời nhân bản và trong biên cố tuyệt đỉnh chết-sống lại có tính biên đối sự phân rẽ bởi tội lỗi thành ân sủng kết hợp, sự yếu đuối của xác thịt thành sự toàn vẹn của vinh quang, và sức mạnh tử sinh của cái chết thành sự sống đời đời. Nhờ điều này, chúng ta biết rằng “Con Người” chính là “Con Thiên Chúa”.

**Câu hỏi 84:** *Trở lại Kinh Thánh, nếu Chúa Giêsu của Tin Mừng Máccô khác đến thế với Chúa Giêsu của Tin Mừng Gioan, thì cha giảng hòa chúng ra sao?*

Quan tâm của các giáo phụ và công đồng, dĩ nhiên, dẫn đến việc phát biểu tính hợp nhất của đức tin, bằng một phát ngôn chính thức và phổ quát. Kinh Tin kính Nixêa mà chúng ta đọc ở nhà thờ mỗi Chúa nhật (nhưng phát xuất từ Công đồng Constantinôp thứ nhất năm 381), đã được viết ra không hẳn để giải quyết các khó hiểu thần học cho bằng cung cấp một nền tảng có tính cộng đoàn cho việc cầu nguyện theo phụng vụ. Vấn đề quan trọng, lúc đó cũng như bây giờ, là chúng ta cầu nguyện cùng nhau ra sao, chứ không phải liệu chúng ta hết thấy có suy nghĩ cùng những suy nghĩ như nhau hay có cách hiểu độc dạng hay không. Làm sao chúng ta có thể cầu nguyện với Chúa Giêsu như Thiên Chúa nếu Người không phải là Thiên Chúa? Thế nhưng cả khẳng định ấy của Nixêa liên quan tới thiên tính của Chúa Giêsu cũng bỏ ngỏ cho nhiều giải thích khác nhau.

Sự hợp nhất tuyên tín đức tin đặt cơ sở trên chứng tá Kinh Thánh. Thế nhưng chính nhờ công trạng của Giáo Hội tiên khởi khi nó thiết định qui điển sách thánh mà ước muốn hợp nhất không dẫn tới việc dẹp bỏ mọi Tin Mừng ngoại trừ một Tin Mừng. Các thư đa dạng của Thánh Phaolô và các thư khác cũng như bốn Tin Mừng đã cung cấp các chân dung khá đa dạng và khác biệt về Chúa Giêsu. Máttêu và Luca, dù đều sử dụng Máccô, đều có các nền Kitô học khá khác biệt riêng. Trật tự tiến hành đầu tiên là để mỗi chân dung tự đứng trong những điều kiện của nó chứ không uốn chúng thành một, như phương thức hòa hợp “Các Tiêu sử của Chúa Giêsu” như Alban Goodier từng cố gắng thực hiện trong quá khứ (xem câu hỏi 7).

Như thế, điều quan trọng là đọc Máccô và Gioan như chúng đã được viết, cố gắng hiểu chúng như những phát biểu khác biệt của cùng một đức tin Kitô giáo của các cộng đồng khá khác nhau. Cả hai đều cố gắng công bố mầu nhiệm Chúa Giêsu, nhưng mẫu mực của mỗi Tin Mừng thì khác nhau. Một số tác giả đã coi sự khác biệt như phản ảnh các nền Kitô học “từ bên dưới” (Chúa Giêsu như con người được xúc dầu bởi Thánh Thần Thiên Chúa, đã trở thành Con Thiên Chúa) và “từ bên trên” (Chúa Giêsu như Ngôi Lời đời đời của Thiên Chúa đã trở thành nhập thể trong hình dạng nhân bản). Tuy nhiên, theo tôi, một tương phản như thế phản ảnh các khai triển thần học sau này. Đối với cả Máccô lẫn Gioan, Chúa Giêsu là “Con Thiên Chúa” và “Con Người” một cách không thể tách biệt từ đầu cho đến kết câu truyện. Có lẽ điều có thể nói là các Tin Mừng nhất lãm (Máccô-Máttêu-Luca) kết hợp chặt chẽ một ký ức có tính lịch sử nhiều hơn về Chúa Giêsu, về những gì Người thực sự nói và làm, trong khi Gioan kết hợp trải nghiệm đức tin sau này của cộng đồng về Người nhiều hơn, nhất là về tính độc đáo đời đời như là Con duy nhất của Thiên Chúa. Nhưng cả điều này cũng có thể hơi cường điệu. Mọi Tin Mừng đều kể cùng một câu truyện, nhưng từ các viễn cảnh khác nhau và với các quan tâm khác nhau phát sinh từ tình thế đương thời của mỗi tác giả khi viết Tin Mừng của họ. Câu truyện về Chúa Giêsu ít nhất cũng có nhiều hình thức như đã có nhiều cộng đồng Kitô hữu vốn làm chứng cho Người – và tất cả đều chân thật.

## VI. Ngày nay, Chúa Giêsu Kitô là ai?

**Câu hỏi 85:** *Chúa Giêsu có còn hiện diện trong thế giới ngày nay không?*

Cả sách thánh lẫn truyền thống liên tục của Kitô giáo đều một cách hết sức nhấn mạnh, Có! Máttêu kết thúc Tin Mừng của ngài ở chỗ ngài bắt đầu, với Chúa Giêsu như Đấng Emmanuel (Thiên Chúa ở với chúng ta): “và hãy nhớ, Thầy ở với các con mãi mãi, cho đến tận cùng thời gian” (Mt 28:20). Với Luca trong Công vụ, Chúa Giêsu tiếp tục sống trong ơn Chúa Thánh Thần mà Người tuôn đổ (Cv 2:33). Thế nhưng vẫn là Chúa Giêsu mà Phaolô đang bách hại (9:3-5). Cũng thế, trong Gioan, Chúa Giêsu hứa rằng nơi cư ngụ Người đang soạn nằm trong trái tim những người yêu Người và giữa các giới răn của Người. Chính ở đó, Chúa Cha và Người sẽ cư ngụ (Ga 14:23). Ngoài ra, Người còn hứa sự giúp đỡ của Chúa Thánh Thần, Đấng sẽ dẫn dắt các môn đệ tới mọi chân lý, công bố điều cùng thuộc Chúa Giêsu và Chúa Cha (Ga 16:12-15). Thánh Phaolô diễn tả như sau: “Thật thế, tất cả chúng ta, dầu là Do-thái hay Hy-lạp, nô lệ hay tự do, chúng ta đều đã chịu phép rửa trong cùng một Thần Khí để trở nên một thân thể. Tất cả chúng ta đã được đầy tràn một Thần Khí duy nhất” (1Cr 12:13).



Chúng ta có thể nói rằng Chúa Giêsu hiện diện bằng “thân xác” theo ba cách: Thứ nhất, như Chúa sống lại, Người hiện diện với toàn thể vũ trụ (xem câu hỏi 70). Thứ hai, qua phép rửa, Người hiện diện với toàn thể cộng đồng Kitô giáo và mỗi thành viên tạo nên thân thể Người một cách tập thể hay cá thể. “Vậy anh em, anh em là thân thể Chúa Kitô, và mỗi người là một bộ phận” (1Cr 12:27). Thứ ba, Trong cử hành Thánh Thể, Người hiện diện một cách độc đáo dưới dạng bề ngoài thể lý của bánh và rượu (xem câu hỏi 45). Thánh Thể có lẽ được so sánh với một tiệc vui mừng ngày sinh. Chúng ta cử hành sự hiện diện của một người luôn ở với chúng ta nhưng đời sống họ, cả quá khứ lẫn tương lai, chúng ta muốn khẳng định và công bố qua các hành động và lời nói đặc biệt có tính biểu tượng. “Thật vậy, cho tới ngày Chúa đến, mỗi lần ăn Bánh và uống Chén này, là anh em loan truyền Chúa đã chịu chết” (1Cr 11:26).

**Câu hỏi 86:** *Thần khí Chúa Giêsu có lên khuôn các đời sống con người mọi nơi và mọi thời không?*

Thần khí Chúa Giêsu là Thần khí Thiên Chúa, Đấng chúng ta gọi là Chúa Thánh Thần, được nhìn nhận chính thức tại Công đồng Constantinôp thứ nhất năm 381 như Ngôi Thứ Ba trong Chúa Ba Ngôi, Đấng được thờ lạy và tôn vinh ngang bằng và cùng với Chúa Cha và Chúa Con. Thánh Augustinô gọi Chúa Thánh Thần là tình yêu giữa Chúa Cha và Chúa Con. Dù không đưa ra căn tính ấy, nhưng Thánh Phaolô viết: “...Thiên Chúa đã đổ tình yêu của Người vào lòng chúng ta, nhờ Thánh Thần mà Người ban cho chúng ta” (Rm 5:5). Thiên Chúa, Đấng là tình yêu (1Ga 4:8.16) là mối tương quan sống động và yêu thương một cách không thể tách biệt và đời đời mà chúng ta gọi là Cha-Con-Thánh Thần.

Có ba chữ Hy Lạp chỉ tình yêu nắm bắt được rất tốt hoạt động của Thánh Thần Thiên Chúa trong đời sống con người. Thứ nhất, eros là loại tình yêu sáng tạo mà một người đàn ông và một người đàn bà có trong việc sinh sản con cái. Tình yêu sáng tạo của Thiên Chúa được phát biểu như Thánh Thần hay Hơi Thở (*ruah*) của Thiên Chúa bay là trên mặt nước (St 1:2) và thổi hơi thở sự sống vào tạo vật nhân bản. Thứ hai, philia là tình yêu bằng hữu. Tình yêu giao ước của Thiên Chúa di chuyển quá bên kia tính sáng tạo tới việc làm cho nhau có khả năng. “Ta sẽ là Thiên Chúa của các ngươi và các ngươi sẽ là dân của Ta” có nghĩa là Thiên Chúa cam kết với chúng ta và mong một đáp ứng từ chúng ta. Chúa Giêsu nói về tình yêu này như sau: “...Thầy gọi các con là bằng hữu vì Thầy đã làm cho các con biết mọi sự Thầy đã nghe từ Cha Thầy” (Ga 15:15b). Theo Gioan, Thiên Chúa trong Chúa Giêsu muốn thông truyền mầu nhiệm sâu xa nhất và thân thiết nhất về thực tại thần linh. Đó là điều bằng hữu làm. Thứ ba, agape là thứ tình yêu sẵn sàng hiến chính sự sống của mình vì thiện ích của người yêu. “Không có tình thương nào cao cả hơn tình thương của người đã hy sinh tính mạng vì bạn hữu của mình” (Ga 15:13). Và quả thực, “Tình yêu của Thiên Chúa đối với chúng

ta được biểu lộ như thế này: Thiên Chúa đã sai Con Một đến thế gian để nhờ Con Một của Người mà chúng ta được sống” (1Ga 4:9). Do đó, chúng ta có thể nói: nếu không phải nhờ Thánh Thần Thiên Chúa, nghĩa là tình yêu sáng tạo, giao ước và tự hiến của Thiên Chúa, sẽ không hề có sự sống nhân bản nào ở bất cứ nơi đâu hay ở bất cứ thời đại nào.

**Câu hỏi 87:** *Tại sao người ta thường nói Chúa Giêsu hay Thánh Thần của Người sống trong mọi người trong khi có rất nhiều kẻ giết người không tiếc tay hay tội phạm trên thế giới như thế? Chúa Giêsu có dự phần vào việc này không?*

Tình yêu Thiên Chúa trong Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, không loại trừ ai. Theo Thánh Phaolô, mọi người chúng ta đều phạm tội và xa cách vinh quang Thiên Chúa (Rm 3:23), nhưng dù chúng ta còn là những kẻ tội lỗi và thù địch của Thiên Chúa, Thiên Chúa vẫn chứng tỏ tình yêu của Người trong cái chết trên thập giá của Chúa Giêsu vì chúng ta (Rm 5:8). Thách đố của Chúa Giêsu với những người muốn ném đá người đàn bà bị bắt quả tang phạm tội ngoại tình vẫn còn hiệu lực: “Ai trong các ông sạch tội, thì cứ việc lấy đá mà ném trước đi.” (Ga 8:7)

Vấn đề ở đây thực sự là việc tha thứ (xem câu hỏi 49). Phân tích đến cùng, tội duy nhất không thể tha thứ là việc con người cứng lòng nghĩa là từ khước tiếp nhận sự tha thứ và tha thứ cho người khác. Cái chết của Chúa Giêsu trên thập giá là vòng ôm tội hậu kẻ thù của mình trong tình yêu và tha thứ. Tội đích thân chống đối hình phạt tử hình vì quá thường xuyên nó là một hành vi trả thù, một từ khước tha thứ. Hơn nữa, một hành vi như thế thực tế là từ khước tin rằng con người đặc thù này có thể được cứu chuộc, họ có thể hoán cải cả trí lẫn tâm để bắt đầu một cuộc sống mới. Tử hình chỉ có tính hình phạt; nó bỏ qua việc phục hồi. Chúa Giêsu không bao giờ từ bỏ bất cứ ai, ngay các kẻ thù ngoan cố nhất.

Vấn đề là chúng ta phải sẵn lòng và có khả năng tha thứ một cách sâu xa ra sao. Dụ ngôn người đầy tớ không biết thương xót (Mt 18:23-35), như Máthêu mang lại cho chúng ta, đưa ra trọng điểm ở câu 35 cho hay: sự tha thứ của Thiên Chúa không thể hữu hiệu trong đời sống chúng ta nếu chúng ta không tha thứ tận đáy lòng cho anh chị em chúng ta. Tập chú là vào phán xử của vua (=Thiên Chúa). Điều này đúng, nhưng nếu chúng ta xét câu truyện theo các hạn từ của nó mà cuối cùng không áp dụng câu 35, thì kết quả ngạc nhiên sẽ diễn ra lúc vua rút lại lời của ngài và đảo ngược sự tha thứ trước đó của ngài. Danh dự của vua đòi ngài giữ lời của ngài (so sánh với Hêrốt ở Mc 6:26). Không chỉ có thế, nay ngài còn kết án người đầy tớ phải chịu cực hình không bao giờ chấm dứt, một hình phạt còn tệ hơn hình phạt đã ban bố trước rất nhiều (câu 25). Hành động của các đồng bạn đầy tớ khi phúc trình mọi chuyện cho nhà vua thay vì tìm cách tha thứ và hòa giải khác đã có những hậu quả vượt xa điều đã dự tính. Trọng điểm là: khi nghe dụ ngôn này, chúng ta có thể tha thứ cho cả một đầy tớ bạn cũng thô bỉ và không biết thương xót như đầy tớ này không? Chúng ta có sẵn lòng tha thứ và tìm cách khác hơn là bạo động và trả thù để giải quyết các tranh chấp không? Quả vậy, “Thiên Chúa sai Con của Người đến thế gian, không phải để lên án thế gian, nhưng là để thế gian, nhờ Con của Người, mà được cứu độ.” (Ga 3:17).

**Câu hỏi 88:** *Còn về người thuộc các tôn giáo khác, như Ấn độ giáo hay Phật giáo, hay cả người vô thần nữa thì sao? Chúa Giêsu có tạo được khác biệt nào cho họ hay không?*

Có, nếu điều tôi nói trước đây về phục sinh (xem các câu hỏi 68-70) là đúng. Chúa Giêsu phục sinh hiện thân ý định của Thiên Chúa muốn có sự viên mãn trong đời sống và kinh nghiệm nhân bản. Hơn nữa, ý nghĩa của phục sinh trải dài khắp sáng thế. Niềm hy vọng Kitô giáo của chúng ta là mọi sự sẽ được biến đổi trong Chúa Kitô. Thế nhưng, chúng ta vẫn còn trong tiến trình biện phân các cách cụ thể và chuyên biệt sẽ



dẫn tới sự biến đổi sau cùng này. Trong tiến trình này, chúng ta có thể học hỏi từ các truyền thống tôn giáo khác cũng như họ học hỏi từ chúng ta. Cuộc đối thoại lên sinh lực hỗ tương là điều tuyệt đối cần thiết. Chúng ta phải trung thực và cởi mở thừa nhận điều hợp nhất chúng ta cũng như điều chia rẽ chúng ta.

Mọi tôn giáo, cũng như mọi người vô thần theo chủ nghĩa nhân bản đều gặp nhau ở việc chăm sóc và quan tâm phổ quát đối với sáng thế, trái đất, phúc lợi và số mệnh của nó. Một bản năng thực sự tôn giáo (và do đó thực sự nhân bản) không bao giờ dừng dung đối với mẹ đất và nhiều con cái của mẹ đang rung động và tương tác như một toàn thể đầy màu nhiệm. Hơn nữa, các tôn giáo có xu hướng có chung nhau nhiều hơn trên các bình diện quan tâm đạo đức (hành động) và cầu nguyện huyền nhiệm (chiêm niệm). Họ chia rẽ một cách sẵn sàng hơn về các tín lý hay các phát biểu các tín ngưỡng nền tảng. Những điều vừa kể chịu nhiều hạn chế nhân bản trong việc cố gắng phát biểu thể siêu việt tuyệt đối. Nhưng chính ở đây, chúng ta có nhiều điều để học hỏi lẫn nhau. Chúa Giêsu như Đấng phục sinh vượt quá mọi tôn giáo, kể cả Kitô giáo. Các Kitô hữu chúng ta đem tới cuộc tranh luận các xác tín sâu xa về ý nghĩa trung tâm của Chúa Giêsu đối với toàn thể nhân loại. Chúng ta sẽ không còn là Kitô hữu nếu chúng ta không công bố Người như chính sự nhập thể của Thiên Chúa.

Nhưng chúng ta mang các xác tín này vốn nằm trong một truyền thống bắt nguồn từ tính Do Thái của Chúa Giêsu nhưng rất nhanh chóng tự phát biểu bằng các hạn từ Hy Lạp (Đông) và La Tinh (Tây). Giáo Hội Công Giáo, trong căn bản, là Tây Âu trong phát biểu văn hóa và tôn giáo của mình, mặc dù, nó đang trở nên ngày càng là một Giáo Hội thế giới nhiều hơn. Tất cả các Kitô hữu (Rôma, Chính thống, Thệ phản) phải học cách lắng nghe các tiếng nói của Châu Á, Châu Phi, và các nơi khác, nếu chúng ta muốn hiểu ý nghĩa trọn vẹn của phục sinh. Chúa Giêsu không thuộc về Kitô giáo; Người thuộc về mọi dân tộc và toàn bộ sáng thế. Các Kitô hữu chúng ta chỉ được mời gọi làm chứng cho sự thật vốn ở trong chúng ta, làm cho sự thật, con đường và sự sống này (Ga 14:6) thành sẵn có đó cho mọi dân tộc.

**Câu hỏi 89:** *Mọi người, cả những người không bao giờ nghe nói về Chúa Giêsu, có được lên thiên đàng không? Há phép rửa không có tính yếu tính để chúng ta được cứu rỗi hay sao?*

Ở tâm điểm Tin Mừng là lệnh truyền khẩn cấp phải lên đường và công bố Tin Mừng. Đây là lệnh sai đi có tính nền tảng và yếu tính nhất cho Giáo Hội. Thánh Phaolô nói: “...Nếu miệng bạn xưng Đức Giêsu là Chúa, và lòng bạn tin rằng Thiên Chúa đã làm cho Người sống lại từ cõi chết, thì bạn sẽ được cứu độ” (Rm 10:9). Điều này dẫn tới lời huấn giáo lên đường và công bố Tin Mừng. Tương tự như thế, Thánh Phêrô công bố trong Cv 4:12: “Ngoài Người ra, không ai đem lại ơn cứu độ; vì dưới gầm trời này, không có một danh nào khác đã được ban cho nhân loại, để chúng ta phải nhờ vào danh đó mà được cứu độ”. Đó là hai bản văn đáng lưu ý hơn trong nhiều bản văn xem ra đòi hỏi phải có đức tin minh nhiên vào Chúa Giêsu Kitô để được cứu rỗi. Một đức tin như thế dẫn tới phép rửa như việc được bao gồm về bí tích vào cộng đồng những người được cứu rỗi. Với thời gian, điều này dẫn tới niềm tin cho rằng không có ơn cứu rỗi bên ngoài Giáo Hội. Hiện vẫn còn những người duy trì điều này, nhưng lối giải thích cứng nhắc về nó đã sụp đổ từ lâu với “phép rửa bằng máu” (phúc tử đạo) và “phép rửa bằng lòng ước muốn” (luong tâm tốt).

Điều gì đã diễn ra? Trước nhất, có lẽ khẳng định nền tảng nhất của đức tin Kitô giáo là: Thiên Chúa muốn ơn cứu rỗi cho mọi người (1Tm 2:4-6; xem câu hỏi 61). Chính Chúa Giêsu không loại trừ ai khỏi Nước Thiên Chúa. Bất cứ sau này người ta nói điều gì về Người, cũng không thể bác bỏ sự thật nền tảng này. Thứ hai, các trước tác Tân Ước phản ánh sự chờ mong đầy phấn khởi cho rằng Tin Mừng sẽ được rao giảng đến tận cùng trái đất (Cv 1:8; 28:30) và tận cùng này sắp sửa diễn ra nay mai. Chúng ta có thể đọc các bản văn đã trích dẫn trên đây một cách tích cực như khẳng định sự cứu rỗi trong Chúa Kitô mà không rút ra kết luận

tiêu cực cho rằng những người chưa nghe về Chúa Kitô sẽ không được cứu rỗi. Thứ ba, chúng ta đang sống trong thế kỷ 20, chúng ta ý thức một cách sắc nét nhiều hơn tính đa dạng và phức tạp của lịch sử nhân loại. Thực tại này qui định cách chúng ta giải thích các bản văn Kinh Thánh. Liệu chúng ta có muốn tin rằng Đấng Thiên Chúa được mạc khải nơi Chúa Giêsu lại có thể võ đoán loại trừ hàng hà sa số những người không do lỗi riêng của họ trong việc không bao giờ nghe biết về Chúa Kitô không? Tình trạng sau cùng của mỗi nhân vị chỉ có Thiên Chúa mới biết được và ta nên để cho Thiên Chúa phán xử. Cộng đồng các môn đệ mà chúng ta gọi là Giáo Hội, một lần nữa, chỉ có thể làm chứng qua việc cam kết bản thân và cộng đồng sống cuộc sống mà Chúa Giêsu đã mạc khải cho chúng ta.

**Câu hỏi 90:** *Tại sao Chúa Giêsu không đơn giản phá hủy sự ác một lần vĩnh viễn và thiết lập vương quốc trên trái đất?*

Câu hỏi này nói lên điều có lẽ là niềm hy vọng của rất nhiều người cùng thời với Chúa Giêsu (xem câu hỏi 33). Trong một số lần, chúng ta đã cho thấy rằng “Thiên Chúa Đấng đối thoại” không hành động cách ép buộc. Cả niềm hy vọng có tính khái huyền về việc tiêu diệt lớn lao “thời đại xấu xa” hiện tại lẫn niềm hy vọng duy dân tộc chiến thắng kẻ thù của mình đều không tương thích với lối hành động của Chúa Giêsu Kitô. Câu hỏi duy nhất người ta có thể hỏi cách hữu ích không phải là Thiên Chúa có thể đã làm những gì mà là Thiên Chúa đã làm những gì trong Chúa Giêsu. Mátthêu nhìn nhận vấn đề Thiên Chúa không hành động khi Chúa Giêsu bị bắt lúc một trong các môn đệ của Chúa Giêsu cắt đứt tay tên nô lệ của thầy cả thượng phẩm: “Hãy xô gươm vào vỏ, vì tất cả những ai cầm gươm sẽ chết vì gươm. Hay anh tưởng là Thầy không thể kêu cứu với Cha Thầy sao? Người sẽ cấp ngay cho Thầy hơn mười hai đạo binh thiên thần” (Mt 26:52-53). Theo mọi Tin Mừng, điều đang diễn ra là ứng nghiệm lời sách thánh tức thánh ý Thiên Chúa. Luca cũng viết thêm: “đây là giờ của các ông, là thời của quyền lực tối tăm!” (Lc 22:53b). Thiên Chúa đã dựng nên chúng ta như các tạo vật của thời gian và không gian. Thánh ý Thiên Chúa là chúng ta dùng thời gian và có không gian để học hỏi một điều duy nhất cần thiết: yêu mến nhau như Chúa Giêsu đã yêu chúng ta. Sức mạnh thần linh duy nhất mà Chúa Giêsu cung ứng cho chúng ta là sức mạnh của tình yêu, Thánh Thần của Người.



Tuy nhiên, câu hỏi cũng nói lên ước muốn sâu xa nhất của mọi cõi lòng nhân bản: công lý được thực hiện. Điều này không y hệt việc trả thù hay chiến thắng kẻ thù của ta. Những ai “đói khát sự chính trực” (Mt 5:6) đói và khát Thiên Chúa, Đấng duy nhất thực sự là chính trực. Mọi liên hệ “đúng đắn” với Thiên Chúa là điều làm cho mọi liên hệ đúng đắn với nhau và với toàn bộ sáng thế thành khả hữu. Trong Chúa Giêsu, Thiên Chúa đã thiết lập chính mối liên hệ như thế và do đó đã tiêu diệt sự ác một lần vĩnh viễn. “Người đã vào cung thánh không phải với máu các con dê, con bò, nhưng với chính máu của mình, Người vào chỉ một lần thôi, và đã lãnh được ơn cứu chuộc vĩnh viễn cho chúng ta” (Dt 9:12). Điều đã được thể hiện nơi Chúa Giêsu vẫn còn cần được thể hiện nơi chúng ta và do đó, Người đã ban cho chúng ta Thánh Thần của Người và Lời của Người để đem chúng ta tới công lý và phán đoán: “Lời Thiên Chúa là lời sống động, hữu hiệu và sắc bén hơn cả gươm hai lưỡi : xuyên thấu chỗ phân cách tâm với linh, cốt với tuý; lời đó phê phán tâm tình

cũng như tư tưởng của lòng người. Vì không có loài thụ tạo nào mà không hiện rõ trước Lời Chúa, nhưng tất cả đều trần trụi và phơi bày trước mặt Đấng có quyền đòi chúng ta trả lễ” (Dt 4:12-13).

**Câu hỏi 91:** *Làm thế nào con biết Chúa Giêsu đang lắng nghe con? Tại sao có quá nhiều đau khổ trong đời con nếu Chúa Giêsu yêu con đến thế?*

Trên đây, chúng tôi đã gợi ý (xem câu hỏi 65) rằng không hề có câu trả lời cho câu hỏi “tại sao?” khi người ta giáp mặt với trải nghiệm bản thân về sự ác. Ở một bình diện, chúng ta đơn giản phải chấp nhận sự kiện này: mỗi người chúng ta đều là một phần tạo nên vũ trụ màu nhiệm và phức tạp liên tục trải qua các diễn trình thay đổi, cả lớn mạnh lẫn phân hủy. Chúng ta sinh ra và chết đi. Trong đời mình, chúng ta thường giáp mặt với những sức mạnh vượt quá tầm kiểm soát của chúng ta. Chủ yếu đối với bất cứ mối liên hệ nào với Thiên Chúa cũng đơn giản là việc chấp nhận tính tử sinh của chúng ta. Lạc giáo vĩ đại của nền văn hóa của chúng ta, một nền văn hóa cũng đã gây ra nhiều thiệt hại tâm lý vô lường, là bác bỏ sự chết. Không chấp nhận các diễn trình bình thường của sống và chết là tự tha hóa mình khỏi thiên nhiên, và do đó khỏi chính bản ngã chúng ta như những tạo vật có thân xác.

Tuy nhiên, ở một bình diện khác, chúng ta không phải chỉ là những người thụ động chịu đựng trong một thế giới vô cảm. Thiên Chúa đã ban cho chúng ta trí khôn và ý chí, khả năng tưởng tượng ra các khả thể mới và tạo chúng thành các thực tại. Thiên Chúa luôn hiện diện trong óc sáng tạo của chúng ta, vì Thiên Chúa sáng tạo qua chúng ta. Không còn hoài nghi gì nữa là Thiên Chúa sống động, tích cực, hiện diện trong đời ta, trong cả các nỗi đau đớn của ta. Chúa Cha biết chúng ta cần gì ngay trước khi chúng ta cầu xin (Mt 6: 32). Chúa Con luôn lắng nghe và lưu tâm vì Người vốn bước đi cùng một nẻo đường và biết rõ chúng ta cảm nhận ra sao (Dt 4:15). Chúa Thánh Thần luôn khuyến khích và hướng dẫn chúng ta hướng tới sự viên mãn của tình yêu như có tính sáng tạo, giao ước, và tự hiến. Như thế, khi cầu nguyện, chúng ta không cầu nguyện để kéo sự chú ý của Thiên Chúa. Đúng hơn, chúng ta cầu nguyện để chúng ta có khả năng nghe được điều Thiên Chúa đang nói với chúng ta. Đó là một trong những điều Thiên Chúa đang nói với chúng ta hết lần này đến lần nọ: “...Thầy lại đến và đem anh em về với Thầy, để Thầy ở đâu, anh em cũng ở đó” (Ga 14:3bc).

**Câu hỏi 92:** *Trong việc cầu nguyện của chúng ta, có phải lúc nào chúng ta cũng phải đến với Chúa Cha qua Chúa Con hay chúng ta có thể cầu nguyện trực tiếp với Chúa Cha?*

Lời cầu nguyện của Kitô hữu luôn luôn nên có tính Ba Ngôi. Chính Chúa Giêsu đã mạc khải cho ta bản tính tam vị của một Thiên Chúa. Tôi thấy truyền thống của Chính thống giáo luôn cầu nguyện với Chúa Cha qua Chúa Con trong Chúa Thánh Thần là có nền tảng Kinh Thánh hơn cả. Điều này không có nghĩa là chúng ta không thể cầu nguyện lúc thì với Chúa Cha, lúc thì với Chúa Con và lúc thì với Chúa Thánh Thần, tùy ý thích bản thân của mỗi người. Nhưng những lời cầu nguyện như thế không bao giờ nên quên rằng Ba Vị đều hợp nhất vô cùng chặt chẽ trong một sự sống thân linh duy nhất. Tin Mừng Gioan đặc biệt nói mạnh về khía cạnh này: “Chúa Cha và Thầy là một” (10:30). “Ai thấy Thầy là thấy Chúa Cha... Anh không tin rằng Thầy ở trong Chúa Cha và Chúa Cha ở trong Thầy sao?” (14:9b.10a).

Diễn từ tại bữa tối cuối cùng trong Tin Mừng Gioan (các chương 13-17) tập chú vào hành động qua lại bên trong Chúa Cha, Chúa Con, và Chúa Thánh Thần và vào việc cư ngụ hỗ tương của cùng sự sống tam vị trong chúng ta, và sự cư ngụ của chúng ta trong sự sống tam vị. Trong truyền thống Chính Thống sau này, Ba Ngôi được tưởng tượng như đang múa nhẩy trong một vòng tròn. Chúng ta được mời gọi tham gia cuộc múa nhẩy, tham gia vào vòng ôm yêu thương năng động và hỗ tương vốn là sự sống Thiên Chúa. Thiên Chúa mời chúng ta vào và do đó, “thần hóa” chúng ta nghĩa là làm cho sự sống Thiên Chúa thành sự sống của chúng ta. Thiên Chúa mời chúng ta vào không phải để tan hòa chúng ta vào sự sống thần linh, nhưng biến đổi chúng ta bằng sức mạnh của tình yêu sáng tạo, giao ước và tự hiến để chúng ta đạt tới sự viên mãn của bản thể ta như những ngôi vị nhân bản. Thiên Chúa khẳng định căn tính, phẩm giá và sự toàn vẹn bản vị

của chúng ta. Thiên Chúa muốn chúng ta là những ngôi vị nhân bản được làm cho sống động trọn vẹn, nói theo dẫn giải thông sáng và đẹp đẽ của Thánh Irênê. Ôn phúc Thiên Chúa ban cho chúng ta là Chúa Thánh Thần (Lc 11:13). Bất cứ điều gì khác chúng ta có thể cần hay muốn cầu xin cho có, ơn phúc này cuối cùng là ơn phúc không thể thiếu mà chúng ta phải cầu xin cho có. Chúng ta cầu xin Chúa Cha qua Chúa Con ban cho chúng ta Chúa Thánh Thần. Với Chúa Thánh Thần này, ngay lúc này, chúng ta đã có thể bước đi trong sự sống mới (Rm 6:4) như sáng thế mới (Gl 6:15; 2Cr 5:17). “Mà sự sống đời đời đó là họ nhận biết Cha, Thiên Chúa duy nhất và chân thật, và nhận biết Đấng Cha đã sai đến, là Giêsu Kitô” (Ga 17:3). Sự sống đời đời đã bắt đầu rồi khi chúng ta, nhờ đức tin và lời cầu nguyện, chúng ta được gia nhập sự sống Ba Ngôi của Thiên Chúa.

**Câu hỏi 93:** *Làm thế nào con biết Thiên Chúa muốn gì cho con?*

Trong phiên bản Mátthêu về Kinh Lạy Cha, Chúa Giêsu dạy chúng ta cầu nguyện “Ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời” (6:10b). Chính Chúa Giêsu (nhưng chỉ trong Mátthêu) đã nhắc lại những chữ này tại Vườn Diếtsimani: “Lạy Cha, nếu con cứ phải uống chén này mà không sao tránh khỏi, thì xin vâng ý Cha” (26:42b). Đối với Mátthêu, Chúa Giêsu không những là sự Khôn ngoan của Thiên Chúa, Đấng công bố và dạy dỗ người ta về thánh ý Thiên Chúa; Người còn hiện thân nó từ lúc chịu phép rửa bằng nước cho đến lúc chịu phép rửa bằng máu. Là một Kitô hữu, tôi chỉ có thể biết thánh ý Thiên Chúa nếu tôi tiếp nhận ơn phúc của Thánh Thần Người trong phép rửa và tìm cách hiện thân Thánh Thần này bằng cách theo chân Chúa Giêsu lên đường trong các điều kiện cụ thể và chuyên biệt của đời sống tôi. Tìm cách bắt chước các hành động Chúa Giêsu một cách chỉ lưu ý tới nghĩa đen là ngu xuẩn và hời hợt. Tôi phải nắm được Thánh Thần Người và để Thánh Thần này sống động trở lại trong bối cảnh hoàn cảnh sống độc đáo của tôi.

Ba điều nên nói về thánh ý Thiên Chúa. Thứ nhất, thánh ý Thiên Chúa, cuối cùng, là một mâu nhiệm giấu ẩn trong ý định và quyền năng của Thiên Chúa. Ngay Chúa Giêsu cũng phải tìm kiếm và khám phá ra thánh ý này qua các trải nghiệm cụ thể của đời sống Người. Cho đến tận cuộc đời Người, Chúa Giêsu vẫn không hoàn toàn chắc chắn về nó, như cảnh trong vườn Diếtsimani đã cho thấy, nhưng Người hoàn toàn chắc chắn điều này: Người có thể tin thác thánh ý này “để giữ trọn đức công chính” (3:15c). Thứ hai, ý định của Thiên Chúa được mạc khải trong phục sinh. Điều Thiên Chúa muốn cho toàn thể sáng thế và cho từng hữu thể nhân bản là sự sống viên mãn, là mỗi người chúng ta trở nên chúng ta một cách trọn vẹn qua việc kết hợp với chính sự sống thần linh. Thứ ba, Thiên Chúa tạo dựng nên mỗi con người như một ơn phúc độc đáo từ bàn tay Thiên Chúa. Mỗi người chúng ta phải khám phá ra việc phải sống ý định của Thiên Chúa cách cụ thể và chuyên biệt ra sao. Ở đây, chúng ta cần biện phân các thần khí; để ôm lấy Thần Khí Thiên Chúa và xua đuổi thần khí sự ác. “Giống quý ấy, chỉ có cầu nguyện mới trừ được thôi” (Mc 9:29b). Mục đích của Linh Thao của Thánh Inhaxiô là dìu chúng ta trong Thần Khí Thiên Chúa một cách sâu xa đến nỗi mọi điều khác trên mặt đất chỉ có thể hiểu được và lượng giá được dưới ánh sáng của Thần Khí này. Biết được thánh ý Thiên Chúa là một diễn trình biện phân sẽ kéo dài cho đến chết. Nhưng một điều rõ ràng là Thiên Chúa luôn đòi nơi chúng ta điều Người đã đòi nơi Chúa Giêsu: chúng ta mãi trung thành với các lựa chọn chân chính mà chúng ta đã đưa ra.

**Câu 94:** *Thiên Chúa muốn chúng ta được tự do ra sao? Ngày nay, há không có quá nhiều nhân mạnh tới việc làm bất cứ điều con muốn hay sao?*

Trong nền văn hóa Hoa Kỳ, tự do thường được đi kèm với chủ nghĩa duy cá nhân tràn lan, và điều này thật bất hạnh. Tự do đích thực không lấy mình làm trung tâm, không chỉ tập chú vào các quyền lợi và lựa chọn cá nhân của tôi đến loại bỏ quyền lợi và nhu cầu của người khác. Cũng không đủ khi nói rằng tôi nhìn nhận cùng những điều này cho các cá nhân khác. Điều này dẫn đến ý niệm coi xã hội chỉ như một khế ước tối đa hóa tự do cá nhân và tối thiểu hóa nghĩa vụ xã hội. Điều này làm ngơ sự kiện, là con cái Thiên Chúa, Đấng đã dựng nên chúng ta, chúng ta vốn thuộc về nhau. Tự do đích thực luôn có tính tương quan, như nó vốn hiện hữu trong sự sống ba ngôi của Thiên Chúa. Không ai trong chúng ta được tự do, nếu một trong các anh



chị em của chúng ta bị nô dịch.

Phong trào hiện thời dưới tên “thần học giải phóng”, vốn bắt đầu trong thập niên 1960 ở Châu Mỹ La Tinh, quan tâm tới việc nhấn mạnh mối nối kết thân thiết giữa đức tin Kitô giáo của chúng ta với các thực tại xã hội, chính trị, và kinh tế thời ta. Thần học giải phóng không cho mình là một nền thần học giữa các nền thần học khác, mà là cách duy nhất làm thần học. Tham chiếu hàng đầu là Kinh Thánh. Do đó, trải nghiệm xuất hành trở thành tập chú chính vì nó nói lên 3 yếu tố không thể thiếu: tự do khỏi áp bức quá khứ (ách nô lệ tại Ai Cập); lãnh trách nhiệm hiện tại trong tư cách cộng đồng mới được thiết lập sống cho mối liên hệ với Thiên Chúa và với nhau (giao ước chủ yếu được diễn tả trong mười giới răn: tự do cho tương lai như tương lai của Thiên Chúa (một cộng đồng của hy vọng được biểu tượng bằng lãnh thổ như sự ứng nghiệm của lời Thiên Chúa hứa).

Lịch sử Israel là lịch sử của một dân tộc đấu tranh để mãi trung thành với Thiên Chúa và với nhau. Các tiên tri đặc biệt phê phán các thất bại trong trách nhiệm xã hội: đối với người nghèo, quả phụ, cô nhi, người xa lạ như tượng trưng cho những người dễ bị thương tổn và đàn áp nhất. Họ tượng trưng cho thất bại của Israel, không sống đúng giao ước. Áp bức người nghèo là bác bỏ Thiên Chúa của Israel. Chúa Giêsu đến từ bên trong truyền thống đó và công bố rằng vương quốc Thiên Chúa đang đến đặc biệt cho người nghèo và người bị áp bức (xem các câu hỏi 32-33). Các giải thích cá nhân chủ nghĩa về Kinh Thánh nào làm ngơ các quan tâm xã hội của Môsê và của Chúa Giêsu đều thuận tiện cho những ai muốn duy trì nguyên trạng nghèo đói và áp bức, nhưng họ cũng bác bỏ “tự do của vinh quang con cái Thiên Chúa” (Rm 8:21b). Như thế, tự do không phải là giấy phép được làm bất cứ điều gì tôi muốn. Tự do là trách nhiệm vinh quang để chăm sóc và nuôi dưỡng người khác, và đặc biệt người nghèo, người bị hắt hủi, bị nhục mạ và khinh thị giữa chúng ta. Nếu chúng ta làm thế, chúng ta khỏi cần phải quan tâm nhiều đến việc bảo vệ “Các tự do” của chúng ta nữa.

**Câu hỏi 95:** *Ngày nay, chúng ta nghe nói khá nhiều đến các vấn đề của phụ nữ. Phong trào duy nữ có tính Kitô giáo hay không?*

Có hàng loạt các phong trào duy nữ, và do đó, ta phải cẩn thận khi dùng các phạm trù này. Có một số nhà duy nữ bác bỏ Kitô giáo như là quá tộc trưởng (patriarchal) và bài phụ nữ. Có những nhà duy nữ khác cảm thấy Kitô giáo có trong mình nhiều hạt giống tự cứu chuộc mình khỏi tính tộc trưởng và các xu hướng bài phụ nữ. Tôi tự kể tôi vào lớp người sau. Nếu một người duy nữ nào đó, bất kể là nam hay nữ, nhưng tin vào sự bình đẳng trọn vẹn của đàn ông và đàn bà và làm việc để biến sự bình đẳng này thành một thực tại trong mọi cơ cấu xã hội, bất kể là dân sự hay tôn giáo, thì tôi sẵn sàng gọi mình là một người duy nữ. Vấn đề là là vấn đề về nhân tính trọn vẹn, và như tôi đã thường xuyên nhấn mạnh trước đây, không điều nhân bản nào lại xa lạ đối với một Kitô giáo chân chính.

Theo nghĩa đã mô tả, mặc dù hạn tứ đã lỗi thời, tôi vẫn xin nói rằng bằng lời nói và việc làm của Người, Chúa Giêsu tự cho thấy Người là một nhà duy nữ (xem câu hỏi 25). Người có những quan điểm rất tích cực về phụ nữ và giao tiếp với họ cách công khai, thậm chí còn mời gọi một số họ thành môn đệ của Người (xem câu hỏi 50). Người sử dụng hình ảnh mẹ để nói về Thiên Chúa, Đấng mà Người gọi là Bô (*Abba*) (xem câu hỏi 36). Trong tất cả việc này, Người hết sức động đảo đời Người. Với một sự tự do gây ngạc nhiên, Người thách thức các cơ cấu và thực hành nặng tính tộc trưởng cố thủ vốn chống đối phụ nữ. Người cung cấp viễn kiến về một loại cộng đồng mới, một cách mới để lập tương quan vượt quá các chia rẽ và áp bức giữa người giàu và người nghèo, nô lệ và tự do, nam và nữ.

Trung dẫn một công thức rửa tội tiên khởi, Thánh Phaolô chứng tỏ rằng các Kitô hữu tiên khởi hiểu điều này: “Không còn chuyện phân biệt Do-thái hay Hy-lạp, nô lệ hay tự do, đàn ông hay đàn bà; nhưng tất cả anh em chỉ là một trong Đức Kitô” (Gl 3:28). Các chia rẽ dựa vào chủng tộc, giai cấp hay giới tính đều đã bị vượt quá bởi tính nên một của chúng ta trong Chúa Kitô nhờ phép rửa. Bi thảm thay, các chia rẽ ấy đã trở lại gây bệnh dịch cho Kitô giáo từ thời tiên khởi cho tới tận ngày nay. Không có ai bị áp bức như một người

đàn bà da màu nghèo. Bà bị áp bức vì giai cấp, vì giới tính và vì chủng tộc của bà. Nếu bà không được tự do, thì không ai trong chúng ta được tự do. Phong trào duy nữ có tính Kitô giáo hay không? Tôi xin đề xuất điều này: chúng ta không phải là Kitô hữu nếu chúng ta không duy nữ cùng một cách như Chúa Giêsu, nghĩa là, nếu chúng ta không thực sự tin vào sự bình đẳng trọn vẹn giữa đàn bà và đàn ông và nếu chúng ta không làm tất cả những gì có thể để làm cho sự bình đẳng này thành một thực tại trong xã hội đương thời của chúng ta.



**Câu hỏi 96:** *Tại sao hiện có quá nhiều chia rẽ bên trong Kitô giáo?*

Cũng như với các quan điểm khác nhau về Chúa Giêsu, chắc chắn có chỗ bên trong Kitô giáo cho tính đa nguyên hợp pháp (xem câu hỏi 7). Tuy nhiên, có sự khác nhau giữa tính đa nguyên lành mạnh và các khác biệt không thể nào hòa giải. Ngay từ lúc bắt đầu của thời đại Kinh Thánh, đã có các cộng đồng khác nhau với các viễn ảnh văn hóa, ngôn ngữ, và thần học đa dạng. Cùng một lúc, người ta thấy Giáo Hội tiên khởi chật vật với vấn đề tự định nghĩa về chính mình nghĩa là điều gì hợp nhất chúng ta như một cộng đồng đức tin và điều gì phân cách hay cắt rời một ai đó khỏi cộng đồng này. Thánh Phaolô nói một cách nhấn mạnh: “Như tôi đã nói, và nay tôi xin nói lại: nếu có ai loan báo cho anh em một Tin Mừng khác với Tin Mừng anh em đã lãnh nhận, thì xin Thiên Chúa loại trừ kẻ ấy đi!” (Gl 1:9). Tác giả thư 1 Gioan, khi cố gắng cứu Tin Mừng Gioan cho Giáo Hội chính thống, đã kêu gọi cộng đồng “cân nhắc các thần khí xem có phải bởi Thiên Chúa hay không... Căn cứ vào điều này, anh em nhận ra thần khí của Thiên Chúa: thần khí nào tuyên xưng Đức Giêsu Kitô là Đấng đã đến và trở nên người phạm, thì thần khí ấy bởi Thiên Chúa; còn thần khí nào không tuyên xưng Đức Giêsu, thì không bởi Thiên Chúa; đó là thần khí của tên phản Kitô. Anh em đã nghe nói là nó đang tới, và hiện nay nó ở trong thế gian rồi” (1Ga 4:1-3). Mátthêu khẳng định quyền lực của cộng đồng đức tin được buộc hay tha trong các vấn đề cả tín lý lẫn kỷ luật.

Việc giải thích của cộng đồng về đức tin là một diễn trình liên tục như toàn bộ lịch sử của Giáo Hội đã chứng thực. Bị thảm thay, thường vì các lý do chính trị và kinh tế nhiều hơn là vì các lý do thần học đúng nghĩa, các chia rẽ làm tan nát cõi lòng vẫn đã xảy ra. Các chia rẽ chính là giữa người Chính Thống Giáo Đông Phương và người Công Giáo Rôma năm 1054 và giữa người Công Giáo Rôma và người Thệ Phản năm 1517. Công đồng Vatican II (1962-1965) cuối cùng đã nhìn nhận rằng tất cả chúng ta đều có tội và xa lìa vinh quang Thiên Chúa, chúng ta phải tìm lại sự hợp nhất mọi Kitô hữu, điều mà Chúa Giêsu vốn đã cầu xin cho có (Ga 17:20-21). Nhiệm vụ của phong trào đại kết không phải là giả vờ coi như lịch sử này chưa bao giờ diễn ra và đơn sơ hy vọng rằng chúng ta có thể trở về với một hoàng kim thời đại trước đây. Mọi Kitô hữu phải thừa nhận và tôn trọng lịch sử và truyền thống đặc thù của mỗi tín phái. Cùng một lúc, chúng ta phải thắng vượt tính hay chia rẽ của quá khứ (thường dựa vào các thiên kiến cho thấy chúng ta dễ xúc cảm và nói năng hoa mỹ hơn trong sự kiện) và tìm kiếm sự hợp nhất cao hơn trong Chúa Giêsu Kitô mà chúng ta vốn có do phép rửa của chúng ta (Gl 3:28).

**Câu hỏi 97:** *Chúng ta đang sống trong một thế giới hiện đại, khoa học. Chúa Giêsu có điều gì để nói với thời đại khoa học không?*

Khoa học tìm cách giải thích vũ trụ vật lý của chúng ta qua các mô hình giả thiết và, nếu có tính thực tế, áp dụng kiến thức đó một cách có thể khai thác năng lực và sức mạnh của vật chất phục vụ thiện ích của con người. Các thiện ích của khoa học thì mênh mông và tôn giáo chỉ có thể ca ngợi thiên tài sáng tạo của các khoa học gia như là ơn phúc từ Thiên Chúa. Bất chấp các tranh chấp quá khứ, thường dựa trên ngu dốt và sợ hãi, không nên có bất cứ thù nghịch nào giữa khoa học và tôn giáo. Chúng đơn giản chỉ chuyển dịch trên các bình diện khác nhau mà thôi, nhưng cả hai đều nhằm làm cho thế giới nên nhân bản hơn.

Một quan tâm chung của cả khoa học lẫn tôn giáo ngày nay là sinh thái. Tưởng tượng trái đất như mẹ và bầu trời như cha là một ẩn dụ tôn giáo có thể lợi cuốn hay không đối với tâm trí con người hiện đại. Nhưng, không giống như quan điểm máy móc về vũ trụ do Newton đề xướng, Các khoa học gia ngày nay ngày càng thừa nhận hơn rằng vũ trụ là một cơ thể sinh động và sôi nổi trong đó mọi thành phần đều nối kết với nhau và do đó gây ảnh hưởng và chịu ảnh hưởng bởi mọi thành phần khác. Phong trào duy nữ và sinh thái, cả hai phát xuất từ các quan tâm tôn giáo, nhấn mạnh tới tính nối kết, các mối tương quan, việc chăm sóc và quan tâm nuôi dưỡng người khác, cảm thức trách nhiệm xã hội, những điều ngày càng lên đặc điểm cho thời đại ta.

Chúa Giêsu là một con người của thời đại Người và do đó bị giới hạn bởi kiến thức khoa học của thời đại của Người. Nhưng Người quả mang vào ý thức nhân bản một cảm thức về mầu nhiệm thần linh tại tâm điểm vạn vật, một mầu nhiệm thần linh vốn có tính tương quan và yêu thương, khẳng định và lên sinh lực mà không hề có tính cạnh tranh hay cưỡng chế. Điều Chúa Giêsu muốn nói với các khoa học gia chỉ là thế này: đừng trở thành tác nhân của tha hóa, thống trị, cưỡng chế và cạnh tranh. Một phương thức như thế có thể đem lại cho các anh các chiến thắng ngắn hạn trong nghệ thuật thao túng nhưng nó sẽ không bao giờ dẫn các anh vào việc hiểu biết và đánh giá cao mầu nhiệm là vũ trụ vật lý của chúng ta.

**Câu hỏi 98:** *Mỗi Chúa nhật, chúng ta đều đọc: “Chúng tôi trông đợi kẻ chết sống lại và sự sống đời sau”. Điều này có nghĩa gì?*

Câu này lấy từ “Kinh Tin kính Nixê”, vốn thực sự được lên công thức tại Công đồng Constantinôp lần thứ nhất năm 381. Công đồng sử dụng ngôn ngữ khai huyền của Kinh Thánh. Việc phục sinh của Chúa Giêsu là một biến cố khai huyền (xem câu hỏi 71). Trong tư cách ấy, nó biểu thị tận cùng của lịch sử và phán xét cuối cùng; thế nhưng lịch sử vẫn tiếp tục. Người Biệt phái, và nhiều người khác, có chung một loại trông đợi nào đó về sự phục sinh phổ quát vào ngày tận cùng thời gian. Điều độc đáo đối với đức tin Kitô giáo là chủ trương cho rằng con người Giêsu này đã trỗi dậy một cách dự ứng trước ngày tận cùng. Nơi Chúa Giêsu, dự định thần linh đã được mạc khải, thế nhưng niềm hy vọng của chúng ta là cả chúng ta nữa cũng sẽ được trỗi dậy trong Người (Rm 6:5-11). Như thế, “kẻ chết sống lại” như biến đổi sau cùng của mọi sự trong Chúa Kitô vẫn còn cần phải diễn ra. Bao hàm toàn bộ lịch sử, nó sẽ thực sự là tận cùng của lịch sử như chúng ta biết nó.

Nên lưu ý rằng việc biến đổi này trải dài toàn bộ sáng thế. Như J. Moltmann từng chỉ rõ, không những lịch sử nhân bản mà cả biến hóa cũng có các nạn nhân của nó. Điều này có nghĩa: việc Chúa Giêsu đến vào ngày tận thế sẽ biểu thị ơn cứu chuộc không những cho con người mà còn cho cả biến hóa nữa. Đó là lý do tại sao, ẩn dụ phục sinh hết sức quan trọng. Hình ảnh này vươn xa để bao gồm toàn bộ vũ trụ vật lý trong mọi biểu hiện của nó từ viên đá đơn giản nhất tới những thuần thần tinh tế nhất. “Thật vậy, chúng ta biết rằng: cho đến bây giờ, muôn loài thụ tạo cùng rên siết và quằn quại như sắp sinh nở. Không phải muôn loài mà thôi, cả chúng ta cũng rên siết trong lòng: chúng ta đã lãnh nhận Thần Khí như ân huệ mở đầu, nhưng còn trông đợi Thiên Chúa ban cho trọn quyền làm con, nghĩa là cứu chuộc thân xác chúng ta nữa” (Rm 8:22-23).

Hình ảnh sinh nở thích đáng xiết bao. “Sự sống đời sau” sẽ bao gồm mọi con cái từ mẹ đất sinh ra: “Hoa trái đầu mùa” là Chúa Giêsu Kitô, rồi đến những kẻ thuộc về Người (*ICr 15:23*), những kẻ có “hoa trái đầu mùa của Thần Khí”, rồi đến toàn bộ sáng thế để cuối cùng “Thiên Chúa là tất cả trong tất cả” (*ICr 15:28*). Chúng ta phải tưởng tượng đời sau này ra sao? Chắc chắn không như một nơi hoàn toàn khác, thuộc thế giới khác, xa lạ, không một chút nối kết nào với trái đất này! Đúng hơn, nó sẽ là thế giới này, cũng một thế giới này, nhưng đã được biến đổi bởi quyền năng đầy sáng tạo của Thần Khí Thiên Chúa thành hợp nhất với sự sống thân linh, một toàn bộ toàn vẹn, thành sự sống đời đời nơi sự chết không còn bất cứ quyền lực nào nữa. Đó chính là điều phục sinh muốn nói (xem câu hỏi 68).

**Câu hỏi 99:** *Còn về hỏa ngục? Há Chúa Giêsu chẳng nói rằng những kẻ làm điều dữ sẽ bị ném vào lửa nơi khốc lóc và ghiền rãnh sao?*

Đã có một ám chỉ như thế trong giải thích của Mátthêu về dụ ngôn cỏ lùng (*Mt 13:36-43*). Lửa là một hình ảnh quen thuộc của Kinh Thánh về phán xét (thí dụ *Mc 9:42-48; Mt 3:10-12; 7:19*). Hình ảnh này phát xuất từ lửa phán xét bùng cháy trong thung lũng Hinnom (*Grm 7:32; 19:6; Is 66:24*) được gọi là “*Gehenna*” trong Tân Ước. Cựu ước cũng nhắc đến “sheol”, thế giới tối tăm của người chết. Điều mà các tiên tri, thánh Gioan Tẩy giả, và Chúa Giêsu muốn truyền tải bằng hình ảnh này là: tầm quan trọng tối cao của quyết định nhân bản cả cho đời này lẫn cho đời sau. Nó không phải là vấn đề Thiên Chúa trả thù hay trừng phạt vô đoán. Đúng hơn, Thiên Chúa đã tạo dựng chúng ta có ý chí tự do và tôn trọng các hậu quả của các chọn lựa của chúng ta, dù cho các lựa chọn này bao gồm việc chúng ta quay lưng khỏi vị Thiên Chúa vốn là nguồn sống duy nhất này.

Giáo Hội vốn định tín rằng có hỏa ngục, nhưng quả là vô ích khi suy đoán nó ra sao hay nó ở đâu và liệu có ai ở trong nó hay không. Chỉ có Thiên Chúa mới có thể thực hiện các phán đoán này. Tuy nhiên, để tưởng tượng hỏa ngục, ta chỉ cần nhìn các thứ hỏa ngục do con người tạo ra qua chiến tranh, hận thù sắc tộc, tra tấn, tàn sát, bỏ đói hàng loạt v.v... trong thế giới ngày nay. Điều quan trọng trong tín lý của Giáo Hội về hỏa ngục không phải là khả năng của chúng ta tưởng tượng ra các hành khổ cực kỳ về thể lý kéo dài mãi mãi, nhưng là cảm thức được sự mất mát khôn tả sẽ xảy ra nếu chúng ta tự làm cho mình, qua các lựa chọn của mình, thành đời đời mất khả năng trở về với tình yêu của Thiên Chúa. Chính sự nồng ấm sâu đậm của tình yêu Thiên Chúa và việc chúng ta mất khả năng đáp ứng tình yêu này sẽ đời đời hành hạ chúng ta. Tất cả những điều này muốn nói: Thiên Chúa coi trọng những điều chúng ta làm, việc chúng ta đáp ứng ra sao đối với các sáng kiến thân linh có tạo ra sự khác biệt đối với việc tạo hình dạng cho đời sau. Đây là một vị Thiên Chúa đối thoại, Đáng muốn chúng ta trở thành các hữu thể nhân bản trọn vẹn và tự do mãi mãi sống bên trong vòng tình yêu thân linh, nhưng là Đáng tôn trọng tự do bản vị của chúng ta coi nó như thánh thiêng và bất khả xâm phạm.

**Câu hỏi 100:** *Việc tái lâm của Chúa Giêsu sẽ ra sao?*

Điều xem ra rõ ràng là các cộng đồng Kitô giáo tiên khởi có một trông đợi rất mạnh Chúa Giêsu sẽ trở lại bất cứ lúc nào như Con Người. Thánh Phaolô thậm chí xem ra còn ỉa định rằng Chúa Giêsu sẽ trở lại trong sinh thời của một số người ngài viết thư cho (*ITx 4:13-5:11; ICr 15:50-52*). Thế nhưng, Người cũng sẽ trở lại khi người ta ít ngờ nhất “như một tên trộm vào ban đêm” (*ITx 5:2; Mt 24:43-44*), nên điều tốt hơn hết mà chúng ta có thể làm là sẵn sàng. Đây là điểm chính trong các diễn từ khai huyền của các Tin Mừng nhất lãm (*Mc 13:1-37* các song hành). Gioan cho thấy ít cảm thức khẩn trương hơn, vì những ai tin vào Chúa Giêsu Kitô thì đã đang trải nghiệm được sự sống đời đời rồi. Thế nhưng, Sách Khải huyền, vốn phát xuất từ cộng đồng Gioan, kết thúc với hoài mong của mọi Kitô hữu: “Amen. Lạy Chúa Giêsu, xin hãy đến!” (*Kh 22:20*).

Hình ảnh Con Người đến trong đám mây đầy quyền năng và vinh quang (*Mc 13:26* song hành) nhằm mục đích nói rằng khi thời khắc cuối cùng tới không ai không thấy hay tránh khỏi nó. Đó là thời khắc phán xét cuối cùng và dứt khoát. Nhưng chúng ta có thể làm gì đối với sự kiện cả hai ngàn năm sau, chúng ta vẫn còn



phải chờ thời khắc đó? Người ta chỉ có thể suy đoán. Nhưng nếu chúng ta coi trọng sự kiện Chúa Giêsu đã thất bại trong sứ mệnh trần thế của Người và do đó, chúng ta tiếp tục sống dưới dấu thập giá, thì có lẽ ý định sáng tạo của Thiên Chúa để biến đổi thế giới bao gồm việc hủy diệt “mọi quân thần, mọi quyền thần và mọi dũng thần”, “mọi kẻ thù của Người”, mà kẻ thù cuối cùng là sự chết, đơn giản chỉ cần nhiều thời gian và không gian hơn mà thôi. Luca xem ra cảm thức được sự kiện chúng ta đang ở trong trạng huống này lâu dài hơn tưởng tượng lúc ban đầu: “Anh em không cần biết thời giờ và kỳ hạn Chúa Cha đã toàn quyền sắp đặt” (Cv 1:7). Chúng ta vẫn phải tin thác vào sự quan phòng của Thiên Chúa (xem câu hỏi 64). Niềm hy vọng của chúng ta vẫn còn đó như đã được thánh Phaolô mô tả cách đẹp đẽ: “Còn chúng ta, quê hương chúng ta ở trên trời, và chúng ta nóng lòng mong đợi Đức Giêsu Kitô từ trời đến cứu chúng ta. Người có quyền năng khắc phục muôn loài, và sẽ dùng quyền năng ấy mà biến đổi thân xác yếu hèn của chúng ta nên giống thân xác vinh hiển của Người” (Pl 3:20-21). Amen, Lạy Chúa Giêsu, xin hãy đến!

**Câu hỏi 101:** *Cha nghĩ điều gì sẽ diễn ra nếu Chúa Giêsu tái lâm ngày hôm nay?*

Tôi nghĩ Người có thể hỏi cùng câu hỏi Người đã hỏi các môn đệ đầu tiên của Người ở Xêdarê Philíppe “Còn các con, các con bảo Thầy là ai?” (Mc 8:29 song hành). Phân tích đến cùng, không phải nhiều câu hỏi chúng ta hỏi Chúa Giêsu quan trọng cho bằng câu hỏi chủ yếu Người hỏi chúng ta. Và chúng ta trả lời ra sao? Thậm chí chúng ta bắt đầu trả lời ra sao nếu chúng ta không vác lấy thập giá của chúng ta và lên đường theo chân Người? Điều Máccô dạy chúng ta là: sẽ không thể có câu trả lời cho câu hỏi Chúa Giêsu là ai cũng như chúng ta là ai trong tư cách môn đệ, nếu chúng ta không cảm nghiệm được việc Người chết ra sao (Mc 15:39). Phêrô từng tuyên bố rằng ngài thà chết còn hơn bác bỏ Người (Mc 14:27-31), nhưng ngài đã bác bỏ Người. Thế nhưng, nghịch lý và mâu thuẫn sự sống là những người chết lại là những người mang lại nhiều hoa trái (Ga 12:24-26). Sau cùng, điều đáng kể là làm theo thánh ý Chúa Cha bằng cách lên đường theo chân Chúa Giêsu trong quyền năng Chúa Thánh Thần của sự thật và sự sống.

## Giải thích một số từ ngữ

*Xin lưu ý: Các ngoặc đơn chỉ nơi từ ngữ xuất hiện lần đầu tiên*

**Các công đồng** (Dẫn nhập): dựa trên mô hình cuộc gặp gỡ của Phêrô và Phaolô với các nhà lãnh đạo cộng đồng Giêrusalem ở Cv 15 và vào nhu cầu ngày càng lớn của các cộng đồng địa phương do các Giám Mục dẫn dắt phải khai triển các mối liên kết với các cộng đồng địa phương khác, các tham khảo của các Giám Mục tụ họp với nhau và bao gồm sự tham dự của giáo dân đã bắt đầu vào năm 175 và phát triển thành các công đồng “chung” hay toàn thế giới thời Constantinô năm 325. Các công đồng chung được các hoàng đế triệu tập và các sắc lệnh của chúng, cả tín lý lẫn kỷ luật, có hiệu lực phổ quát. Bảy công đồng đầu tiên từ Nixêa I (325) tới Nixêa II (787) thấy đều bàn tới các vấn đề chính của Kitô học.

**Các Giáo phụ** (Dẫn nhập): thường được nhắc đến như là thời kỳ “giáo phụ”, bao gồm các trước tác của các tác giả Kitô giáo hậu Tân Ước từ thời Thánh Inhaxiô thành Antôkia (qua đời năm 110) đến Thánh Gioan Đamátô (qua đời năm 749). Đây cũng là thời kỳ của bảy công đồng chung đầu tiên (xem trên).

**Các kinh tin kính** (Dẫn nhập): các công thức được chính thức công nhận về đức tin Kitô giáo. Chúng có thể ngắn như công thức của Tân Ước: “Đức Giêsu là Chúa!” hoặc dài như Kinh Tin Kính Nixêa đọc hàng tuần trong các nhà thờ.

**Cánh chung học** (câu hỏi 70): phát xuất từ chữ Hy Lạp, chỉ chung cuộc (*eschaton*) và học hỏi (*logos*), đây là môn học về ý định cuối cùng của Thiên Chúa đối với toàn bộ sáng thế và nhất là đối với con người. Phục sinh đôi khi được gọi là biến cố “cánh chung” hay “khải huyền” do việc dự ứng sự tái lâm của Chúa Kitô và việc xử lý sau cùng đối với mọi sự.

**Cứu thế học** (câu hỏi 77): từ chữ Hy Lạp chỉ sự cứu rỗi (*sōteria*) và học hỏi (*logos*), đây là việc nghiên cứu ý định của Thiên Chúa muốn cứu rỗi hay giải phóng sáng thế. Việc này chủ yếu được mạc khải trong cái chết và sự phục sinh của Chúa Giêsu (câu hỏi 75), dù không hoàn toàn như vậy. Kitô học và cứu thế học, tức là việc Chúa Giêsu là ai và Người đã hoàn tất những gì, có liên hệ hết sức gắn bó với nhau.

**Khải huyền** (Câu hỏi 33) do chữ Hy Lạp chỉ mạc khải (*apocalypsis*), thường đề chỉ loại văn chương phổ biến nơi cả người Do Thái lẫn Kitô hữu trong khoảng từ năm 200 TCN tới năm 200 CN. Cuốn cuối cùng của Tân Ước, vốn đặc trưng cho loại văn chương này, có tên là Khải Huyền hay Mạc Khải cho Gioan. Viết trong thời bách hại, loại văn chương này dùng ngôn từ và hình ảnh che đậy hay có tính biểu tượng để mang lại niềm hy vọng cộng đồng vào một chiến thắng sau cùng và niềm khích lệ để họ kiên tâm. Hình thức cực đoan của Khải Huyền trông đợi “các dấu lạ” để tiên đoán chính xác ngày tận thế diễn ra khi nào, ở đâu, và cách nào, nhưng Khải Huyền của Kinh Thánh là loại văn chương có tính phản kháng từ nền tảng, dựa vào Thiên Chúa để thể hiện các niềm hy vọng của cộng đồng. Đối với các Kitô hữu, “biến cố Khải Huyền” sau cùng và dứt khoát diễn ra trong biến cố phục sinh của Chúa Giêsu (xem các câu hỏi 68,71,98).

**Khoa phê bình Kinh Thánh** (Dẫn nhập): áp dụng lý trí nhân bản (do đó, “khoa phê bình”) vào các bản văn của Cựu Ước lẫn Tân Ước. Lý lẽ này có thể là lịch sử, triết học, kinh nghiệm, văn chương v.v... Các phương pháp đã được khai triển để tương ứng với các loại câu hỏi được nêu ra. Việc khai triển khoa phê bình Kinh Thánh “hiện đại” thường được định niên biểu từ thời phong trào Ánh Sáng thế kỷ 18.

**Mạc khải** (Câu hỏi 12): Việc tự thông đạt của Thiên Chúa như qua trung gian thiên nhiên, lịch sử, kinh nghiệm bản thân v.v... Đối với các Kitô hữu, việc Thiên Chúa tự thông đạt chủ yếu phát xuất qua Chúa Giêsu, Đấng mạc khải tục tại thân linh một cách sau cùng và dứt khoát trong biến cố phục sinh. Mọi điều cho là mạc khải khác phải nhất quán với mạc khải một lần vĩnh viễn này (xem các câu hỏi 67-75).

**Tin mừng nhất lãm** (Dẫn nhập): Các Tin Mừng Mátthêu, Máccô và Luca, gọi thế vì có thể đặt chúng vào những cột song hành để thấy chúng có bao nhiêu tư liệu chung với nhau. Trong khi Tin Mừng Gioan tuy có một số tư liệu chung với ba Tin Mừng này, nhưng nó rất khác cả về đề cương lẫn về nội dung.

## Thư Mục

*Đề nghị để đọc thêm*

Marcus J. Borg, *Jesus: A New Vision, Spirit, Culture, and the Life of Discipleship* [Chúa Giêsu: Viễn kiến, Tinh thần, Văn hóa mới, và đời sống làm Môn đệ]. San Francisco: HarperCollins, 1987.

Raymond e. Brown, *Responses to 101 Questions on the Bible* [Trả lời 101 Câu hỏi về Kinh Thánh]. Mahwah: Paulist Press, 1990.

Michael L. Cook, *Guidelines for Contemporary Catholics: The Historical Jesus* [Các Hướng dẫn dành cho Người Công Giáo: Chúa Giêsu Lịch sử]. Chicago: The Thomas More Press, 1986.

Bernard J. Cooke, *God's Beloved: Jesus' Experience of the Transcendent* [Người được Thiên Chúa Yêu thương: Trải nghiệm Đấng Siêu việt của Chúa Giêsu]. Philadelphia: Trinity Press International, 1992.

James W. Douglass, *The Nonviolent Coming of God* [Việc Xuất hiện Bất Bạo động của Thiên Chúa]. Maryknoll: Orbis Books, 1991.

Joseph A. Fitzmyer, *A Christological Catechism. New Testament Answers* [Sách Giáo lý Kitô học. Các Câu Trả lời của Tân ước]. Ramsey: Paulist Press, 1982.

Andrew M. Greeley, *The Jesus Myth. New Insights into the Person and Message of Jesus* [Huyền thoại Giêsu. Những Tầm nhìn thông sáng mới vào Con người và các Sứ điệp của Chúa Giêsu], New York: Doubleday Image Books, 1973.

Monika K. Hellwig, *Understanding Catholicism* [Hiểu Đạo Công Giáo]. Ramsey: Paulist Press, 1981.

Monika K. Hellwig, *Jesus, The Compassion of God* [Chúa Giêsu, Lòng Cảm thương của Thiên Chúa]. Wilmington: Michael Glazier, 1983.

Elizabeth A. Johnson, *Consider Jesus. Waves of Renewal in Christology* [Hãy Xem xét Chúa Giêsu. Các đợt Canh tân trong Kitô học]. New York: Crossroad, 1990.

John P. Meier, *A Marginal Jew. Rethinking the Historical Jesus* [Một Người Do thái Bên lề. Suy nghĩ lại về Chúa Giêsu Lịch sử]. New York: Doubleday, 1991.

Juergen Moltmann, *The Way of Jesus Christ, Christology in Messianic Dimensions* [Con đường Chúa Giêsu Kitô, Kitô học trong các Chiều kích Thiên sai của nó]. San Francisco: HarperCollins, 1990.

Albert Nolan, *Jesus Before Christianity* [Chúa Giêsu trước Kitô giáo]. Revised Edition. Maryknoll: Orbis Books, 1992.

Janoslav Pelikan, *Jesus Through the Centuries: His Place in the History of Culture* [Chúa Giêsu qua các Thế kỷ: Vị trí của Người trong Lịch sử Văn hóa]. New Haven: Yale University Press, 1985.

Sandra M. Schneiders, *Women and the Word. The Gender of God in the New Testament and the Spirituality of Women* [Phụ nữ và Ngôi Lời. Phái tính của Thiên Chúa trong Tân Ước và Linh đạo Phụ nữ]. Mahwah: Paulist Press, 1986.

Gerard S. Sloyan, *Jesus in Focus. A Life in its Setting* [Chúa Giêsu trong tập chú. Một Cuộc đời trong Khung cảnh của nó]. Mystic: Twenty-Third Publications, 1983.

Gerard S. Sloyan, *The Jesus Tradition. Images of Jesus in the West* [Truyền thống Giêsu. Các Hình ảnh của CHúa Giêsu ở Phương Tây]. Mystic: Twenty-Third Publications, 1986.